



Báo cáo
thường niên

2018
Năm của sự
kết nối

Chương 01

Giới thiệu chung

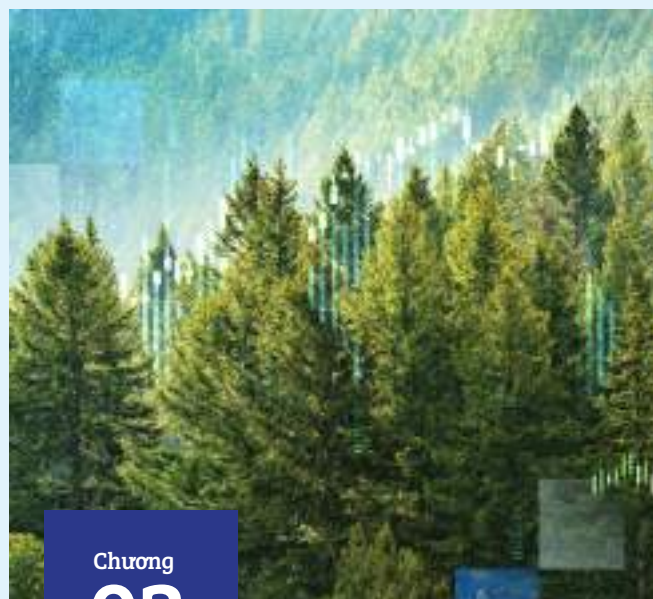
- 08 Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản trị
- 10 Thông tin chung về Công ty
- 24 Các chỉ số cơ bản KPIs



Chương 02

Quản trị công ty

- 32 Cơ cấu tổ chức
- 34 Nhân sự chủ chốt
- 38 Thông tin dành cho Cổ đông
- 48 Hội đồng quản trị
- 57 Ban kiểm soát
- 62 Kiểm toán nội bộ
- 66 Quản trị rủi ro
- 76 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát
- 79 Đánh giá quản trị công ty tham chiếu quy chế CAMEL và thể điểm QTCT Asean



Chương 03

Báo cáo tình hình hoạt động năm 2018

- 86 Bối cảnh nền kinh tế & thị trường chứng khoán
- 92 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 96 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

MỤC LỤC

Chương 04

Kế hoạch kinh doanh trong năm 2019

- 132 Chiến lược phát triển 2016 - 2020
- 138 Mục tiêu và cam kết hành động năm 2019

Chương 05



Phát triển bền vững

- 150 GRI 102: Công bố thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016
- 151 Thông điệp về PTBV của TGD
- 160 GRI 200: Kinh tế
- 163 GRI 300: Môi trường
- 166 GRI 400: Xã hội

Báo cáo tài chính & Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

- 196 Báo cáo tài chính
- 282 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Chương 06

Giới thiệu chung

- 08 Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- 10 Thông tin chung về công ty
- 24 Các chỉ số cơ bản KPIs

Thông điệp chủ tịch hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác của BVSC

Năm 2018 là năm thứ 3 trong lộ trình thực hiện chiến lược 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua. Tiếp tục với định hướng kinh doanh tập trung vào 3 trụ cột chính vốn là thế mạnh của BVSC, bao gồm Môi giới và dịch vụ tài chính, Tư vấn và Đầu tư.

Năm 2018 là năm mà nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 10 năm vừa qua nhưng TTCK lại “lạc nhịp” với chỉ số chứng khoán VNI và thanh khoản thị trường đều không đạt mức như kỳ vọng. BVSC với nỗ lực và quyết tâm cao của HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV, đã về đích với việc hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHCĐ 2018 thông qua. Doanh thu thực hiện đạt 464,20 tỷ đồng, tương đương 102,20% so với Kế hoạch và 107,18% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 131,65 tỷ đồng, tương đương 107,91% so với kế hoạch và tăng trưởng 16,6% so với cùng kỳ. Với thế mạnh về kinh nghiệm và uy tín của mình, chúng tôi tiếp tục là nhà tư vấn cho thương vụ thoái vốn nhà nước tiêu biểu nhất trong năm 2018 với việc tư vấn thành công cho SCIC thoái vốn tại Vinaconex, tăng nguồn thu về cho Nhà nước thêm 36% so với giá khởi điểm.

Thông qua việc tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị Công ty trên nền tảng khung pháp lý của Nhà nước quy định về quản trị Công ty đối với các công ty đại chúng, kết hợp với những thông lệ tốt tham chiếu theo thể điểm quản trị Công ty khu vực Asean, BVSC đã và đang tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty vững mạnh để quản trị rủi ro tốt và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Với những gì đã thực hiện trong năm vừa qua, chúng tôi chọn nhìn lại năm 2018 với thông điệp **Năm của sự Kết nối** để ghi nhận nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty trong sự kết nối với khách hàng, với cổ đông, với cộng đồng và các bên liên quan khác để đạt được thành quả hoạt động trong năm vừa qua. Năm 2018 cũng là năm mà chúng tôi thực hiện kết nối sâu sắc giữa những con người BVSC để cùng chuẩn bị hành trang đầy đủ cho sự thay đổi lớn trong năm 2019- năm Công ty kỷ niệm 20 năm hình thành và phát triển.

HĐQT luôn ghi nhận sự cống hiến tận tâm của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong suốt thời gian qua.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã luôn đồng hành cùng Công ty trong năm 2018 và trong suốt 19 năm qua.

Trân trọng

TM. HĐQT
Chủ tịch



Nguyễn Hồng Tuấn



Chúng tôi chọn nhìn lại năm 2018 với thông điệp Năm của sự Kết nối để ghi nhận nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty trong sự kết nối với khách hàng, với cổ đông, với cộng đồng và các bên liên quan khác để đạt được thành quả hoạt động trong năm 2018 vừa qua.

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

2018 Năm của sự kết nối

Thông tin chung về công ty

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
---------------	---------------------------------------

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	01/GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
------------------------------------	--

Vốn điều lệ	722.339.370.000 đồng
-------------	----------------------

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018	1.692.152.042.464 đồng
---	------------------------

Địa chỉ	Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
---------	--

Điện thoại	024.39288080
------------	--------------

Fax	024.39289888
-----	--------------

Website	www.bvsc.com.vn
---------	-----------------

Mã cổ phiếu	BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
-------------	--

Tầm nhìn

Giữ vững vị trí là Công ty chứng khoán hàng đầu, mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và sự hài lòng nhất cho cổ đông;

Giá trị cốt lõi

- Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty;
- Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên;
- Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.



Sứ mệnh

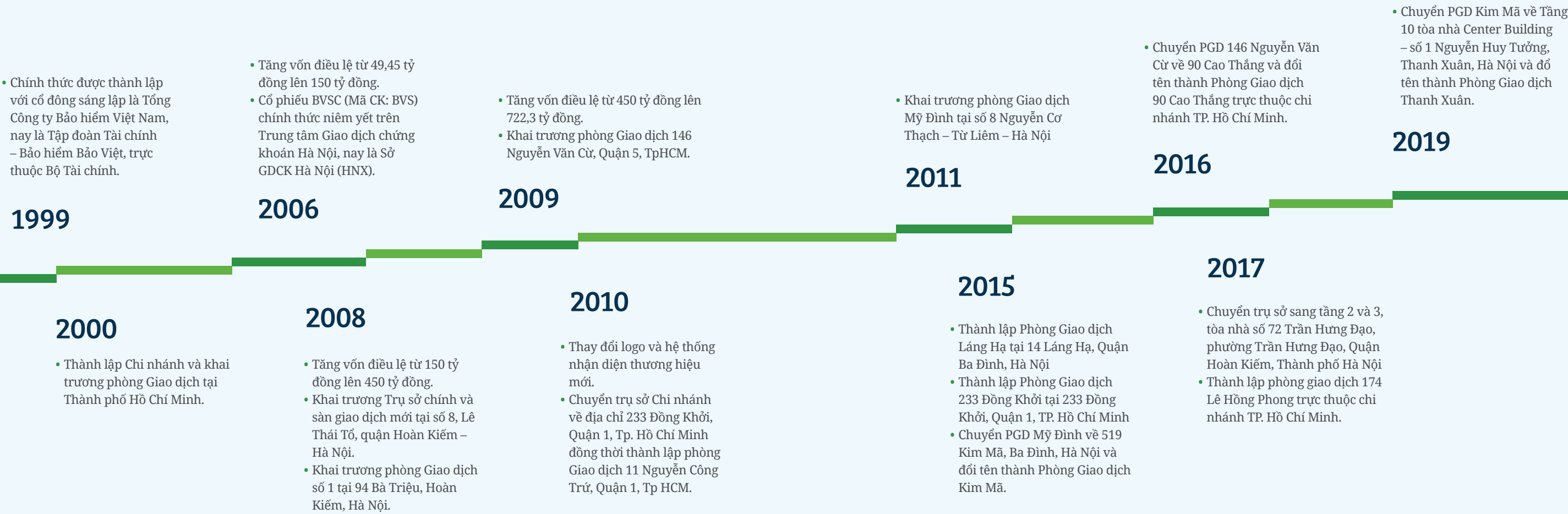
Trao “Niềm tin vững chắc” cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng “Cam kết vững bền”.



Thông tin chung về công ty

Lịch sử phát triển

Dấu mốc phát triển qua các năm



Thông tin chung về công ty

Các lĩnh vực hoạt động

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký
- Tự Doanh
- Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư
- Phân tích và Tư vấn đầu tư

Môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 19 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có trên 65 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC. Công ty luôn nằm trong TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu lớn nhất; đồng thời liên tục nằm trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất trên thị trường.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, JP Morgan, NOMURA, Dragon Capital, Vina Capital, East Spring....

Với cam kết “Lấy khách hàng làm trọng tâm” trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đầu của các tổ chức.

Lưu ký

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và căn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tự doanh

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.



Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm “Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả”, và Mục tiêu “Tối đa hóa lợi ích của khách hàng”, các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

Phân tích và Tư vấn đầu tư

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp.....Đặc biệt, các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.

Thông tin chung về công ty

Mạng lưới hoạt động

Hà Nội

HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Tel: (84-24) 3.928 8080
Fax: (84-24) 3.928 9888
Email: info-bvsc@baoviet.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

PHÒNG GIAO DỊCH HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Tel: (84-24) 3.928 8080 /Ext 804
Fax: (84-24) 3.9288999

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-24) 3.928 9950
Fax: (84-24) 3.943 3012

PHÒNG GIAO DỊCH THANH XUÂN

Địa chỉ: Tầng 10 tòa nhà Center Building – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-24) 3.928 8080/ Ext: 888/889/890
Fax: (84-24) 3.237 3135

PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (84-24) 3.928 8888/ Ext: 873
Fax: (84-24) 3.772 8682

TP. HCM

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM
Tel: (84-28) 3.914 6888
Fax: (84-28) 3.914 7999
Email: info.hcm@baoviet.com.vn

PHÒNG GIAO DỊCH CHI NHÁNH

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 TP Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3.821 8564 / Ext 320 - 327
Fax: (84-28) 3.821 8566 / 3.914 1435

PHÒNG GIAO DỊCH 90 CAO THẮNG

Địa chỉ: 90 Cao Thắng, Quận 3 TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3.837 7799
Fax: (84-28) 3.837 1100

PHÒNG GIAO DỊCH 233 ĐỒNG KHỞI

Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3.914 6888
Fax: (84-28) 3.914 7999

PHÒNG GIAO DỊCH 174 LÊ HỒNG PHONG

Địa chỉ: 174 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3 914 6888
Fax: (84-28) 3.914 7999

Thông tin chung về công ty

Giải thưởng

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh

Thủ tướng chính phủ

- Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2013

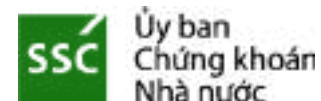


Bộ Tài chính

- Cờ thi đua khen thưởng: “Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016-2017”
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2000 – 2005
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015-2018



Ủy ban chứng khoán nhà nước



- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012



Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)



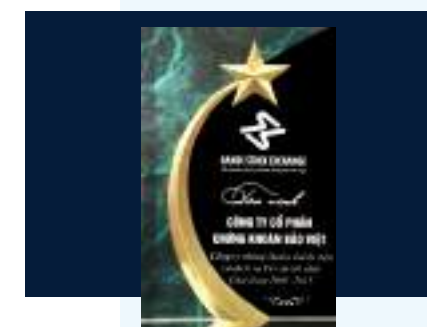
- Bằng khen về những đóng góp tích cực vào sự phát triển thị trường Trái phiếu Chính phủ từ năm 2009 tới năm 2014



- Thành viên tiêu biểu trong 6 năm liên tiếp 2013 - 2018
- Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 - 2016



- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 - 2014 - 2015 - 2016



- Công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ Tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015

Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM



- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015
- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và CCQ năm 2016



Trung tâm lưu ký chứng khoán



- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 2018
- Top 10 Thành Viên Tiêu Biểu Trong Hoạt Động Thanh Toán Tiền Chứng Khoán Năm 2017



Thông tin chung về công ty

Giải thưởng

Giải thưởng khác

Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam



- Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam



Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam



- Top 100 Sao vàng đất Việt 2018
- Top 200 Sao vàng đất Việt 2015



Thời báo Kinh tế Việt Nam



- Thương hiệu mạnh Việt Nam 6 năm liên tiếp 2013 – 2018



Cuộc thi Báo cáo thường niên tốt nhất



- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 3 năm liên tiếp 2013 – 2014 – 2015
- Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 & 2016



- Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 2018



Diễn đàn M&A thường niên



- Công ty Chứng khoán Tư vấn tiêu biểu nhất năm 2017-2018
- Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỷ 2009 - 2018
- Công ty Chứng khoán tiêu biểu nhất – hạng mục Cổ phần hóa/ Thoái vốn DNNN 2015
- Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất, hạng mục tư vấn hợp nhất sáp nhập 2016
- Công ty chứng khoán tiêu biểu - Tư vấn M & A - 2016 - 2017
- Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 – 2014
- Tổ chức tư vấn Cổ phần hóa tiêu biểu nhất 2013 - 2014



Giải thưởng bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu



- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2017 – Nhóm vốn hóa vừa



Thông tin chung về công ty

Giải thưởng

Giải thưởng Quốc tế



(Anh Quốc)

- Công ty Chứng khoán tư vấn tốt nhất 2018
- Công ty Chứng khoán môi giới tốt nhất 2018



(Anh Quốc)

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2015 – 2016 – 2017
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017



(HongKong)

- Công ty tư vấn tốt nhất Việt Nam 2008

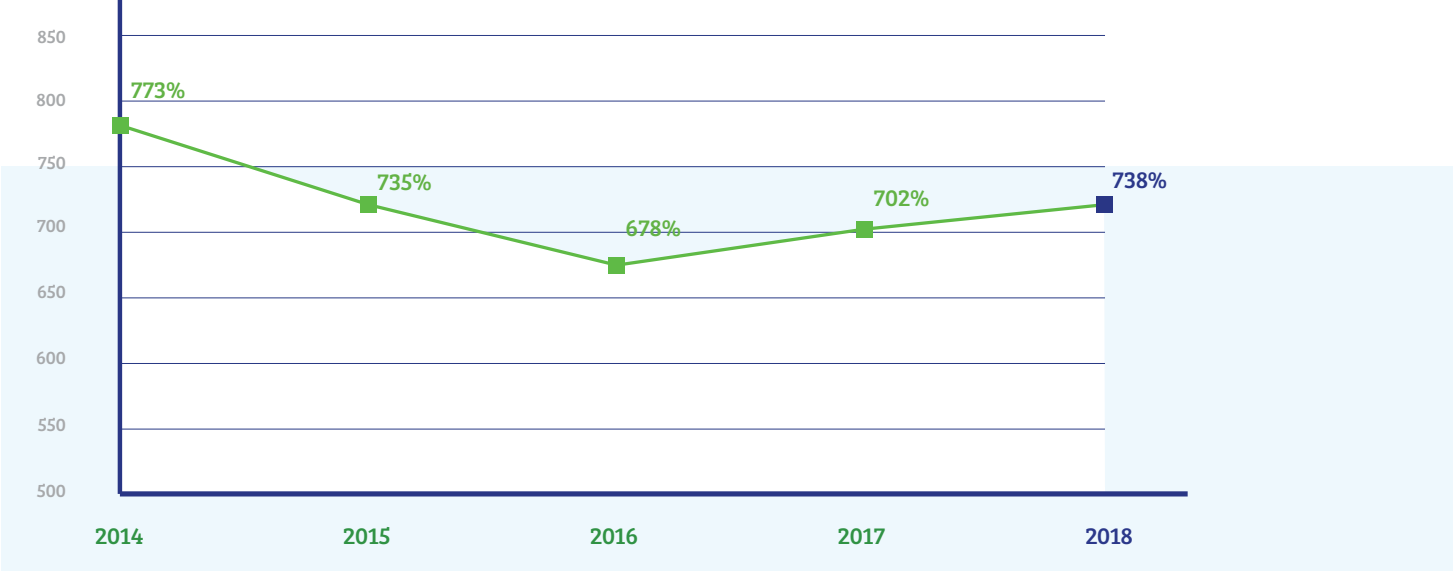


Các chỉ số cơ bản
(KPIs)

Tổng doanh thu



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng



Đơn vị: Đồng

I, CHỈ TIÊU CƠ BẢN	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng doanh thu và thu nhập khác	305.820.310.237	287.614.475.623	327.322.475.623	483.792.424.443	547.739.630.443
Doanh thu môi giới	108.679.704.730	84.023.709.261	99.886.761.357	207.668.059.443	171.589.919.323
Doanh thu tư vấn	5.537.945.455	9.490.733.596	9.547.556.363	8.401.798.160	7.329.571.942
Lãi đầu tư các tài sản tài chính	61.025.574.026	53.174.893.673	90.687.047.076	115.357.684.679	167.046.218.184
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	116.689.868.993	120.095.391.995	98.486.397.721	122.540.135.817	168.791.290.501
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đấu giá	139.862.699	1.028.025.755	272.264.577	925.710.277	279.843.553
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký CK	3.278.191.104	3.694.319.217	4.377.884.402	5.986.672.222	6.518.202.269
Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác	9.992.652.105	15.672.382.454	24.055.000.490	22.800.501.118	26.024.301.970
Thu nhập khác	476.511.125	435.363.636	9.563.637	111.862.727	214.282.701
Lợi nhuận trước thuế	131.642.224.052	120.324.624.019	121.486.939.130	152.423.491.629	122.479.971.774
Lợi nhuận sau thuế	131.642.224.052	116.105.180.030	102.173.934.708	122.444.616.421	103.531.794.433
Lợi nhuận thực hiện sau thuế			88.834.500.964	112.880.281.467	131.651.713.676
Tổng tài sản	1.883.734.671.165	1.667.826.874.031	1.879.658.673.415	2.198.954.446.672	2.927.161.189.656
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.341.205.921.867	1.450.739.880.694	1.567.684.885.495	1.698.103.606.710	1.692.152.042.464

II, CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	773%	735%	678%	702%	738%
Hệ số thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,11	6,38	4,44	3,55	2,79
Hệ số thanh toán tức thời (Tiền & các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	3,11	2,07	4,22	3,48	2,75
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.732	1.552	1.339	1.479	1.741

Báo cáo
thường niên 2018

Kết nối nội lực

2018 - năm của sự kết nối

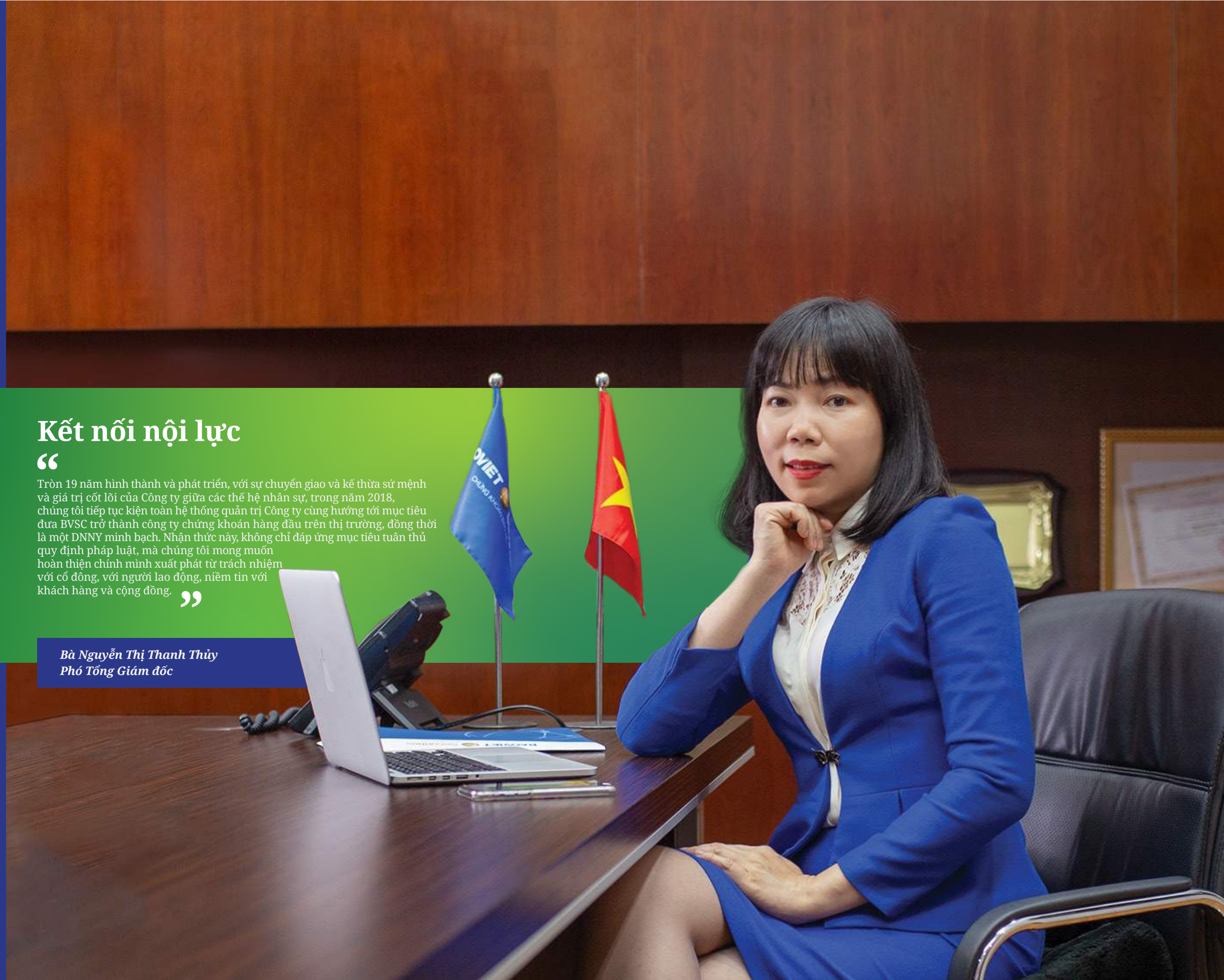
Kết nối nội lực

“

Tròn 19 năm hình thành và phát triển, với sự chuyển giao và kế thừa sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Công ty giữa các thế hệ nhân sự, trong năm 2018, chúng tôi tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị Công ty cùng hướng tới mục tiêu đưa BVSC trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đồng thời là một DNNY minh bạch. Nhận thức này, không chỉ đáp ứng mục tiêu tuân thủ quy định pháp luật, mà chúng tôi mong muốn hoàn thiện chính mình xuất phát từ trách nhiệm với cổ đông, với người lao động, niềm tin với khách hàng và cộng đồng.

”

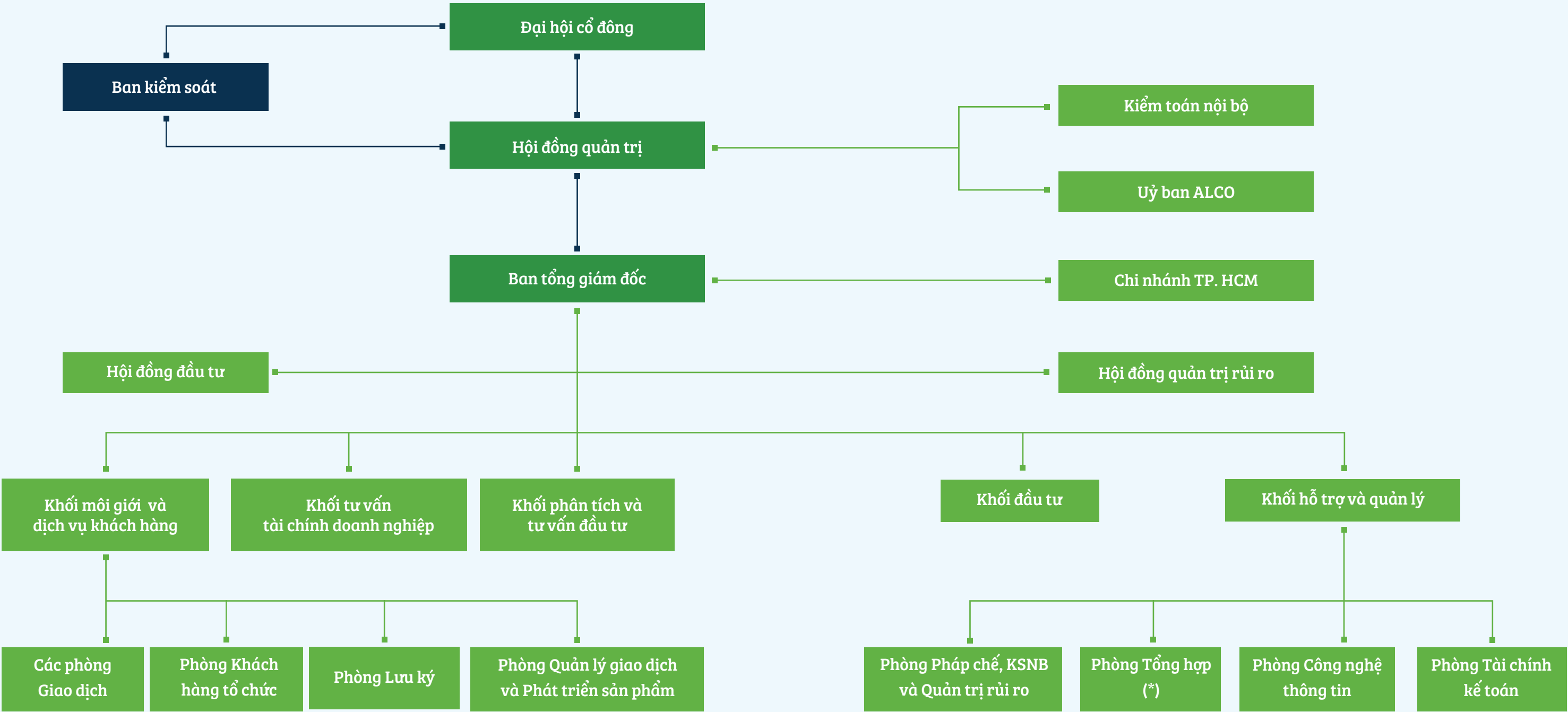
*Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phó Tổng Giám đốc*



Quản trị công ty

- 32 Cơ cấu tổ chức
- 34 Nhân sự chủ chốt
- 38 Thông tin dành cho Cổ đông
- 48 Hội đồng quản trị
- 57 Ban kiểm soát
- 62 Kiểm toán nội bộ
- 66 Quản trị rủi ro
- 76 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và Ban Kiểm soát
- 79 Đánh giá quản trị công ty tham chiếu thể điểm quản trị Asean

Cơ cấu tổ chức



(*) Phòng Tổng hợp thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

Nhân sự
chủ chốt
Hội Đồng Quản Trị



Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN
Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC đầu tiên: 27/06/2017.
- Ngày tháng năm sinh: 31/03/1969.
- Học vấn: Cử nhân chuyên ngành tín dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc

- 06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 05/2014 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 12/2011 – T9/2017: Quyền TGD, TGD Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 01/2009 – 12/2011: Phó TGD kiêm GD Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 12/2006 – 11/2006: Trưởng ban Dự án Ngân hàng Bảo Việt, Thành viên ban trụ bị thành lập Ngân hàng Bảo Việt.
- 01/2006 – 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Bảo Việt.
- 4/1998 – 11/2005: Phó trưởng phòng P. Đầu tư vốn, Phó GD Trung tâm Đầu tư Bảo Việt.
- 12/1994 – 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- Thành viên HĐTV Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

**** Theo quy định tại Khoản 7, Điều 2 của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP ngày 06/ 06/ 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, ông Nguyễn Quang Hưng là thành viên độc lập HĐQT của BVSC. Ông Nguyễn Quang Hưng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ghi nhận là thành viên độc lập của HĐQT BVSC tại Biên bản kiểm tra tình hình hoạt động BVSC ngày 11/12/2017.**



Ông NGUYỄN QUANG HƯNG
Thành viên HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC đầu tiên: 27/06/2017.
- Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974;
- Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc

- 06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 01/2015 - nay: Phó TGD Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 03/2014 – 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 03/2009 – 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 04/2004 – 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 09/2001 – 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore.
- 08/1995 – 09/2001: Chuyên viên Phòng tái bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó TGD Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Thành viên HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC đầu tiên: 12/05/2016.
- Ngày tháng năm sinh: 05/09/1977.
- Học vấn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc

- 05/2016 – nay: TV. HĐQT BVSC.
- 11/2016 – nay: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 5/2016 – 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2015 – 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 09/2014 – 04/2015: Phó trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2012 – 09/2014: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2011 – 12/2012: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 01/2006 – 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2001 – 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác

- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine.
- Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long.
- Chủ tịch Ban đại diện Quỹ BVFED.



Ông LÊ VĂN BÌNH
Thành viên HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT lần đầu tiên: 2001.
- Ngày tái bổ nhiệm gần nhất TV. HĐQT: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1955.
- Học vấn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc

- 2001 - nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 10/2007 – 01/2015: Thường trực Ủy ban Kiểm toán Giám đốc Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Bảo Việt.
- Năm 1994 – 10/2007: Phó Trưởng Phòng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng – Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
- Năm 1983 – 1994: Giảng viên Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có



Ông NHỮ' ĐÌNH HÒA
Thành viên HĐQT (Điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT lần đầu tiên: 03/04/2010.
- Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 12/04/1972.
- Học vấn: Thạc sĩ kế toán ĐH Tổng hợp Hawaii (Hoa Kỳ), Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc

- 04/2010 đến nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.
- Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC.
- 1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

không có

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 14/03/2019:

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (Trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu 0,15%).
- Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ.
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Lê Văn Bình: Thành viên HĐQT không điều hành: sở hữu 0% cổ phần.

Ban Kiểm Soát



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm TV. BKS: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 11/03/1977.
- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh thương mại.

Kinh nghiệm làm việc

- 04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.
- 01/2008 – nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế - Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2001 – 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 08/1999 – 10/2001: Phụ trách Kế toán – Công ty Tin học Duy Hùng.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế – Tập đoàn Bảo Việt.
- Thành viên HĐQT – Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Chủ tịch HĐQT – Công ty Bảo Việt Âu Lạc.



Ông HOÀNG GIANG BÌNH
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm TV. BKS: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 14/12/1986.
- Học vấn: Thạc sỹ Kế toán – Tài chính.

Kinh nghiệm làm việc

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
- 09/2015 – nay: Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.
- 08/2012 – 09/2015: Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2011 – 05/2012: Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- 03/2009 – 09/2009: Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Chuyên viên– Ban Đầu tư, Khối Chiến lược và Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.



Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm TV. BKS: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1982.
- Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
- 01/2005 – nay: Kế toán viên, Phó Trưởng Ban – Ban Kế toán, Tập đoàn Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác

- Phó trưởng ban – Ban Kế toán, Khối Quản lý Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2014 – nay: Kiểm soát viên – Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

Thành phần Ban Kiểm soát và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 14/03/2019:

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 4,92% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Hoàng Giang Bình: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.

Ban Điều Hành



Ông NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 02/2010.
- Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 08 năm, 10 tháng
- Tuổi: 46
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán ĐH Tổng hợp Hawaii (Hoa Kỳ), Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc

- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 2000 – 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.
- Từ 1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có



Ông VÕ HỮU TUẤN
Phó Tổng Giám đốc
Kiêm Giám đốc Chi nhánh TP HCM

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 04/02/2008.
- Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM: 10 năm, 10 tháng.
- Tuổi: 44 tuổi.
- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc

- Từ 04/02/2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM – BVSC.
- Từ 08/2007 - 02/2008: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 10/2005 - 08/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 07/2002 - 09/2005: Trưởng phòng Giao dịch Chi nhánh TP.HCM.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Thành viên HĐQT của Công ty CP Dược phẩm Imexpharm.
- Thành viên HĐQT Công ty CP Nosafood.
- Thành viên Ban đại diện của Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF).



Bà NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.
- Thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc: 08 năm 05 tháng.
- Tuổi: 41 tuổi
- Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm làm việc

- Từ 07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.
- Từ 09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.
- Từ 10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác

Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 14/03/2019:

- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (Trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu 0,15%).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.
- Ông Võ Hữu Tuấn: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh - nắm giữ 0,023% Vốn Điều lệ.

Thông tin dành cho cổ đông

Thông tin cổ phiếu BVS tại ngày 31/12/2018

Tên cổ phiếu
BVS

Sàn niêm yết
HNX

Số lượng cổ phiếu niêm yết	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Vốn điều lệ tăng do phát hành trong năm
72.233.937 cổ phiếu	72.200.145 cổ phiếu	0 VNĐ
Số lượng cổ phiếu quỹ	Giá trị vốn hóa thị trường	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS 2018)
33.792 cổ phiếu	917,37 tỷ VNĐ	1.741 VNĐ

Cổ tức 2018

Chi trả cổ tức của năm tài chính 2017: Thực hiện theo NQ số 01/2017/NQ - ĐHĐCĐ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 được tổ chức ngày 27/06/2017, BVSC đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ: 7% trên mệnh giá kể từ ngày 9/8/2018 theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/7/2018.

Tạm ứng cổ tức của năm tài chính 2018: Thực hiện theo NQ số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức ngày 05/06/2018, BVSC đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ: 7% trên mệnh giá kể từ ngày 28/2/2019 theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/12/2018.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)	23.437 đồng	
Giá thị trường tại ngày 31/12/2018	12.700 đồng/cổ phiếu	
Giá cao nhất năm 2018	21.800 đồng/cổ phiếu	
Giá thấp nhất năm 2018	12.300 đồng/cổ phiếu	
Tổng khối lượng giao dịch năm 2018	13.122.857 cổ phiếu	
Tổng giá trị giao dịch năm 2018	230.643.670.000 đồng	P/B 0,54 lần
Khối lượng giao dịch bình quân năm 2018	52.491 cổ phiếu/ngày	P/E 7,29 lần

Nguồn: Fimpro – Dữ liệu giao dịch doanh nghiệp

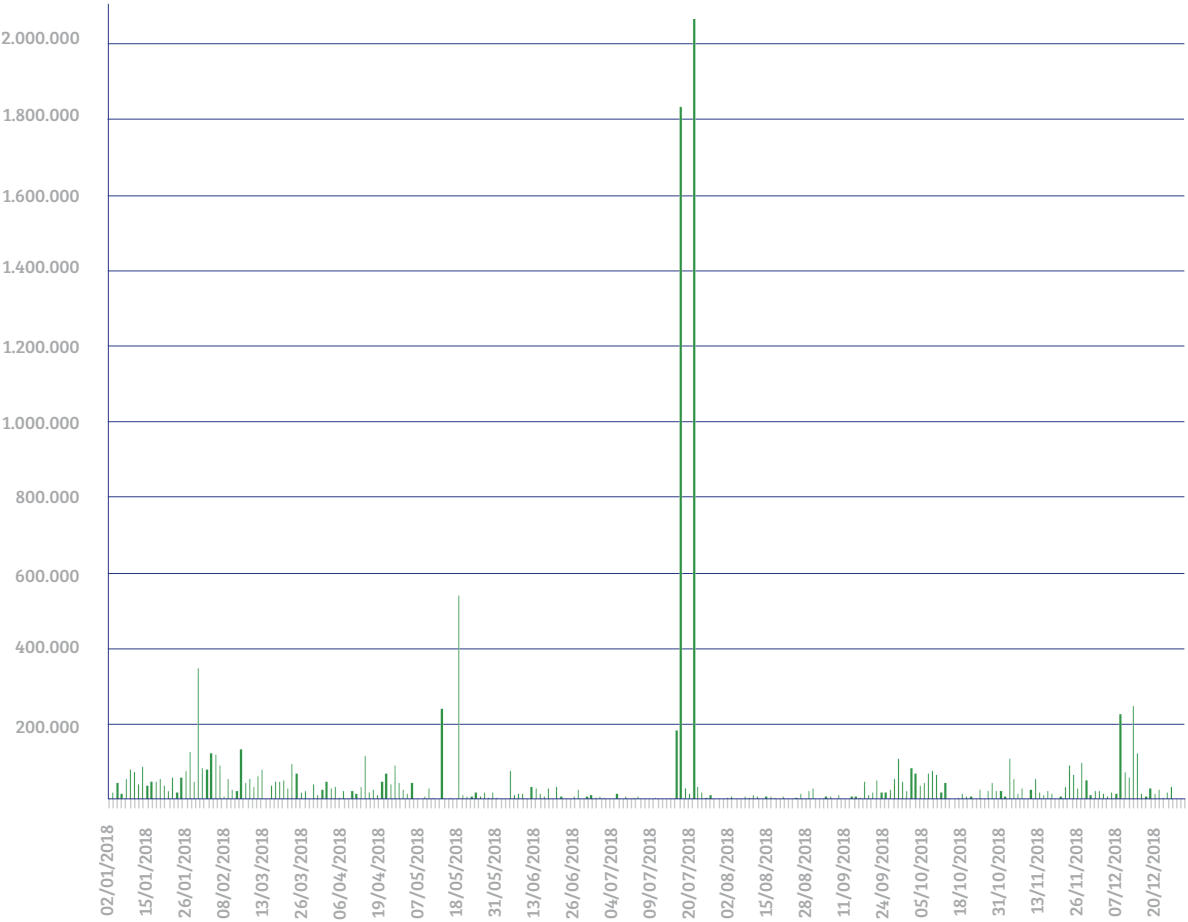
Giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với VNIndex từ ngày 01/01/2018 -31/12/2018



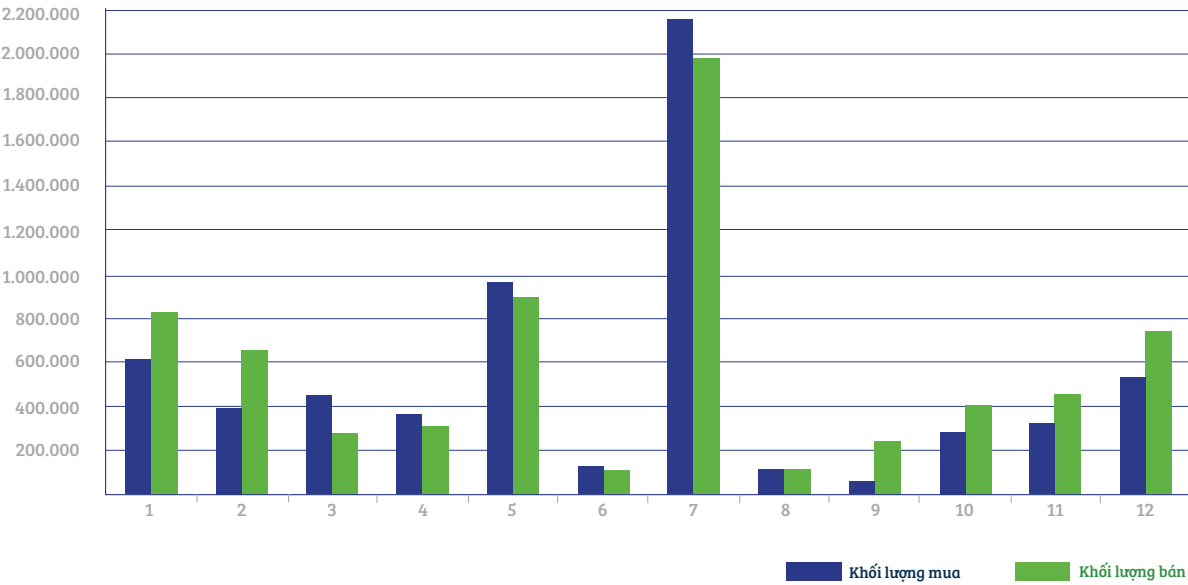
Giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với HNXIndex từ ngày 01/01/2018 -31/12/2018



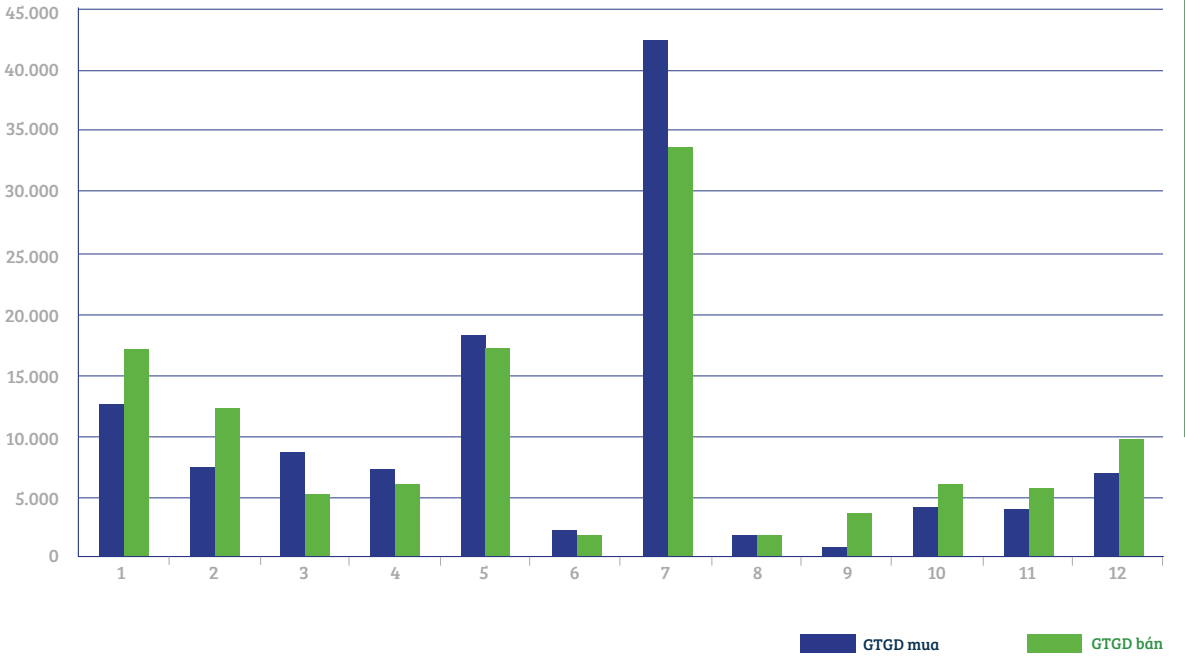
Khối lượng giao dịch của cổ phiếu BVS từ ngày 01/01/2018 -31/12/2018



Khối lượng giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư Nước ngoài

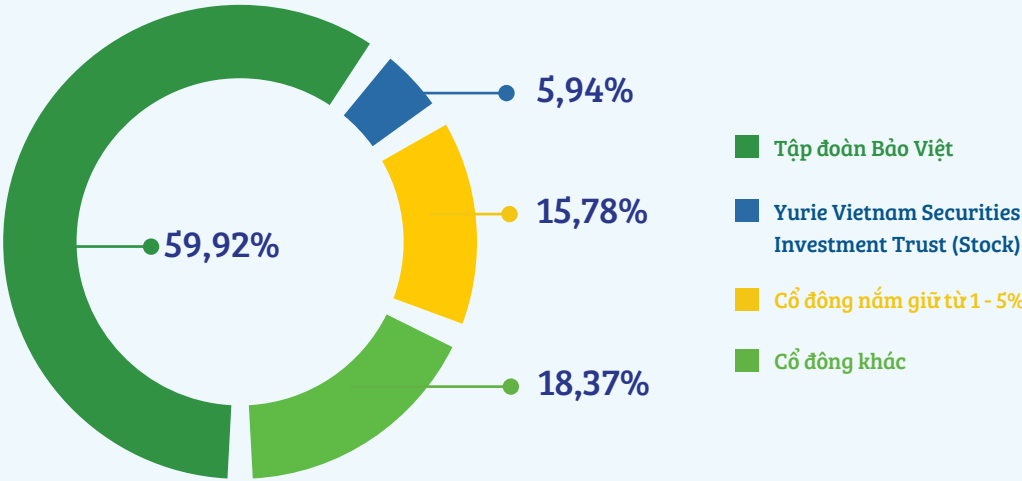


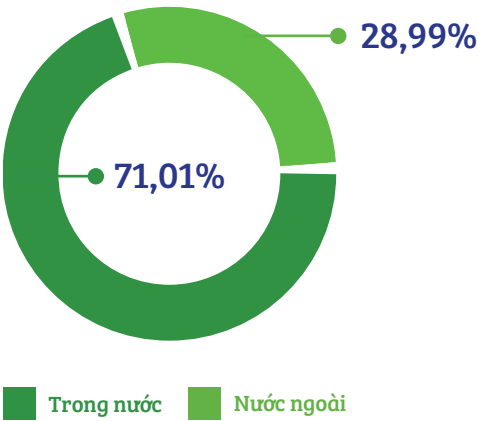
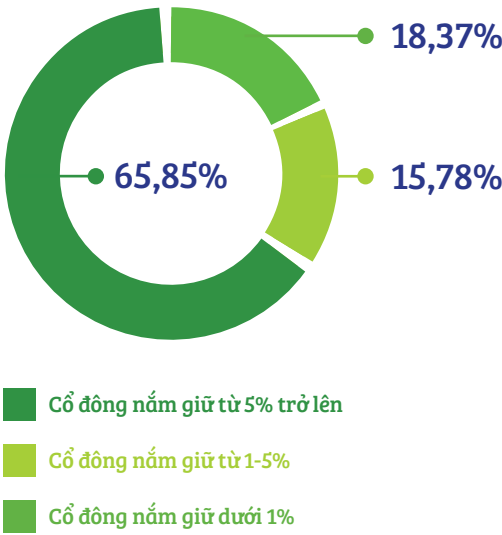
Giá trị giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư Nước ngoài (Triệu đồng)



Danh sách cổ đông chốt ngày 14/03/2019

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ





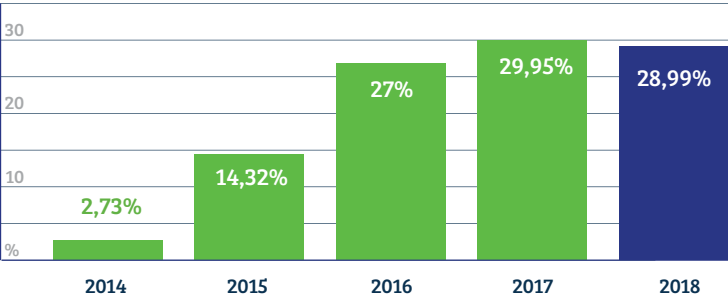
Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

CỔ ĐÔNG	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	2.743	13.267.254	18,37
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	7	11.397.690	15,78
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	2	47.568.993	65,85
Tổng cộng	2.752	72.233.937	100

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

CỔ ĐÔNG	Tỷ lệ (%)	CỔ ĐÔNG	Tỷ lệ (%)	
Trong nước	71,01	Nước ngoài	28,99	Tổng 100%
Cá nhân	10,09	Cá nhân	2,04	
Tổ chức	60,91	Tổ chức	26,96	

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài



Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2018: Không có.
- Các chứng khoán khác: Không có

Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2018:

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông

Là Công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và BVSC cũng là nhà tư vấn hàng đầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp, BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông của chính mình cũng như là một trong những hình mẫu về thực thi các quyền của cổ đông tới các doanh nghiệp là khách hàng của công ty. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng và công bằng.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 20, Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 9 của BVSC. Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại. Hiện tại, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong năm 2018 thông qua hoạt động IR được thực hiện một cách minh bạch và chuyên nghiệp.

ĐHĐCĐ thường niên 2018

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 05/06/2018 BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty tối thiểu 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Ngoài ra, thư mời họp được công ty công bố trên 01 trang báo có kênh phát hành toàn quốc. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2018, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được đăng tải tại website công ty.

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ 2018, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc. Cũng tại Đại hội 2018, cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng như kế hoạch kinh doanh 2018, về vấn đề cổ tức của BVSC, về kết quả kinh doanh quý I/2018, về hoạt động cho vay Margin... Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự đại hội 2018 để trả lời các chất vấn của cổ đông.

Biểu quyết tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

NỘI DUNG	ĐHĐCĐ 2018 BVSC đã biểu quyết thông qua
Hoạt động kinh doanh	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty - Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018
Các báo cáo	- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và định hướng hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị - Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát Công ty - Thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 - Thông qua báo cáo về tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty	- Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2017, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2018 - Thông qua việc thực hiện chi trả thù lao 2017 và kế hoạch trả thù lao năm 2018 cho HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.



Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)

Trong những năm qua bộ phận quan hệ cổ đông của BVSC đã làm tốt chức năng là cầu nối gắn kết các cổ đông và nhà đầu tư. Tại BVSC chúng tôi luôn xác định cổ đông là bên liên quan trọng yếu và quyết định vào thành công trong chiến lược phát triển của BVSC. Hoạt động IR được xem là hoạt động nhằm xây dựng niềm tin, sự tín nhiệm của cổ đông BVSC nói riêng và công chúng đầu tư nói chung đối với BVSC. Trong năm 2018 hoạt động IR được đẩy mạnh trên nhiều phương diện.

Đẩy mạnh truyền thông kết nối với cổ đông

Không chỉ tại ĐHĐCĐ thường niên mới là dịp công ty trực tiếp tiếp xúc cổ đông, thông qua Bộ phận IR, BVSC luôn chủ động trong việc trao đổi thông tin với các cổ đông và nhà đầu tư. Chúng tôi có hotline và hòm thư điện tử riêng để trả lời câu hỏi từ cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm. Trong năm 2018, BVSC có tiếp nhận một thư ý kiến của cổ đông liên quan tới việc thực hiện quy định về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định số 71. Công ty đã kịp thời phản hồi bằng văn bản trực tiếp tới cổ đông.

Bên cạnh đó, BVSC luôn chủ động tổ chức các cuộc gặp gỡ, hoặc tham gia vào các Hội nghị xúc tiến đầu tư để trực tiếp thảo luận, trao đổi với các nhà đầu tư, các Quỹ, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước về các nội dung được nhà đầu tư quan tâm nhằm cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của BVSC.

Trong năm 2018, BVSC có các đợt tiếp xúc cổ đông, Nhà Đầu tư quan tâm như sau

Tháng 6/2018 - Tokai Tokyo Financial Holding

Tháng 11/2018 - Tiếp xúc nhà đầu tư tại diễn đàn chung Việt Nam – Hàn Quốc 2018 về Phát Triển Thị Trường Vốn Việt Nam

Nâng cao chất lượng và kênh công bố thông tin

Ngoài những hoạt động tiếp xúc trực tiếp, BVSC vẫn thường xuyên minh bạch hóa thông tin với cổ đông và các nhà đầu tư thông qua các kênh truyền thông đại chúng. Tại BVSC, chúng tôi đặc biệt chú trọng đến chất lượng thông tin, tính xác thực, sự minh bạch và kịp thời trong tất cả thông tin được công bố. Với mức độ quan tâm ngày càng sâu rộng của nhà đầu tư nước ngoài trong những năm vừa qua, BVSC đã chủ động lập Báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên tại cả phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh và thực hiện công bố thông tin hàng năm.

Thông tin và số điện thoại liên hệ trực tiếp của bộ phận IR được đăng tải trực tiếp tại chuyên mục “Quan hệ cổ đông” trên trang tin điện tử của Công ty.

Để biết thêm thông tin,
Quý cổ đông/ Nhà đầu tư
vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: Trụ sở chính Công ty, số 72 phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Hotline: (84-24)3.928 8080 (máy lẻ: 604)
Email: info-bvsc@baoviet.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

Công bố thông tin
và tính minh bạch

Tại BVSC, Công ty xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống và hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty. Để tạo điều kiện cho các cổ đông trong và ngoài nước tiếp cận các thông tin quan trọng của Công ty, Công ty xây dựng một chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông trên trang tin điện tử và được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tại chuyên mục Quan hệ cổ đông, bên cạnh những thông tin và tài liệu căn bản như Điều lệ, quy chế quản trị, quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu... Công ty còn thiết kế chuyên mục “Công bố thông tin” để cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo đề cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ.... đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ trước mỗi kỳ họp tối thiểu 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.

Lịch CBTĐ định kỳ trong năm 2018

19/01/2018	29/01/2018	30/03/2018
Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2017	Báo cáo quản trị Công ty niên yết năm 2017	Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2017
19/04/2018	20/04/2018	19/07/2018
Báo cáo thường niên năm 2017	Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2018	Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2018
26/07/2018	14/08/2018	19/10/2018
Báo cáo quản trị Công ty niên yết 06 tháng đầu năm 2018	Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2018 (đã soát xét)	Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2018

Lịch CBTĐ khác trong năm 2018

Tháng 03	Tháng 05	Tháng 07
06/03/2018 Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 07/03/2018 Ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 21/03/2018 Phê duyệt các HĐ/GD với Người nội bộ và NCLQ 26/03/2018 Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2018	25/05/2018 Kế hoạch kinh doanh năm 2018 Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Tháng 06 05/06/2018 Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 29/06/2018 Nghị quyết của HĐQT về kế hoạch chi trả cổ tức năm tài chính 2017	04/07/2018 Chọn lựa Đơn vị kiểm toán năm 2018 06/07/2018 Ngày ĐKCC để thực hiện quyền chi trả cổ tức cho năm tài chính 2017 Tháng 08 23/08/2018 Quyết định của HĐQT về việc thay đổi nhân sự Kiểm toán nội bộ 31/08/2018 Quyết định của HĐQT về việc thay đổi nhân sự chức danh Chủ tịch HĐQT
Tháng 11	Tháng 12	
29/11/2018 Quyết định của HĐQT về việc thay đổi nhân sự chức danh Chủ tịch HĐQT	04/12/2018 Quyết định của HĐQT phê duyệt chủ trương chuyển địa điểm và đổi tên PGD Kim Mã 11/12/2018 Nghị quyết của HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm tài chính Ngày ĐKCC để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức năm 2018	

**Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty và qua các hệ thống CBTĐ tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.*

Một số định hướng đối với hoạt động IR năm 2019

- Năm 2019, BVSC xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả và tính chuyên nghiệp hoạt động quan hệ nhà đầu tư với một số định hướng như sau:
- Tuân thủ tốt các quy định pháp luật về công bố thông tin trên TTCK.
 - Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông & nhà đầu tư quan tâm thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHĐCĐ thường niên, hội nghị xúc tiến đầu tư, các đợt thăm và làm việc trực tiếp tại Công ty của các định chế tài chính và các nhà đầu tư tiềm năng nói chung. Mặt khác BVSC sẽ đẩy mạnh việc cung cấp các thông tin chủ động về hoạt động kinh doanh của BVSC thông qua các kênh truyền thông đại chúng, website & fanpage của Công ty. Các nội dung thông tin công bố sẽ được thực hiện song song bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
 - Thực hiện xây dựng lại website theo hướng thân thiện và dễ tiếp cận hơn, trong đó đặc biệt nâng cao công cụ tìm kiếm thông tin và khả năng tương tác trên chuyên mục quan hệ cổ đông;

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Hiện nay, Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 05 thành viên. Trong năm 2018, sự thay đổi HĐQT đã diễn ra như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	- Kể từ ngày 27/06/2017 là thành viên HĐQT. - Kể từ ngày 29/11/2018 là Chủ tịch HĐQT BVSC	Do yêu cầu về việc kiện toàn nhân sự HĐQT
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	- Kể từ ngày 12/05/2016 đến nay là thành viên HĐQT. - Kể từ ngày 31/08/2018 tới ngày 29/11/2018 là Chủ tịch HĐQT	Do yêu cầu về việc kiện toàn nhân sự HĐQT
3	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	
4	Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	
5	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Kể từ ngày 27/6/2017	
6	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	Đến ngày 31/08/2018	Ông Đậu Minh Lâm thôi chức danh Chủ tịch và từ nhiệm thành viên HĐQT vì lý do cá nhân

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị tại chương 2 phần “Nhân sự chủ chốt” từ trang 34 tới trang 37 của báo cáo này

Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty

Danh sách thành viên HĐQT BVSC có chứng chỉ về Quản trị công ty như sau:

Ông Đậu Minh Lâm – Thành viên HĐQT	Chứng chỉ số 17/QTCT216-TTNC ngày 26/10/2015
Ông Lê Văn Bình – Thành viên HĐQT	Chứng chỉ số 06/QĐ229-TTNC ngày 05/09/2013
Ông Nhữ Đình Hòa - Thành viên HĐQT	Chứng chỉ số 10/QĐ193-TTNC ngày 31/07/2013

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Hiện nay, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả công tác quản trị và giám sát hoạt động của Công ty, HĐQT đã có Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty. Trong năm 2018, các thành viên HĐQT của nhiệm kỳ 2015-2020 đã thực hiện cập nhật và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn Chủ tịch HĐQT	Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.
Ông Nhữ Đình Hòa Thành viên HĐQT - TGD	Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty
Ông Nguyễn Anh Tuấn Thành viên HĐQT	Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.
Ông Nguyễn Quang Hưng Thành viên HĐQT	Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty (ủy ban ALCO); quản lý rủi ro; pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.
Ông Lê Văn Bình Thành viên HĐQT	Phụ trách mảng kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ngoài ra, với đặc thù là công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết, HĐQT đã thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá và tư vấn mang tính độc lập, khách quan về: sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, nghị, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT; việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ Công ty... Việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao sự minh bạch trong quá trình hoạt động và gia tăng giá trị của Công ty, đồng thời đảm bảo tuân thủ Điều 36 Kiểm toán nội của Thông tư 210/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Hiện nay, cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 có 4/5 thành viên không tham gia công tác điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động đối với mỗi thành viên cũng như vai trò của thành viên độc lập và hiệu quả hoạt động của Kiểm toán nội bộ, các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của BVSC.

Thư ký Công ty

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các cá nhân sau:

Bà Bùi Thị Mai Hiền	Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề Cử nhân Luật Thạc sỹ QTKD Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229 /QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013	Kinh nghiệm tại BVSC 14 năm làm việc tại BVSC Ngày được bổ nhiệm 26/09/2013
Ông Vũ Duy Vương	Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề Cử nhân Luật kinh doanh Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013.	Kinh nghiệm tại BVSC 08 năm làm việc tại BVSC Ngày được bổ nhiệm 10/09/2018

Người phụ trách quản trị Công ty

Tuân thủ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết theo quy định tại Điều 18 Người phụ trách quản trị công ty của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP, HĐQT bổ nhiệm ông **Vũ Duy Vương** Thư ký công ty đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2018

Năm 2018 là năm thị trường chứng khoán Việt Nam có những diễn biến khó lường. HĐQT Công ty cũng có những thay đổi về nhân sự khi có một thành viên đồng thời là Chủ tịch HĐQT từ nhiệm, hiện nay HĐQT còn lại 05 thành viên. Tuy nhiên, căn cứ các quy định pháp luật, điều lệ công ty và trên cơ sở phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên, hoạt động của HĐQT được thực hiện một cách toàn diện. Trọng tâm của chiến lược hoạt động là nỗ lực và quyết tâm cao nhất vì mục tiêu phát triển bền vững, HĐQT đã liên tục phát huy mạnh mẽ vai trò dẫn dắt, chỉ đạo Công ty một cách hiệu quả trong việc xây dựng các mục tiêu, định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2018. Năm vừa qua, các hoạt động của Hội đồng Quản trị triển khai như sau:

Tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên	HĐQT đã triệu tập thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 05/06/2018. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua các vấn đề do HĐQT trình. <i>(Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại mục ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 từ trang 43 đến trang 44 báo cáo này)</i>
Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền	HĐQT thông qua chính sách và các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty. Để xem xét quyết định các vấn đề một cách cẩn trọng và hiệu quả, HĐQT thực hiện thông qua các phương thức sau:

Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT:

Thực hiện theo Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và kế hoạch công tác năm 2018, HĐQT đã tổ chức bốn (04) cuộc họp, định kỳ mỗi quý một (01) cuộc họp, tất cả các cuộc họp này đều mời Ban Kiểm soát và Ban điều hành tham dự. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, quy định của Pháp luật. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Kể Từ ngày 27/6/2017 là thành viên HĐQT Từ ngày 29/11/2018 đến nay là Chủ tịch HĐQT BVSC-	04	4/4	
2	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Kể từ ngày 12/05/2016	03	3/4	Lý do cá nhân
3	Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	04	4/4	
4	Lê Văn Bình	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	04	4/4	
5	Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Kể từ ngày 27/6/2017	03 (có 02 lần UQ tham dự họp)	3/4	Lý do cá nhân
6	Đậu Minh Lâm	Thành viên	Từ ngày 12/05/2016 – 31/08/2018	03	3/4	Thôi là thành viên HĐQT kể từ ngày 31/08/2018

Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định giải quyết các đề xuất, các nội dung thuộc thẩm quyền:

Ngoài việc tổ chức các phiên họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty như: thay đổi nhân sự Kiểm toán nội bộ; bổ nhiệm thư ký công ty; phê duyệt chủ trương chuyển địa điểm và đổi tên Phòng Giao dịch Kim Mã; tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền cho các cổ đông, chính sách và hạn mức rủi ro, hoạt động đầu tư.... Trong năm, HĐQT tiến hành 20 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Năm 2018, HĐQT ban hành 22 Nghị quyết và 05 Quyết định quan trọng, tập trung vào giải quyết và chỉ đạo các nội dung liên quan tới công tác xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh 2018. Cụ thể như sau:

A	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/2018/NQ-HĐQT	06/03/2018	Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
2	03/2018/NQ-HĐQT	21/03/2018	Nghị quyết về việc phê duyệt các giao dịch/hợp đồng với Người nội bộ và Người có liên quan.
3	04/2018/NQ-HĐQT	26/03/2018	Nghị quyết về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ 2018.
4	05/2018/NQ-HĐQT	29/03/2018	Nghị quyết phiên họp HĐQT Quý I/2018.
5	06/2018/NQ-HĐQT	26/04/2018	Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
6	07/2018/NQ-HĐQT	07/05/2018	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch trang bị TSCĐ và đầu tư XDCB năm 2018.
7	09/2018/NQ-HĐQT	25/05/2018	Nghị quyết về việc phê duyệt các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2018.
8	10/2018/NQ-HĐQT	25/05/2018	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2018.
9	21/2018/NQ-HĐQT	13/06/2018	Nghị quyết về việc thay đổi nội dung về TSĐB của trái phiếu BVSC.
10	22/2018/NQ-HĐQT	28/06/2018	Nghị quyết phiên họp HĐQT Quý II/2018.
11	23/2018/NQ-HĐQT	28/06/2018	Nghị quyết về kế hoạch chi trả cổ tức năm tài chính 2017 của BVSC (nghị quyết phiên họp HĐQT quý II/2018).
12	24/2018/NQ-HĐQT	23/08/2018	Nghị quyết về thay đổi nhân sự Kiểm toán nội bộ.

13	25/2018/NQ-HĐQT	31/08/2018	Nghị quyết về thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT và Chủ tịch Hội đồng Quản trị BVSC (nghị quyết phiên họp HĐQT quý III/2018).
14	26/2018/NQ-HĐQT	31/08/2018	Nghị quyết về bầu Chủ tịch HĐQT của BVSC (nghị quyết phiên họp HĐQT quý III/2018).
15	27/2018/NQ-HĐQT	27/09/2018	Nghị quyết về Thư ký Công ty.
16	28/2018/NQ-HĐQT	15/10/2018	Nghị quyết về việc phân công công việc các Thành viên Hội đồng Quản trị.
17	29/2018/HĐQT-BVSC	30/10/2018	Nghị quyết về giao dịch intraday trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu ngân hàng.
18	30/2018/NQ-HĐQT	29/11/2018	Nghị quyết về từ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị BVSC (nghị quyết phiên họp HĐQT quý VI/2018).
19	31/2018/NQ-HĐQT	29/11/2018	Nghị quyết về bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị của BVSC (nghị quyết phiên họp HĐQT quý VI/2018).
20	33/2018/NQ-HĐQT	11/12/2018	Nghị quyết về tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền cho các cổ đông.
21	34/2018/NQ-HĐQT	18/12/2018	Nghị quyết về việc bổ sung phương án mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động Công ty.
22	35/2018/NQ-HĐQT	21/12/2018	Nghị quyết về việc ban hành hệ thống thang, bảng lương và quy định tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng đối với từng chức danh.

B	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2018/QĐ-HĐQT	08/02/2018	Quyết định về việc quyết toán đầu tư, di dời, cải tạo trụ sở chính BVSC.
2	08/2018/QĐ-HĐQT	16/05/2018	Quyết định về việc thoái vốn CTCP Thủy điện Bắc Hà.
3	11/2018/HĐQT-BVSC	25/05/2018	Quyết định về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
4	12/2018/HĐQT-BVSC	25/05/2018	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ.
5	32/2018/HĐQT/BVSC	04/12/2018	Quyết định về phê duyệt chủ trương chuyển địa điểm và đổi tên Phòng Giao dịch Kim Mã.

Không chỉ giới hạn ở việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo phân công, thông qua các kỳ họp HĐQT, các thành viên HĐQT còn tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản trị rủi ro (RMC); cuộc họp của ủy ban ALCO hay cuộc họp của hội đồng đầu tư. Các thành viên HĐQT đã trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

Đánh giá hoạt động ủy ban
RMC & ALCO năm 2018

Theo phân công nhiệm vụ, ông Nguyễn Quang Hưng – thành viên HĐQT phụ trách ủy ban ALCO và hoạt động quản trị rủi ro của Công ty. Năm 2018, ông Hưng đã trực tiếp tham gia và chỉ đạo tại các cuộc họp RMC và ALCO với những nội dung như sau:

Hoạt động của RMC:

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần thứ 4 năm 2017.

- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý IV/2017 và nhận diện xu hướng rủi ro quý I/2018.

- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I/2018.

- Lịch họp Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro năm 2018

08/03/2018

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày 08/03/2018.

- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý I/2018 và nhận diện xu hướng rủi ro quý II và quý III/2018.

- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý II và quý III/2018.

- Lập kế hoạch thực hiện kỳ Rà soát, nhận diện, cập nhật và đăng ký rủi ro tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong công ty vào tháng 6 và tháng 7/2018.

28/05/2018

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày 28/05/2018.

- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý II/2018 và cập nhật tới giữa quý III/2018. Nhận diện xu hướng rủi ro nửa cuối quý III và quý IV/2018.

- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý IV/2018.

- Báo cáo kết quả kỳ Rà soát, nhận diện, cập nhật và đăng ký rủi ro tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong công ty.

28/08/2018

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày 28/08/2018.

- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý III/2018 và cập nhật tới giữa quý IV/2018. Nhận diện xu hướng rủi ro nửa cuối quý IV/2018 và quý I/2019.

- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong nửa cuối quý IV/2018 và quý I/2019.

- Lập kế hoạch rà soát, cập nhật Chính sách rủi ro 2019 và Hạn mức rủi ro 2019 để trình HĐQT phê duyệt và các báo cáo về QTRR gửi cơ quan quản lý Nhà nước.

- Lịch họp Hội đồng quản lý rủi ro năm 2019

29/11/2018

Báo cáo rủi ro các tháng

03/2018

04/2018

05/2018

06/2018

07/2018

08/2018

09/2018

10/2018

11/2018

12/2018

Hoạt động ủy ban ALCO

16/05/2018

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ số KPIs Quý I năm 2018; Phân tích các chỉ tiêu về Tài sản nợ - Tài sản có của BVSC

30/09/2018

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ số KPIs 8 tháng đầu năm 2018; Phân tích các chỉ tiêu về Tài sản nợ - Tài sản có của BVSC

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2018

Thực hiện các quy định về quản trị công ty áp dụng đối Thành viên độc lập HĐQT, kể từ năm 2018, BVSC thực hiện chế độ báo cáo của thành viên độc lập đối với hoạt động của HĐQT trong năm theo quy định tại Khoản 3, Điều 16 của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT Công ty về hoạt động của HĐQT năm 2018 như sau:

- Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Với 4/5 thành viên không điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật. Nhằm phát huy tốt vai trò gắn với thể mạnh của từng thành viên, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT, nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của BVSC.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý để rà soát và nắm bắt và ra quyết định kịp thời đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, để giải quyết các kiến nghị và đề xuất của Công ty giữa các kỳ họp, HĐQT tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, giải quyết kịp thời các nhu cầu của Công ty trong hoạt động kinh doanh và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

- Các phiên họp định kỳ do Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, đồng thời các nội dung lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều được cung cấp đầy đủ tới Ban kiểm soát. Qua đó, Ban kiểm soát thường xuyên có ý kiến kịp thời tới HĐQT về các nội dung được cung cấp. Thông qua những hoạt động này, Ban Kiểm soát đã phát huy tốt vai trò giám sát của mình để đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm đều được thực hiện cẩn trọng trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông.

- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được HĐQT phân công, đồng thời công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.Thành viên HĐQT và những người có liên quan của các thành viên này không sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên 2015 với các thành viên như sau:

		Ngày bắt đầu / không còn là thành viên BKS	Lý do miễn nhiệm / bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Chức vụ Trưởng ban Kiểm soát	Kể từ ngày 15/04/2015	Bầu nhiệm kỳ mới 2015 - 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Chức vụ Thành viên	Kể từ ngày 15/04/2015	Bầu nhiệm kỳ mới 2015 - 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Chức vụ Thành viên	Kể từ ngày 15/04/2015	Bầu nhiệm kỳ mới 2015 - 2020

Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2020 vui lòng xem thêm tại Phần Nhân sự chủ chốt – chương 02 từ trang 34 đến trang 37 báo cáo này

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2018, Ban Kiểm soát tiến hành bốn (04) cuộc họp. Các cuộc họp này đều đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật. Cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên BKS tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp Quý I ngày 28/03/2018	- Ghi nhận kết quả kinh doanh ước thực hiện QI/2018, giải pháp kinh doanh các Quý tiếp theo năm 2018 của BVSC; - Thông qua nội dung Thông báo của BKS về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017 của BVSC; - Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS BVSC giữa 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2017 – 2018; - Các nội dung khác.	03/03	100%
Phiên họp Quý II ngày 27/06/2018	- Ghi nhận kết quả kinh doanh ước thực hiện 6 tháng/2018, giải pháp kinh doanh các quý cuối năm 2018 của BVSC. - Kế hoạch công tác QIII/2018 của Ban Kiểm soát.	03/03	100%
Phiên họp Quý III ngày 06/08/2018	Thông qua nội dung, kế hoạch Kiểm tra của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của BVSC giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018.	03/03	100%
Phiên họp Quý IV ngày 15/10/2018	Thông qua Biên bản Kiểm tra của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của BVSC giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018.	03/03	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

Hoạt động
Ban kiểm soát

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ công ty, Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát BVSC, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, Ban Kiểm soát triển khai các hoạt động sau:

Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành Công ty:

- Thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, việc tuân thủ các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty trong công tác quản trị và điều hành Công ty của HĐQT và Ban Điều hành;
- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành, kiến nghị HĐQT và Ban Điều hành một số biện pháp trong tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính tại Công ty:

- Rà soát, thẩm định và thống nhất ý kiến đối với các Báo cáo Tài chính (“BCTC”) tổng hợp và BCTC trụ sở chính năm 2018 của BVSC theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam;
- Có ý kiến đối với BCTC tổng hợp và BCTC trụ sở chính năm 2018 của BVSC đã được kiểm toán bởi Ernst&Young với mục đích tư vấn cho HĐQT Công ty xem xét phê duyệt;
- Xem xét Thư quản lý năm 2017 của Công ty Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam (“EY”) và theo dõi tình hình thực hiện của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

Giám sát các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty

- Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 và 6 tháng năm 2018 của BVSC và đưa ra các kiến nghị đối với Ban Điều hành Công ty;
- Kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành các biện pháp tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành rà soát, tăng cường theo dõi, quản lý đối với các khoản công nợ của Công ty;

Đánh giá của Ban Kiểm soát về hoạt động của Công ty trong năm 2018

Kết quả giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Năm 2018, Công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để xây dựng những mục tiêu chiến lược và đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững và đã hoàn thành những mục tiêu kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2018 đạt 548,6 tỷ đồng hoàn thành 108,84% mức kế hoạch (504 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu đã thực hiện là 464,20 tỷ đồng hoàn thành 102,25% mức kế hoạch (454 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 103,53 tỷ đồng hoàn thành 77,26% mức kế hoạch (134 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận sau thuế đã thực hiện là 131,65 tỷ đồng vượt 107,91% so với mức kế hoạch 122 tỷ đồng.
- Tổng tài sản tại 31/12/2018 đạt 2.927,16 tỷ đồng, tăng 728,2 tỷ đồng (tương đương 33,1%) so với tại 31/12/2017.

Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành

Về hoạt động của Hội đồng Quản trị

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Để triển khai thực hiện thành công nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua, HĐQT đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường chứng khoán trong nước, cũng như thế giới và thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết, quyết định mang tính chiến lược, định hướng cho hoạt động của Ban điều hành với nỗ lực cao nhất hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2018.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, việc tổ chức các phiên họp này đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Quy chế họp HĐQT và Pháp luật. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, quyết định và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.
- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát thấy rằng: HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty, quy định của Pháp luật; HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý Công ty; không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT.

Kết quả giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

Các BCTC bán niên và cả năm 2018 đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC nói trên đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Ban Kiểm soát thống nhất ý kiến với các kiểm toán viên độc lập là BCTC năm 2018 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Về hoạt động của Ban điều hành

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Ban điều hành là những chuyên gia có kinh nghiệm lâu năm và dày dặn trong lĩnh vực chứng khoán. Do đó, Ban điều hành luôn: (i) lắng nghe tiếp cận sâu ý kiến của các cổ đông, HĐQT, Ban Kiểm soát, đối tác và cán bộ nhân viên trong Công ty qua đó thấu hiểu để điều hành hoạt động kinh doanh Công ty, sâu sát với diễn biến của thị trường chứng khoán trong nước cũng như thế giới và đạt hiệu quả cao; (ii) nỗ lực tối đa và quyết tâm cao trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty
- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng Ban Điều hành Công ty đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng tiếp theo báo cáo HĐQT.
- Ban Điều hành đã thực hiện cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.
- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát thấy rằng: hoạt động của Ban điều hành luôn chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn và hiệu quả nhằm duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và bền vững; không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của Ban Điều hành Công ty.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

Giữa BKS, HĐQT và Ban Điều hành Công ty luôn duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ và thông suốt trên nguyên tắc bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của cổ đông, Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty vì sự phát triển bền vững của BVSC.

Đối với cổ đông: Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ 2018 – 2019, BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu, khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Thù lao và chi phí hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên năm 2018

Thù lao của BKS: Trong năm 2018, các thành viên BKS nhận thù lao (trước thuế TNCN) với chi tiết như sau:

- Trưởng BKS: 5 triệu đồng/ người/ tháng
- Các Kiểm soát viên: 4 triệu đồng/ người/tháng

Chi phí hoạt động của BKS năm 2018:

Tuân thủ quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2018 – 2019

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2018 – 2019 như sau:

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và văn bản nội bộ của Công ty
- Thực hiện kiểm soát định kỳ, thực hiện chức năng giám sát công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Điều hành;
- Tổ chức xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và theo dõi ý kiến phản hồi của HĐQT, Ban điều hành;
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật.

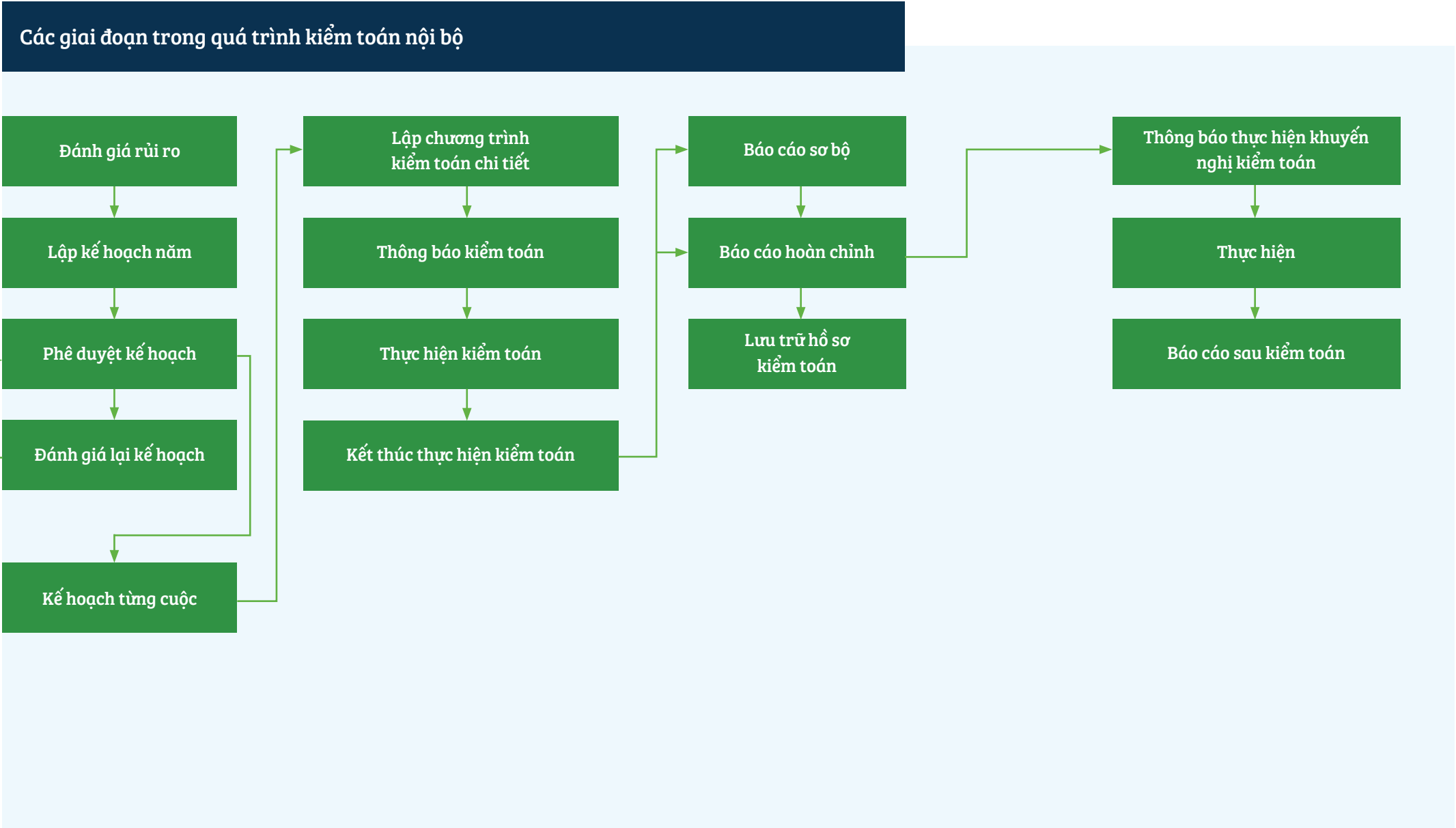


Kiểm toán nội bộ

Vai trò của Kiểm toán nội bộ tại BVSC

Trong cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị rủi ro tại BVSC, Kiểm toán nội bộ thuộc tuyến phòng thủ thứ 3 và là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị. KTNB có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá độc lập, tư vấn một cách khách quan về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của HĐQT, đánh giá việc tuân thủ hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ tại BVSC. Từ đó nhằm cải thiện các hoạt động hiệu quả hơn và gia tăng giá trị kiểm soát quản trị tại BVSC.

Quy trình kiểm toán nội bộ



Tóm lược 4 bước của quy trình kiểm toán nội bộ tại BVSC:

» **Lập kế hoạch kiểm toán:**
Trước 31/01 hàng năm, KTNB BVSC lập và gửi kế hoạch kiểm toán năm trình HĐQT xem xét và phê duyệt gồm: Điểm qua về tình hình thị trường chứng khoán năm trước, mục tiêu định hướng trong năm của bộ phận, đánh giá rủi ro, kế hoạch kiểm toán, thời gian kiểm toán, các công việc khác dự kiến trong năm, kiến nghị và đề xuất khác.

» **Thực hiện kiểm toán:**
KNTB BVSC lập chương trình kế hoạch chi tiết cuộc kiểm toán và thông báo tới đối tượng được kiểm toán về thời gian thực hiện, căn cứ thực hiện, phạm vi thực hiện, phương pháp thực hiện, nhân sự tham gia, các yêu cầu cung cấp hồ sơ...Trên cơ sở này, KTNB tại BVSC sẽ triển khai thực hiện kiểm toán gồm: thiết kế các thử nghiệm kiểm soát, thực hiện các thử nghiệm kiểm soát, chọn mẫu kiểm toán, soát xét chứng từ trong quá trình thực hiện kiểm toán từ đó xác định kết quả các phát hiện trong quá trình kiểm toán; hoàn tất kết thúc cuộc kiểm toán.

» **Lập báo cáo kiểm toán nội bộ:**
KTNB BVSC thực hiện lập báo cáo kiểm toán từng cuộc kiểm toán: Báo cáo phải trình bày đầy đủ nội dung và kết quả kiểm toán theo mục tiêu yêu cầu đã đề ra cho từng cuộc kiểm toán; đề xuất khuyến nghị các biện pháp xử lý các sai sót, các giải pháp cần thiết để hoàn thiện hệ thống KSNB, cải tiến quy trình nghiệp vụ, các cơ chế chính sách chế độ của Nhà nước (nếu có)...từ đó nâng cao chất lượng kiểm soát cho Công ty và gia tăng giá trị quản trị Công ty.

KTNB BVSC thực hiện lập báo cáo KTNB hàng năm: Trước ngày 31/01 hàng năm , KTNB gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm trước và kế hoạch KTNB năm tiếp theo lên HĐQT.

KTNB BVSC thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu từ HĐQT phát sinh trong năm.

» **Giám sát sau kiểm toán:**
Đây là bước cuối cùng của quy trình KTNB tại BVSC nhằm đảm bảo kết quả, đề xuất khuyến nghị... của kiểm toán được sử dụng để cải tiến hoạt động quản lý tài chính, kế toán và hoạt động kinh doanh khác của đối tượng được kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng kiểm toán không đưa ra các biện pháp chỉnh sửa, hoàn thiện thì KTNB phải yêu cầu làm rõ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Đánh giá hoạt động KTNB trong năm 2018

Trong năm 2018 vừa qua, KTNB tại BVSC tiếp tục phối hợp và trao đổi với bộ phận KSNB Công ty thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ tại một số phòng có nghiệp vụ liên quan tới công tác quản lý tiền, tài sản của Khách hàng; quản lý tài sản của Công ty; các nghiệp vụ chính tại Công ty. Trong quá trình kiểm toán cần thiết có sự phối hợp với bộ phận KSNB là để tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi giữa các cuộc KTNB và KSNB, nhằm duy trì hoạt động hiệu quả lâu dài. Vì phương pháp thực hiện giữa 2 bộ phận có nhiều điểm tương đồng, đồng thời tiết kiệm thời gian làm việc của các phòng nghiệp vụ trong Công ty.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị, trong năm 2018 bộ phận kiểm toán nội bộ BVSC đã hoàn thành:

Các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra:

STT	Đối tượng kiểm toán	Nội dung được kiểm toán
1	Các phòng ban đã nhận đề xuất khuyến nghị chỉnh sửa/ sửa đổi trong năm 2017	Rà soát tình hình thực hiện các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ năm 2017
2	Phòng Đầu Tư	Kiểm toán tuân thủ hoạt động tự doanh theo quy chế đầu tư.
3	Phòng Lưu ký; Phòng Tài chính Kế toán	Kiểm toán tuân thủ nghiệp vụ Lưu ký tiền của khách hàng.
4	Phòng Công Nghệ Thông Tin	Kiểm toán tuân thủ quy trình và quy định về hoạt động CNTT.
5	Phòng Tài chính Kế toán Chi nhánh	Tham gia cùng Phòng Tài Chính Kế toán Công ty thực hiện kiểm tra công tác Tài chính và tuân thủ một số quy trình tại Chi nhánh Công ty
6	Phòng KHTC Trụ Sở	Kiểm toán tuân thủ trong hoạt động kinh doanh trái phiếu tại Phòng KHTC Trụ Sở

Các báo cáo khác:

Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm 2017 và dự kiến kế hoạch KTNB cho năm 2018; Báo cáo phòng chống rửa tiền năm 2017.

Kết quả năm 2018 không ghi nhận sự kiện rủi ro hoặc vi phạm tuân thủ nào mang tính trọng yếu đối với các hoạt động đã được kiểm toán. Công tác tuân thủ theo quy trình và chính sách pháp luật được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện khá tốt. Các sai sót trong quá trình tính toán đều được các phòng ban nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của Kiểm toán nội bộ.

Kế hoạch KTNB 2019

Ghi nhận từ kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2018; tham khảo báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý từ các cuộc họp của Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC được đánh giá mức độ thấp và trung bình. Từ đánh giá này, KTNB dự kiến xây dựng kế hoạch KNTB năm 2019 là tiếp tục nghiên cứu và đề xuất triển khai các hoạt động kiểm toán theo định kỳ, phối hợp với BP KSNB để xây dựng kế hoạch kiểm toán cho các năm tiếp theo, hoàn thành các công việc mà HĐQT đã giao theo đúng kế hoạch.



Quản trị rủi ro



Bộ phận QTRR là nơi quản lý những rủi ro tổng thể, rủi ro tích tụ, đồng thời cũng là nơi hệ thống lại những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty để nhận diện rủi ro nhằm đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp.

Bộ phận QTRR chính là tuyến phòng thủ thứ 2 trong hệ thống QTRR của BVSC và phối hợp chặt chẽ với KTNB (thuộc tuyến phòng thủ thứ 3). Bộ phận QTRR tại BVSC chịu trách nhiệm nhận tổng hợp các báo cáo về thông tin rủi ro từ các phòng nghiệp vụ trong Công ty, nhận các thông tin đánh giá từ các báo cáo của bộ phận KSNB nhằm nhận diện, đánh giá, đưa ra đề xuất cũng như tổng hợp các ý kiến đề xuất về những giải pháp cho các vấn đề liên quan để Tổng giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tiến hành nhóm họp nhằm đánh giá lại các vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QTRR qua đó đưa ra những giải pháp, cũng như kế hoạch hành động liên quan đến QTRR của toàn công ty trong kỳ tới.

Để quản trị rủi ro, BVSC đã xây dựng chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC đã xác định khẩu vị rủi ro của Công ty đó là chấp nhận rủi ro ở mức thấp và trung bình. Mức trung bình mà BVSC chấp nhận là do hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán. Các loại rủi ro BVSC nhận diện và chủ động quản trị gồm 6 rủi ro chính là: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng. Và do tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán nên phương pháp xác định rủi ro để quản trị rủi ro tại BVSC theo tiêu chí định lượng và định tính, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ rủi ro xảy ra.

01

Rủi ro thị trường

Phương pháp xác định:

- **Phương pháp trao đổi, thảo luận, đánh giá và báo cáo đa chiều** giữa các phòng nghiệp vụ có liên quan để đánh giá về biến động của nhân tố rủi ro chung (rủi ro hệ thống) của rủi ro thị trường như: lãi suất trên thị trường ngân hàng; chỉ số Vnindex; mức tăng trưởng GDP; ...Những rủi ro hệ thống cần được xác định trước khi tiến hành các bước tiếp theo để xác định rủi ro.
- **Phương pháp theo dõi và phân tích thường xuyên** áp dụng với những khoản đầu tư cụ thể (rủi ro phi hệ thống) như: Lãi suất tương ứng với các kỳ hạn tại từng ngân hàng; Biến động về giá cổ phiếu; Tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp. Có thể sử dụng một hoặc một số các mô hình phân tích: SWOT, công thức Dupont, mô hình PESTEL... để xác định rủi ro cụ thể đối với tài sản mà BVSC có ý định đầu tư.

Nhận diện và biện pháp quản trị:

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của BVSC theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro liên quan đến biến động về giá cổ phiếu, lãi suất tiền gửi.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu. Bên cạnh tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt thì Công ty còn chú trọng vào phân tích các yếu tố cơ bản và kỹ thuật khác khi lựa chọn cổ phiếu đầu tư.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán VAR. Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường khác nhau, danh mục đầu tư cổ phiếu được đánh giá, lượng hóa những mức độ của rủi ro thị trường cũng như sự tác động của những rủi ro này tới kết quả kinh doanh của công ty một cách chủ động định kỳ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, để nhằm giảm tác động của biến động lãi suất lên danh mục tiền gửi thì trong năm 2018 Công ty đã chủ động cơ cấu lại tiền gửi cho khoản đầu tư này. Kết quả là năm 2018, công ty không gặp phải sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch cũng như kết quả đầu tư.

Rủi ro tín dụng

02

Phương pháp xác định

Rủi ro tín dụng được nhận diện theo từng đối tác và từng danh mục công nợ, thể hiện một số nghiệp vụ được đánh giá có tiềm ẩn rủi ro thanh toán như rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (đánh giá năng lực tài chính mức độ tín nhiệm của khách hàng được sử dụng tiêu chí định lượng như giá trị TS ròng, thời gian và giá trị GD trước đó, tỷ lệ ký quỹ thực tế của món vay...và các tiêu chí định tính bổ sung khác như đánh giá tiềm năng về mối quan hệ, khả năng tài chính của khách hàng...); Như rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ đầu tư trái phiếu (đánh giá các tiêu chí tài chính cũng như chi phí tài chính của tổ chức phát hành như phân tích, dự báo về dòng tiền của doanh nghiệp để đánh giá khả năng trả gốc và lãi khi đến hạn; Tỷ lệ tổng giá trị TSĐB so với Tổng giá trị trái phiếu phát hành)....

Nhận diện và biện pháp quản trị

Đây là rủi ro được nhận diện có nguyên nhân gây ra những tổn thất/thiệt hại nếu đối tác của BVSC không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định. Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ.

Để phòng ngừa, BVSC đã nhận diện, đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro đối với các hoạt động mà rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới. Cụ thể:

Đối với hoạt động tiền gửi có kỳ hạn:

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi/ hạn mức rủi ro tín dụng mà HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Công ty Mẹ (Tập đoàn Bảo Việt).

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu:

Bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và công ty đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro thanh toán của Tổ chức phát hành (trái chủ).

Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ:

Công ty tiếp tục duy trì các chính sách quản trị đã được chứng minh là hiệu quả sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có dấu hiệu rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro mà BVSC đã ban hành.

- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về Giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu từ các Sở để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài; các mã bị hai Sở loại khỏi danh mục cho vay ký quỹ.

- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và xử lý TSĐB bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.

Rủi ro thanh khoản

03

Phương pháp xác định

Rủi ro thanh khoản được xác định thông qua đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp và triển vọng kinh doanh. Ngoài ra cần đo lường tính thanh khoản và kiểm tra sự biến động về giá, khối lượng giao dịch của chứng khoán so với thị trường trong thời gian ít nhất là 3 tháng gần nhất.

Nhận diện và biện pháp quản trị

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng.

Với BVSC thì đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ rất thấp do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư. BVSC luôn thực hiện đầy đủ chính xác các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, Sở GD và các Khách hàng GDCK. Nếu tiêu chí An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của Công ty chứng khoán thì tại BVSC trong năm 2018, tỷ lệ này tiếp tục đạt mức trung bình của cả năm trên 700%, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của UBCK Nhà nước.

Rủi ro hoạt động

Phương pháp xác định

Phương pháp xác định rủi ro dựa vào mục tiêu:

Cần xem xét những yếu tố (nhân tố) khiến BVSC có khả năng không đạt được mục tiêu (kế hoạch) kinh doanh trong hoạt động môi giới và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư: như trình độ chuyên môn của cán bộ môi giới, cán bộ Tư vấn; cập nhật sản phẩm và chất lượng các gói dịch vụ; khả năng xảy ra sự kiện và chủ động xây dựng kịch bản sự cố để có biện pháp xử lý hiệu quả về lỗi hệ thống, lỗi đường truyền, lỗi kỹ thuật khác trong hệ thống CNTT...

Phương pháp xác định rủi ro dựa vào tình huống:

Phương pháp này cần đặt ra giả thiết về tình huống có thể xảy ra trong thực tế, từ đó xem xét các phương tiện kỹ thuật, năng lực cán bộ trong các phòng có thể xử lý hoặc giải quyết những tồn đọng này hay không.

Phương pháp xác định rủi ro dựa vào kinh nghiệm và tiền lệ:

Trong một số tình huống đã từng xảy ra trong quá khứ, cần dựa vào kinh nghiệm và tiền lệ đã xảy ra để nhận diện và đánh giá các rủi ro. Các biện pháp đã từng áp dụng trong quá khứ cần được phân tích kỹ lưỡng, nếu là giải pháp hợp lý có thể coi là tiền lệ để áp dụng cho các rủi ro tương tự về sau.

Phương pháp hỗn hợp để xác định rủi ro:

Phương pháp này áp dụng kết hợp nhiều phương pháp ở trên nhằm nhận diện những rủi ro tiềm ẩn, khả năng xảy ra cũng như mức độ tác động. Biện pháp hỗn hợp được sử dụng thông qua việc tiến hành rà soát định kỳ hàng năm tại tất cả các bộ phận nghiệp vụ bởi KSNB và QTRR. Qua việc tiến hành rà soát về quy trình, quy chế, chức năng nhiệm vụ và tính tuân thủ có thể đánh giá được những rủi ro tiềm ẩn. Ngoài ra có thể kết hợp việc đánh giá rủi ro qua mục tiêu, nhiệm vụ phòng cũng như có thể đưa ra các tình huống và xem xét phương án xử lý khi phát sinh biến cố không lường trước.

Nhận diện và biện pháp quản trị

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 4 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro pháp lý

Phương pháp xác định

Thông qua việc phối hợp giữa bộ phận QTRR, Pháp chế, Kiểm soát nội bộ và các phòng ban khác; lập danh sách tuân thủ theo quy định của pháp luật; phân tích các sai phạm và đúc kết kinh nghiệm.

Nhận diện và biện pháp quản trị

Rủi ro pháp lý được nhận diện là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. BVSC triển khai công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên thực hiện. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật hiện hành nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong công ty, từ đó mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

Rủi ro danh tiếng

Phương pháp xác định

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra từ sự kiện rủi ro của các rủi ro khác đặc biệt là rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý như việc cán bộ làm sai quy trình, vi phạm đạo đức nghề nghiệp dẫn đến việc khách hàng kiện tụng, cán bộ vi phạm pháp luật; việc không bảo mật thông tin nội bộ, từ việc phát ngôn mất kiểm soát gây ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp, từ việc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin (chậm, không đầy đủ, kịp thời...)...

Nhận diện và biện pháp quản trị

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu. Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC. Mặc dù vậy, Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác, đào tạo nâng cao nhận thức của người lao động về đạo đức nghề nghiệp. Công ty xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

Quy trình quản trị rủi ro được sơ đồ hóa như sau

01

Thiết lập tình huống

Thiết lập bối cảnh từ nhân tố bên trong và bên ngoài BVSC

Những nội dung cần quan tâm

Hệ thống công
tác Giám sát và
Báo cáo rủi ro gửi
Tổng Giám Đốc

02

Nhận dạng,
Xác định rủi ro

Xem xét các nguồn gây rủi ro

Xác định và diễn giải rủi ro được nhận diện

03

Đo lường,
phân tích rủi ro

Phân tích và đo lường về rủi ro

Đánh giá về mức độ
hậu quả của rủi ro, so
sánh với bảng đo mức
độ rủi ro

Đánh giá về tần suất
gây ra rủi ro, so sánh
với bảng đo lường tần
suất rủi ro

Kết hợp các kết quả để so sánh với ngưỡng chịu rủi ro.
Xem xét rủi ro có chấp nhận được?

Có

Lưu trữ hồ sơ.
Giám sát hằng
ngày hoặc định kỳ
tùy thuộc vào tính
chất sự kiện của
nghiệp vụ chịu rủi
ro tiềm ẩn

Không

04

Xử lý rủi ro

Gán đối tượng chịu trách nhiệm về rủi ro

Xây dựng phương án xử lý rủi ro

So sánh với ngưỡng chấp nhận rủi ro hoặc theo ý kiến
của Tổng Giám Đốc, có chấp nhận được không ?

Không

Có

Thực thi kế hoạch xử lý rủi ro

Lưu trữ hồ sơ. Giám
sát và báo cáo kết
quả xử lý rủi ro

- » **Thiết lập tình huống:** Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: Khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán- kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước...
- » **Xác định rủi ro:** Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 3 nội dung chính: *Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro; Đối tượng bị tác động bởi rủi ro và Chủ sở hữu rủi ro.*
- » **Đo lường rủi ro:** Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ của rủi ro. Hạn mức rủi ro được HĐQT phê duyệt hàng năm còn là một tiêu chí để kết hợp đánh giá về cấp độ rủi ro của sự kiện. (tại BVSC áp dụng 3 cấp độ rủi ro: Rủi ro cao; Rủi ro ở ngưỡng cảnh báo; Rủi ro chấp nhận được).
- » **Xử lý rủi ro:** Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc và mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro đó.

Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại sự kiện rủi ro của từng nghiệp vụ trong công ty. Mục tiêu của giám sát và báo cáo nhằm đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Nếu như có sự kiện rơi vào ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro đó đưa ra kế hoạch hành động để đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

Đánh giá hoạt động QTRR trong năm 2018

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa và cập nhật ban hành lại hàng năm, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2018 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các phòng ban nghiệp vụ của công ty. Kết quả nhận diện, đánh giá đo lường, biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro được thông báo đến các trưởng bộ phận có liên quan để xử lý kịp thời nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Các hoạt động được triển khai bao gồm:

Thực hiện các báo cáo QTRR

Hoạt động	Mô tả
Báo cáo Tháng	- Báo cáo được gửi tới Ban TGD để báo cáo về 5 loại rủi ro được nhận diện, đo lường, đánh giá trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp quý trước đó, đảm bảo các rủi ro đã được hướng dẫn xử lý phù hợp và kịp thời. - Báo cáo chuyên biệt về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin hỗ trợ ban TGD đánh giá về tính chất tập trung trên phương diện dư nợ và room ký quỹ đang sử dụng cũng như làm tiền đề đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ tháng tiếp theo.
Báo cáo Quý	Báo cáo toàn diện về các rủi ro trọng yếu diễn ra trong Quý. Báo cáo Quý được trình bày trước Hội Đồng QLRR của BVSC để trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời hiệu quả.
Báo cáo Bán niên	Báo cáo QTRR 6 tháng đầu và 6 tháng cuối năm 2018 được gửi tới UBCKNN. Báo cáo đã chi tiết về các rủi ro tác động đến hoạt động của BVSC, về việc tuân thủ hạn mức rủi ro, thống kê số lượng nhân sự, đánh giá tình hình biến động tăng trưởng kinh doanh của BVSC...
Báo cáo năm	Báo cáo thực hiện chính sách rủi ro năm 2017 và ban hành chính sách rủi ro năm 2018 gửi tới UBCK. Báo cáo đã tóm lược công tác QTRR mà BVSC đã làm trong năm 2017 và định hướng triển khai QTRR sẽ thực hiện tại BVSC trong năm 2018.

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

Đăng ký rủi ro và cập nhật hồ sơ rủi ro Các phòng nghiệp vụ phối hợp với BP QTRR thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và cập nhật sự kiện rủi ro định kỳ. Từ đó làm cơ sở để cập nhật hồ sơ rủi ro và đưa ra các biện pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Hoạt động được làm định kỳ hàng năm nên giúp BVSC giám đáng kể rủi ro mang tính hệ thống.

Đào tạo nội bộ về quản trị rủi ro

Khóa học về quản trị rủi ro IT Công ty đã tổ chức khóa học nhằm tăng cường nhận thức của Cán bộ IT – là người tác nghiệp và tăng cường kiến thức cho cán bộ Quản trị rủi ro trong việc triển khai công tác quản trị rủi ro tại BVSC.

Rà soát, cập nhật văn bản chính sách rủi ro

Cập nhật Hạn mức rủi ro 2019

- HMRR 2019 được cập nhật phù hợp với những thay đổi trong Quy chế đầu tư được HĐQT thông qua và những hạn mức trong luật định.
- HMRR 2019 cập nhật thay đổi về hạn mức cho vay margin, hạn mức giao dịch intraday trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu ngân hàng.

BVSC không xảy ra sự kiện rủi ro trong năm 2018:

Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. BVSC cũng không để xảy ra sự cố hoặc bị xử phạt bởi các cơ quan chức năng. Với những nỗ lực trên, BVSC đã duy trì được vị thế là một trong những Công ty chứng khoán tuân thủ tốt nhất tại TTCK Việt Nam. Điều này giúp BVSC gia tăng được niềm tin từ cổ đông, khách hàng và các cơ quan quản lý.

Một số định hướng hoạt động QTRR 2019

Trong năm 2019 BP QTRR tiếp tục triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2019. Tiếp tục thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban TGD.

Công tác đào tạo về QTRR sẽ là một nội dung được chú trọng trong năm 2019. Bằng việc tổ chức các chương trình đào nội bộ nhằm nâng cao nhận thức về QTRR cho người lao động nói chung trong Công ty, BP QTRR sẽ tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới là những hoạt động công ty chú trọng để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, ban Kiểm soát và ban Tổng giám đốc

Lương, Thưởng, Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018

Nguyên tắc chi trả lương, thưởng, thù lao:

Đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty:

- Việc chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty tuân thủ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Việc chi thưởng cho các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phê duyệt tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018 theo tỷ lệ 1% Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối .

Đối với Ban Tổng Giám đốc & các cán bộ quản lý khác:

Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo quy chế tiền lương và dựa trên kết quả kinh doanh cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

Mức lương, thưởng, thù lao đã thực hiện trong năm 2018:

Đối với Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty:
Mức chi trả thù lao:

STT	Chức danh	Mức thù lao (trước thuế TNCN)
1	Chủ tịch HĐQT	7.000.000đ/người/tháng
3	Thành viên HĐQT	5.000.000đ/người/tháng
4	Trưởng Ban kiểm soát	5.000.000đ/người/tháng
5	Thành viên Ban kiểm soát	4.000.000đ/người/tháng
6	Thư ký Công ty	4.000.000đ/người/tháng

Đối với Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc & các cán bộ quản lý khác:

- Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018: 6.993.208.510 đồng
- Tổng thu nhập của các cán bộ quản lý khác (không bao gồm Ban Tổng Giám đốc) trong năm 2018: 35.540.681.135 đồng

- Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2018: 616.000.000 đồng

- Thưởng hiệu quả năm 2017 từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và các khoản phúc lợi từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty : 1.131.476.647 đồng

- Tổng thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký Công ty: 1.747.476.647 đồng

Tổng thu nhập bao gồm lương chi trả hàng tháng, tiền thưởng dựa trên kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả làm việc của các năm 2017 & 2018 và một số khoản phúc lợi từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty phát sinh trong năm 2018

Các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty, Các cán bộ quản lý khác:

Chế độ bảo hiểm:

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Ban Kiểm soát: Hiện nay, các thành viên đều làm việc theo hình thức kiêm nhiệm nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại đơn vị công tác.
- Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý khác: được tham gia các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty bao gồm:

- » Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty
- » Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HeathCare): Đối với các chức danh HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc được áp dụng theo chương trình bảo hiểm có mức bồi thường tối đa là 5,2 tỷ đồng/người và được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu. Đối với các cán bộ quản lý khác được áp dụng chương trình bảo hiểm có mức bồi thường tối đa là 1,05 tỷ đồng/người, được bảo lãnh chi phí khám chữa bệnh trên phạm vi khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
- » Bảo hiểm Nhân thọ: Công ty thực hiện chính sách bảo hiểm nhân thọ An hưởng diên viên cho cán bộ.
- » Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care): Đối với các chức danh HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc được áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1,17 tỷ đồng/người, đối với các cán bộ quản lý khác được áp dụng theo chương trình có mức bảo hiểm tối đa là 585 triệu đồng/người.

Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm:

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Ban Kiểm soát: Thực hiện theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại đơn vị công tác.
- Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện chất lượng cao, uy tín tại Việt Nam và được thanh toán toàn bộ chi phí khám phát sinh thực tế.

Căn cứ quy định về Báo cáo tình hình quản trị công ty tại điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, Công ty đã thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết trên trang tin điện tử Công ty ngày 29/01/2019. Đồng thời, Công ty gửi báo cáo tới UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh để đăng tải lên trang tin điện tử của các cơ quan này. Trong Báo cáo bao gồm cả Danh sách người có liên quan của BVSC và giao dịch giữa BVSC với cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; danh sách được cập nhật và bổ sung đầy đủ cho tới thời điểm 31/12/2018. Hiện các báo cáo và danh sách này đang được lưu trữ trên Trang tin điện tử Công ty tại đường link: <http://www.bvsc.com.vn/NewEvent/2019129/644491/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2018.aspx>

Chế độ sử dụng ô tô:

- Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty được sử dụng xe ô tô của Công ty để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.
- Trong trường hợp Công ty không thể bố trí được xe ô tô, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS, Thư ký Công ty có thể sử dụng thẻ taxi, dịch vụ đưa đón và được thanh toán toàn bộ chi phí theo phát sinh thực tế và hạn mức quy định.
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc không sử dụng xe ô tô của Công ty mà sử dụng xe ô tô cá nhân sẽ được hỗ trợ phí xăng xe theo thực tế với mức tối đa 3.000.000 đồng/ tháng đối với Tổng Giám đốc và 2.500.000 đồng/ tháng đối với Phó Tổng Giám đốc.

Chế độ sử dụng điện thoại:

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Ban Kiểm soát: Được hưởng các chế độ sử dụng điện thoại tại đơn vị công tác.
- Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc: được thanh toán cước phí điện thoại hàng tháng theo mức tối đa 1.500.000 đồng/tháng đối với Tổng Giám đốc và 1.200.000 đồng/ tháng đối với Phó Tổng Giám đốc. Trong trường hợp đi công tác nước ngoài, cước phí điện thoại sẽ được thanh toán theo phát sinh thực tế được Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Thư ký Công ty: được thanh toán cước phí điện thoại hàng tháng theo mức tối đa 300.000 đồng/tháng. Nếu thư ký Công ty kiêm nhiệm các chức danh khác được hỗ trợ cước phí điện thoại thì được mức hỗ trợ của chức danh cao nhất.

Chế độ công tác phí:

- Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc: được thanh toán các chi phí vé máy bay, khách sạn theo thực tế phát sinh; công tác phí thanh toán theo quy định tại quy chế chi tiêu của Công ty. Trường hợp đi công tác nước ngoài sẽ thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.
- Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty: được thanh toán theo hạn mức chung quy định tại quy chế chi tiêu của Công ty. Trường hợp đi công tác nước ngoài sẽ thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính - trang 268 tại Báo cáo này

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Là Công ty chứng khoán uy tín đồng thời là một DNNY minh bạch tiêu biểu trong nhiều năm, việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty được BVSC đặc biệt chú trọng. Nhận thức này, không chỉ xuất phát từ mục tiêu tuân thủ, mà chúng tôi mong muốn hoàn thiện chính mình xuất phát từ trách nhiệm với cổ đông, với người lao động, niềm tin với khách hàng và cộng đồng.

Hệ thống các văn bản, quy định nội bộ về quản trị công ty của BVSC được xây dựng trên nền tảng các quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC; các quy định áp dụng đối với công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC và Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC; các quy định về công bố thông tin trên TTCK tại Thông tư số: 155/2015/TT-BTC và các quy chế về công bố thông tin tại các Sở giao dịch HNX và HSX, nơi BVSC vừa với tư cách công thành viên vừa với tư cách là công ty niêm yết. Bên cạnh đó, hàng năm chúng tôi đều thực hiện đánh giá và rà soát nội bộ trên cơ sở tham khảo vận dụng các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các chuẩn mực quốc tế & khu vực về quản trị công ty như các tiêu chí về quản trị công ty theo Quy chế Camel, Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty trong năm 2018 diễn ra như sau:

- Ngay sau khi Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty được ban hành, BVSC đã chủ động sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ công ty và xây dựng mới Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các văn bản quan trọng này sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua. Việc soạn thảo 02 văn bản này được BVSC thực hiện không chỉ tham chiếu Điều lệ mẫu công ty đại chúng, mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC, mà còn có sự tham chiếu Điều lệ mẫu công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC, cũng như tham chiếu, chọn lọc thông lệ quốc tế về quản trị công ty với mục tiêu xây dựng hệ thống quản trị công ty vững mạnh, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế và khu vực.

- Trên nền tảng Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty mới, BVSC xây dựng các quy trình, quy chế nội bộ thống nhất và xuyên suốt trong toàn Công ty nhằm ngăn ngừa, hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh trong trình quản trị và điều hành Công ty; đồng thời đã giúp HĐQT, BKS và Ban điều hành trong việc kiểm soát, giám sát và điều hành hoạt động của Công ty một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả;

- Cơ cấu Hội đồng quản trị trong năm 2018 luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành, cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Điều 13 Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP; Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

- BVSC đã tiến hành bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty để đảm bảo tuân thủ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết theo quy định tại Điều 18 Người phụ trách quản trị công ty của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP;

- Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP;

- BVSC đã ban hành Quy trình công bố thông tin; đồng thời nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin liên quan đến hình hình quản trị, hoạt động kinh doanh và các thông tin bất thường theo đúng thời hạn quy định tại Thông tư số: 155/2015/TT-BTC, đảm bảo tính minh bạch tới tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

Đánh giá quản trị công ty tham chiếu quy chế CAMEL và thẻ điểm QTCT Asean

Đánh giá quản trị công ty theo quy chế CAMEL

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán), nhóm chỉ tiêu quản trị của BVSC đạt 91 điểm cho thấy nỗ lực không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

(Tham khảo Phụ lục I – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL tại trang 190 - 191 báo cáo này)

Đánh giá quản trị công ty tham chiếu thẻ điểm quản trị Asean

Kể từ năm 2016, với mong muốn hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty theo chuẩn mực thị trường khu vực và quốc tế, BVSC đã thực hiện tự đánh giá về hệ thống quản trị của mình tham chiếu theo các tiêu chí tại Thẻ điểm quản trị Asean, qua đó công ty đặt mục tiêu cải thiện qua từng năm.

Tham chiếu theo chuẩn mực này, trong các năm 2017 và 2018, thông qua việc đánh giá và rà soát lại trên cơ sở đối chiếu với bộ câu hỏi thuộc 5 nhóm chuẩn mực bao gồm Quyền của cổ đông, Đối xử bình đẳng với cổ đông, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, Công bố thông tin và tính minh bạch và Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, kết quả cho thấy BVSC tuân thủ phần lớn các chuẩn mực này. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận diện một số nội dung cần cải thiện và xác định thứ tự ưu tiên để thực hiện.

Các nội dung chúng tôi đã cải thiện hiệu quả trong năm vừa qua như việc bổ sung CBTT bằng tiếng Anh đối với các tài liệu công bố trên website cũng như các tài liệu gửi trực tiếp tới cổ đông; Thành viên HĐQT đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi thực hiện chiến lược của Công ty ít nhất một năm (tiêu chí E 1.5 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); Thực hiện lập kế hoạch họp HĐQT khi bắt đầu năm tài chính (tiêu chí E 3.1 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); cải thiện tiêu chí E.3.6 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018 liên quan tới nội dung tiếp cận thông tin của HĐQT cho các kỳ họp HĐQT; tiêu chí E.3.8 theo đó bổ sung thư ký Công ty có chuyên môn sâu về pháp luật, có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ luật sư; Đặc biệt, Công ty đã cải thiện rõ ràng nhất đối với tiêu chí (B).C.1.1. thuộc nhóm chuẩn mực (B)C Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, theo đó Công ty thực hiện báo cáo phát triển bền vững 2018 được tổ chức GRI xác nhận đáp ứng các chuẩn mực công bố thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016 (tiêu chuẩn mới nhất) do GRI ban hành. Nội dung báo cáo phát triển bền vững được chúng tôi trình bày trong cuốn báo cáo thường niên này.

Báo cáo
thường niên 2018

Kết nối thành công

2018 - năm của sự kết nối

Kết nối thành công

“

Thành công mà chúng tôi luôn mong muốn hướng tới không chỉ đo bằng các con số được công bố ra công chúng, mà còn là sự hài lòng của khách hàng, là giá trị công ty cho cổ đông được gia tăng, là sự trưởng thành trong nghề nghiệp của mỗi cán bộ nhân viên, là niềm tin được nhân lên mỗi ngày từ cộng đồng.... Chúng tôi kết nối những thành công này để tạo nên một bức tranh đẹp hài hòa trong năm 2018.

”

Ông Võ Hữu Tuấn - Phó Tổng Giám đốc



Báo cáo tình hình hoạt động năm 2018

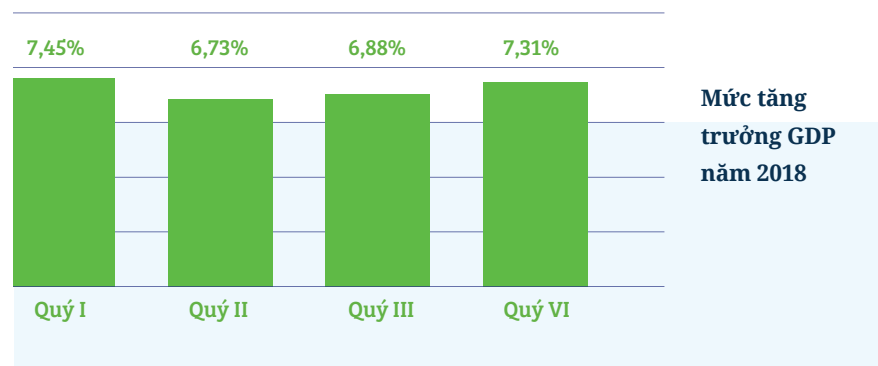
- 86 Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán 2018
- 92 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 96 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2018

Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2018

Thuận lợi trong năm 2018

- GDP của Việt Nam năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017. Mức tăng trưởng này vượt xa mục tiêu 6,7% mà chính phủ đề ra và cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Ngành công nghiệp năm 2018 duy trì mức tăng trưởng khá với 8.79%, đóng góp 2.85% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò quan trọng tại khu vực này, có mức tăng trưởng 12.98%. Là nền kinh tế có mức GDP tăng trưởng cao trong nhóm các nước đang phát triển, điều này giúp Việt Nam trở thành đến hấp dẫn với nhiều quỹ đầu tư nước ngoài.



- Chỉ số lạm phát cả năm tăng thấp, được kiểm soát dưới mức mục tiêu mà Quốc hội đề ra. Chỉ số CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, thấp hơn mức 4% mà Quốc hội đề ra. Chỉ số lạm phát cơ bản chỉ tăng 1,48% so với bình quân năm 2017. Chỉ số lạm phát thấp là cơ sở giúp lãi suất được duy trì ở mặt bằng thấp trong cả năm 2018.

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 482,2 tỷ USD. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 ước tính đạt 244,7 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm 2017. Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu năm 2018 ước tính đạt 237,5 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm trước, trong đó có 36 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 90,4% tổng kim ngạch, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,2 tỷ USD, là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra là tỷ lệ nhập siêu dưới 3%. Thặng dư cán cân thương mại đã góp phần làm giảm áp lực lên biến động tỷ giá trong nửa cuối năm 2018.

- Tỷ giá diễn biến trong tầm kiểm soát. Trong phần lớn thời gian của năm 2018, tỷ giá VND/USD có diễn biến ổn định. Tuy nhiên, nửa cuối năm, khi FED thực hiện tăng lãi suất khiến đồng USD trở nên mạnh hơn, nhiều đồng nội tệ của các quốc gia khác trên thế giới mất giá với biên độ lớn. Tuy nhiên, đồng VND chỉ giảm giá 2,4% so với đồng USD cho thấy sự ổn định của các cân đối kinh tế vĩ mô, tạo thêm niềm tin cho nhà đầu tư nước ngoài.

482,2
tỷ USD

Tổng kim ngạch hàng
hóa xuất khẩu năm 2018

Thách thức trong năm 2018

- FED tăng lãi suất 4 lần trong năm 2018, đã ảnh hưởng tiêu cực thị trường chứng khoán thế giới. Trong năm 2018, theo đúng kế hoạch, FED đã tăng lãi suất 4 lần từ mức 1,50% đầu năm 2018 lên mức 2,5% vào cuối năm. Điều này đã khiến dòng tiền đầu tư trên thế giới có sự dịch chuyển, cơ cấu lại. Việc dòng tiền phân bổ lại giữa các thị trường, các loại hình tài sản đã gây ra hiện tượng rút vốn ra khỏi các thị trường có tỷ lệ nợ vay cao, đặc biệt là thị trường mới nổi và thị trường cận biên. Việc vốn rút ra khỏi các thị trường mới nổi cũng đã tạo ra đợt bán ròng mạnh, gây ảnh hưởng không tích cực lên thị trường chứng khoán Việt Nam. Động thái bán ròng bắt đầu diễn ra từ tháng 02/2018 và ở thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, theo quan sát của BVSC, trong cả 4 lần FED tăng điểm năm 2018, thì sau đó VnIndex nhanh chóng mất đà tăng điểm và bắt đầu quay đầu giảm điểm mạnh mẽ hoặc tiếp tục lặn sâu hơn vào đà giảm điểm.

- Chính sách tiền tệ mang xu hướng thận trọng hơn trong nửa cuối năm 2018 tác động tới dòng vốn trong thị trường chứng khoán. Do ảnh hưởng của việc FED tăng lãi suất dẫn tới việc mất giá của các đồng tiền bản tệ của các quốc gia trên thị trường mới nổi, cùng với đó do giá dầu tăng mạnh làm xuất hiện nguy cơ lạm phát biến động khó lường, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng hơn nhằm duy trì sự ổn định của đồng VND và đảm bảo diễn biến chỉ số lạm phát trong tầm kiểm soát. Chính sách tiền tệ thận trọng, khiến khả năng tiếp cận vốn của nhà đầu tư khó khăn hơn, bên cạnh đó do lãi suất huy động và cho vay nhích tăng trong những tháng cuối năm 2018 khiến các kênh đầu tư khác liên quan tới trái phiếu, gửi tiết kiệm trở nên hấp dẫn hơn trong tương quan với kênh đầu tư chứng khoán.

- Chiến tranh thương mại Mỹ – Trung. Chiến tranh thương mại leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thế giới trực tiếp và gián tiếp. Về mặt trực tiếp, các mặt hàng bị tăng thuế sẽ đẩy giá cả tăng lên, qua đó làm giảm nguồn cầu. Về mặt gián tiếp, viễn cảnh chiến tranh thương mại xảy ra ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và mở rộng hoạt động của các tập đoàn lớn do sự suy giảm niềm tin vào tăng trưởng kinh tế. Điều này thể hiện rõ bởi các CEO tập đoàn lớn tại Mỹ sau khi công bố kết quả kinh doanh quý 3. Thị trường Mỹ nhanh chóng mất điểm trong 2 tháng cuối năm, kéo theo đà giảm điểm của thị trường chứng khoán thế giới trong đó có Việt Nam.

Thị trường chứng khoán

Thuận lợi trong năm 2018

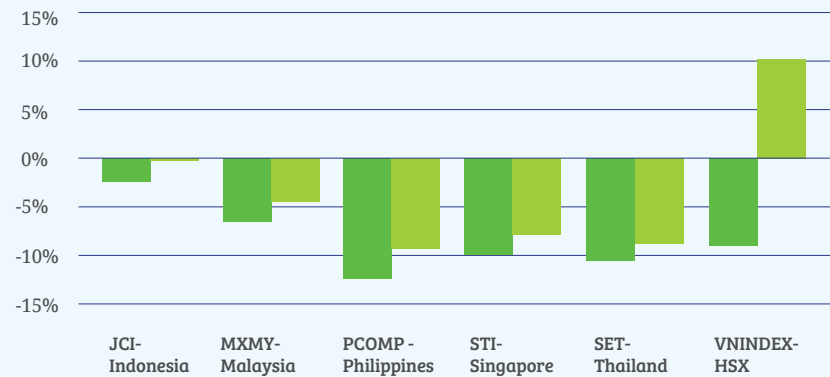
• **Chỉ số VnIndex có thời điểm đạt mức điểm cao nhất trong lịch sử, thanh khoản ở mức cao.** Môi trường kinh tế vĩ mô trong nước ổn định, các chỉ số vĩ mô chính đều đạt được mục tiêu của Chính phủ đã tạo ra bối cảnh tốt cho thị trường chứng khoán, chỉ số VnIndex đã đạt mức cao lịch sử 1,211 điểm vào ngày 10/4/2018, dù vậy đà tăng đã không duy trì được đến hết năm 2018. Trong năm 2018, thanh khoản bình quân trên HSX và HNX đạt 6,283 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh so với mức 4,805 tỷ đồng/phiên trong 2017, tương ứng tăng thêm 30.75%. Thanh khoản tăng mạnh nhất vào các tháng đầu năm 2018 khi thị trường có diễn biến tích cực.

• **Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trên sàn đã hỗ trợ tích cực cho thị trường chứng khoán năm 2018.** Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong năm 2018 tiếp tục có tăng trưởng tốt so với năm 2017. Đặc biệt là kết quả kinh doanh của nhóm ngành ngân hàng, mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của nhóm ngành này ở mức gần 50% so với năm 2017. Đây là yếu tố tích cực giúp cho chỉ số VnIndex tăng mạnh trong những tháng đầu năm và cũng là điểm hỗ trợ cho sự phục hồi của chỉ số này kể từ cuối quý III.

• **Việt Nam được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi hạng hai của FTSE.** Vào đợt xem xét tháng 9/2018, tổ chức xếp hạng toàn cầu FTSE đã chính thức đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi loại hai. Theo quy định của FTSE thì Việt Nam phải nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng ít nhất là 1 năm để có thể được chính thức nâng hạng lên thị trường mới nổi hạng hai. Trong thời gian này, nếu Luật chứng khoán sửa đổi được Quốc hội thông qua vào kỳ họp thứ 8 của Quốc hội thì có khả năng vào kỳ review tháng 3/2020, Việt Nam sẽ được FTSE công bố nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi hạng hai.

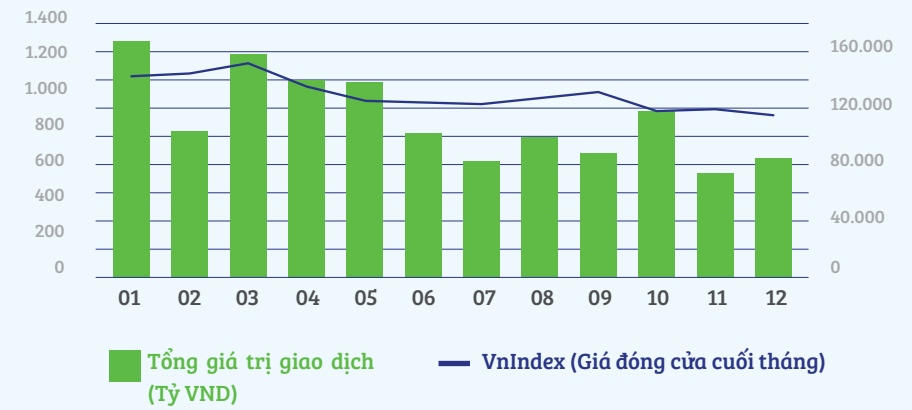
Tốc độ tăng trưởng của các TTCK trong khu vực

■ Tăng trưởng chỉ số
■ Tăng trưởng vốn hoá thị trường



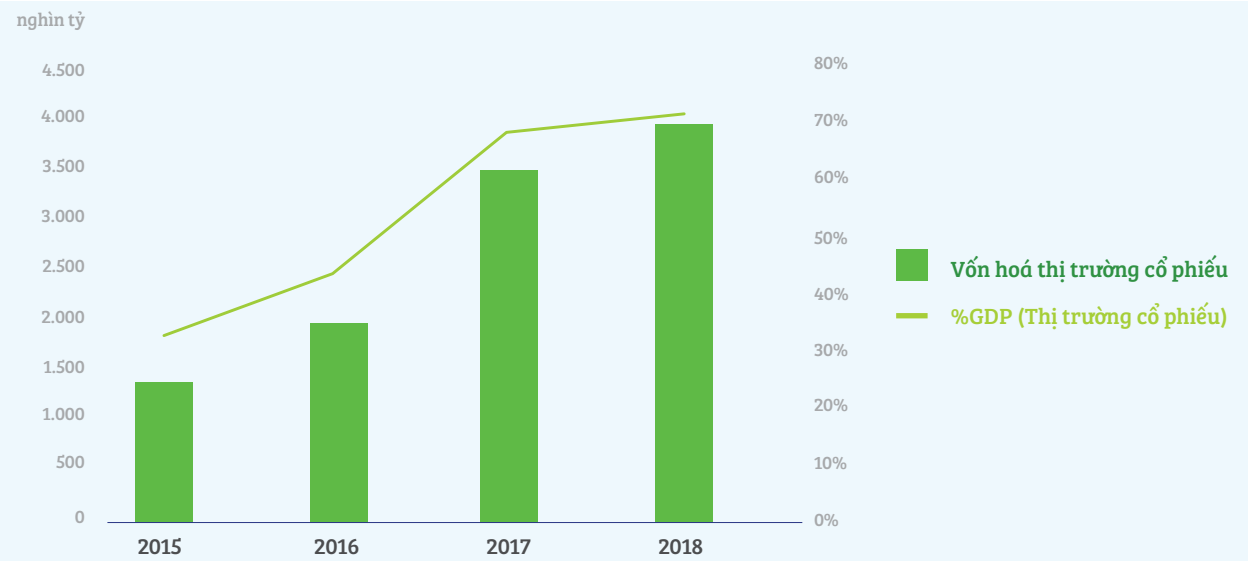
Chỉ số VnIndex có biến động tương đồng với các chỉ số chứng khoán khác trong khu vực, tuy nhiên vốn hóa tại HSX lại có mức tăng trưởng 10,12% cho thấy sự lớn mạnh về quy mô của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số và thanh khoản thị trường



Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt của 03 sàn đạt mức trên 6.000 tỷ, đã xuất hiện những phiên giá trị giao dịch đạt trên 10.000 tỷ với diễn biến rất sôi động.

Quy mô vốn hóa thị trường



Vốn hóa thị trường tiếp tục mở rộng, tổng giá trị vốn hóa 03 sàn đạt trên 4 triệu tỷ đồng, tương đương 171,88 tỷ USD. Nhiều mã blue chips được niêm yết mới đã tạo ra sự đa dạng về hàng hóa, thu hút không chỉ nhà đầu tư trong nước mà còn nhiều quỹ nước ngoài giải ngân.

Một số thách thức từ bên ngoài đã ảnh hưởng tới xu hướng tăng của thị trường:

Dù có được diễn biến rất tích cực trong giải đoạn 04 tháng đầu năm, nhưng do ảnh hưởng của các yếu tố ngoại biên đã khiến VnIndex không duy trì được đà tăng trong phần còn lại của năm 2018. Một số yếu tố tác động tiêu cực tới thị trường chứng khoán trong năm 2018 có thể kể đến như:

- **Xu hướng bán ròng thông qua khớp lệnh tại TTCK Việt Nam chịu nhiều tác động bởi xu hướng rút vốn khỏi các thị trường mới nổi** khi FED tăng lãi suất, khiến các quỹ đầu tư theo chỉ số, các quỹ đầu tư DR, hay P-notes phải rút vốn nhanh cùng xu hướng dòng tiền lớn trên thế giới. Nhà ĐTNN đã thực hiện bán ròng qua hình thức khớp lệnh với giá trị trên 16 ngàn tỷ, việc bán ròng được thực hiện mạnh kể từ giữa tháng 2/2018. Việc bán ròng của khối ngoại thông qua hình thức khớp lệnh đã tác động trực tiếp tới diễn biến trên thị trường, ngoài ra còn ảnh hưởng tới tâm lý nhiều nhà đầu tư trong nước.
- **Những đợt phát hành cổ phiếu, IPO dồn dập trong các năm 2017, 2018 đã tạo ra áp lực cung lớn.** Một mặt, những đợt phát hành, IPO, niêm yết mới đã tạo ra sự đa dạng về hàng hóa, thêm sự lựa chọn cho nhà đầu tư, tuy nhiên lượng phát hành và IPO lên tới 80 ngàn tỷ trong năm 2017 và 118 ngàn tỷ trong năm 2018 đã hút một lượng tiền không nhỏ ra khỏi thị trường niêm yết. Trong bối cảnh dòng tiền chưa tăng nhanh tương xứng với lượng vốn rút ra, kết hợp cùng đợt rút vốn của khối ngoại đã khiến thị trường giảm sâu cả về thanh khoản và chỉ số.
- **Việc tăng trưởng âm đã làm giảm NAV** của nhà đầu tư, các quỹ đầu tư, khó khăn hơn cho việc huy động vốn và thanh khoản của thị trường.



Khung pháp lý cho sự phát triển thị trường có nhiều thay đổi

Năm 2018, hệ thống khung pháp lý và chính sách trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán tiếp tục được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, cải cách thị trường hoạt động theo xu hướng và thông lệ quốc tế, thúc đẩy thị trường phát triển.

Đối với thị trường cổ phiếu, Nghị định 32/2018/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Nghị định 91/2015/NĐ-CP liên quan đến việc chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước; Thông tư 40/2018/TT-BTC và Thông tư 41/2018/TT-BTC hướng dẫn về một số nội dung của Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Đối với thị trường trái phiếu, Chính phủ đã ban hành Nghị định 95/2018/NĐ-CP quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán, chính thức mở ra Cơ chế giao dịch trái phiếu, đặc biệt là giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ, đồng thời quy định hệ thống nhà tạo lập thị trường (trong đó có công ty chứng khoán) với các quyền và nghĩa vụ theo thông lệ quốc tế.

Bên cạnh đó, một loạt các văn bản pháp lý liên quan tới chính sách sản phẩm cho thị trường, cơ chế cho đấu giá cổ phần, chính sách về giá dịch vụ trên thị trường..... đã ra đời như Quyết định 72/QĐ-UBCK về việc ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm, Thông tư số 127/2018/TT-BTC và Thông tư 128/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán, Quyết định số 583/QĐ-UBCK ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá theo lô chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần; Quyết định số 584/QĐ-UBCK ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược; Quyết định 585/QĐ-UBCK năm 2018 về Quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần ra công chúng; Quyết định 586/QĐ-UBCK năm 2018 về Quy chế mẫu bán đấu giá thông thường chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần...tạo hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động của các chủ thể tham gia thị trường, trong đó tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của các CTCK.

Hành lang pháp lý liên tục được bổ sung và hoàn thiện góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của thị trường, vừa mở ra các cơ hội kinh doanh nhưng cũng đồng thời là thách thức với các CTCK nói chung và BVSC nói riêng, trong năm 2018 và những năm tiếp theo.

Báo cáo của hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của Công ty năm 2018

Về triển khai nhiệm vụ kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018

Trên cơ sở các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua , HĐQT chỉ đạo Ban điều hành chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những quyết sách kịp thời, giải pháp đúng đắn và nắm bắt cơ hội thị trường với mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 giao. Cụ thể đạt kết quả kinh doanh như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	TH 2018 so với KH2018	TH 2018 so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	504	547.79	108,69%	113,23%
	Doanh thu đã thực hiện và thu nhập khác	454	464.20	102,25%	107,18%
2	Tổng chi phí	340	425.31	125,09%	128,35%
	Chi phí đã thực hiện	302	311.11	103,02%	106,26%
3	LN trước thuế	164	122.480	74,68%	80,36%
	LN đã thực hiện	152	153.090	100,72%	109,12%
4	LN sau thuế	134	103.532	77,26%	84,55%
	LN đã thực hiện	122	131.65	107,91%	116,63%

Với một năm đầy khó khăn, Công ty cũng chưa thực hiện được kế hoạch tăng vốn như dự kiến, nhưng Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao. Vì vậy, HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành rất tốt việc triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2018.

Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động sau:

Nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty so với các công ty chứng khoán khác, HĐQT chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động, cụ thể:

- Phát hành trái phiếu:** HĐQT đã nghiên cứu và thông qua đề xuất của Công ty về phát hành riêng lẻ 300 tỷ đồng trái phiếu với mục đích nâng cao năng lực tài chính của Công ty; đồng thời để bổ sung nguồn vốn nhằm triển khai định hướng chiến lược phát triển môi giới theo Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 -2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin:** Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 diễn ra trên phạm vi toàn cầu đang tác động lên thị trường vốn, TTCK Việt Nam trên nhiều khía cạnh, làm thay đổi phương thức quản trị của doanh nghiệp cũng như chăm sóc, tiếp cận khách hàng... Do đó, HĐQT đã chỉ đạo Công ty tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng của công tác quản trị điều hành, cũng như thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro:** HĐQT đã rà soát và thông qua các Chính sách Rủi ro, Hạn mức rủi ro và Kế hoạch dự phòng trong các tình huống khẩn cấp năm 2018 theo đề xuất của Công ty. Ngoài ra, HĐQT đề nghị Công ty tiếp tục chủ động phòng ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động, bảo mật và an toàn thông tin đối với hệ thống giao dịch của BVSC, tăng cường công tác quản lý và thu hồi các khoản nợ khó đòi. HĐQT phân công một thành viên HĐQT phụ trách hoạt động quản trị rủi ro và trực tiếp tham dự các kỳ họp định kỳ của Hội đồng quản trị rủi ro để có sự chỉ đạo kịp thời.

- Chuẩn bị cho việc Công ty tham gia thị trường chứng khoán phái sinh:** HĐQT đã chỉ đạo Công ty chuẩn bị đầy đủ nguồn lực về nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin để tham gia thị trường chứng khoán phái sinh và phát hành chứng quyền có đảm bảo. Việc chuẩn bị trước các nguồn lực này giúp Công ty có thể tham gia ngay thị trường chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền khi Công ty đáp ứng điều kiện về vốn Điều lệ.

- Hoàn thiện công tác quản trị và điều hành:** HĐQT đã xem xét và thông qua kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018, kế hoạch tiền lương năm 2018, kế hoạch đầu tư tự doanh năm 2018 nhằm định hướng các hoạt động của BVSC để hoàn thành mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra.

HĐQT đã rà soát và thông qua các Chính sách Rủi ro, Hạn mức rủi ro và Kế hoạch dự phòng trong các tình huống khẩn cấp năm 2018 theo đề xuất của Công ty.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động điều hành của Ban điều hành

Năm 2018, HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT dựa trên các mặt hoạt động sau:

Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ:

Trong quá trình hoạt động, Ban điều hành đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HĐQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch.

Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản trong năm 2018:

(Chi tiết các nghị quyết và văn bản chỉ đạo xem thêm tại mục Các biên bản, nghị quyết HĐQT trong năm 2018 từ trang 52 đến trang 53 báo cáo này)

Thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá năm 2018 Ban điều hành:

- Đã nỗ lực tối đa hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ 2018 giao, thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty cũng như vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro;
- Đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Về thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, HĐQT đã nhận thù lao tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 6 của Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Chi tiết việc chi trả thù lao & các khoản lợi ích khác của HĐQT vui lòng xem thêm tại chương II từ trang 76 đến trang 77 của báo cáo này.

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2018, Thành viên độc lập HĐQT Công ty là ông Nguyễn Quang Hưng đã có Báo cáo nhận xét và đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2018. Chi tiết báo cáo vui lòng xem thêm tại chương II, trang 56 của báo cáo này.

Thông qua vai trò của Kiểm toán nội bộ:

Thông qua vai trò và chức năng nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ, HĐQT đã nắm bắt và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành, giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, các chính sách và quy trình nội bộ trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh tại Công ty.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát:

HQĐT đã phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát, dưới sự giám sát hoạt động của Ban Kiểm soát để duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế quản trị và hoạt động của BVSC.

Các cuộc họp của HĐQT, các nghị quyết và quyết định của HĐQT

Chi tiết các các cuộc họp của HĐQT, các nghị quyết và quyết định của HĐQT vui lòng xem thêm tại chương II từ trang 52 đến trang 53 của báo cáo này.

Hoạt động của Kiểm toán nội bộ

Trong năm 2018, Thành viên độc lập HĐQT Công ty là ông Nguyễn Quang Hưng đã có Báo cáo nhận xét và đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2018. Chi tiết báo cáo vui lòng xem thêm tại chương II từ trang 62 đến trang 63 của báo cáo này.

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2019 (vui lòng tham khảo tại chương IV từ trang 134 đến trang 137 báo cáo này), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 như sau:

Lợi nhuận sau thuế

126 tỷ VND

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh 2019 để trình ĐHĐCĐ thông qua với các chỉ tiêu dự kiến sau:

Tổng doanh thu: 510 tỷ đồng, tương đương 93,1% so với năm 2018; Trong đó, doanh thu thực hiện: 440 tỷ đồng, tương đương 94,79% so với năm 2018; Lợi nhuận sau thuế: 128 tỷ đồng, tương đương 123,63% so với năm 2018; Trong đó, lợi nhuận sau thuế thực hiện: 126 tỷ đồng, tương đương 95,71% so với năm 2018.

Định hướng kinh doanh trong năm 2019 tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, trong đó tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới, tư vấn, hoạt động tự doanh, đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại và tăng cường quản trị rủi ro, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả các sản phẩm phái sinh.

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc định hướng và chỉ đạo đối với các hoạt động sau:

- Chỉ đạo Công ty tiếp tục bám sát diễn biến thị trường chứng khoán trong nước và thế giới, cũng như thay đổi quy định pháp luật để chủ động trong hoạt động kinh doanh, đầu tư và định hướng phát triển của Công ty trong từng thời kỳ;

- Chỉ đạo Công ty tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm đang thực hiện, triển khai các giải pháp/công cụ dựa trên đo đạc phân tích/ mô hình hóa dữ liệu, từng bước thực hiện quá trình chuyển đổi số trong các khâu hoạt động để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh, và quản trị điều hành Công ty trong thời đại công nghệ số;

- Chỉ đạo Công ty triển khai các thủ tục pháp lý, chuẩn bị các điều kiện cần thiết về nguồn nhân lực, sản phẩm, chính sách khách hàng, hệ thống công nghệ... sẵn sàng cho việc tham gia thị trường phái sinh và phát hành chứng quyền có đảm bảo ngay sau khi hoàn tất quá trình tăng vốn.

- Đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực trong khuôn khổ các đề án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động;

- Tăng cường vai trò giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Công ty thông qua việc rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy chế hoạt động, phân cấp quản trị, chế độ báo cáo, thông qua việc phát huy vai trò của Kiểm toán nội bộ cũng như công tác phối hợp với Ban kiểm soát Công ty;

- Chỉ đạo Công ty đẩy mạnh phát triển, nâng cao giá trị doanh nghiệp trên nền tảng phát triển bền vững thông qua tham gia xây dựng kế hoạch chiến lược cho các hoạt động trách nhiệm xã hội và môi trường.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc

Tình hình hoạt động trong năm 2018

Bối cảnh thị trường – Cơ hội & Thách thức trong năm 2018

Trong năm 2018, môi trường chính trị, kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục duy trì ổn định, đưa Việt Nam trở thành một trong số ít các thị trường thu được dòng vốn mua ròng từ khối ngoại. Tuy nhiên thị trường cũng chịu nhiều tác động bất lợi từ các yếu tố ngoại biên như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, đợt rút vốn ra khỏi thị trường mới nổi, các đợt tăng lãi suất của FED hay biến động mạnh của giá dầu khiến thị trường thế giới có những cú sụt giảm mạnh và ảnh hưởng tiêu cực tới dòng tiền và tâm lý nhà đầu tư trên thị trường Việt Nam. Những nhân tố tích cực từ nền kinh tế và TTCK cùng với những thách thức đặt ra trong năm như đã phân tích tại phần 1 – chương III Báo cáo này vừa mang lại cơ hội kinh doanh cho các CTCK vừa đặt ra những yêu cầu thách thức hơn trong việc gia tăng lợi thế cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ, công tác quản trị nhằm phòng ngừa rủi ro để đạt được mục tiêu tăng trưởng.

Thuận lợi và khó khăn đối với BVSC

Là công ty chứng khoán uy tín, hoạt động ổn định, am hiểu thị trường, trong nhiều năm qua liên tục được vinh danh với những giải thưởng uy tín trong các lĩnh vực tư vấn, môi giới, cùng với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp được xem là những thế mạnh của BVSC. Bên cạnh đó, với việc đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống công nghệ thông tin và quá trình thiết lập, vận hành hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả trong nhiều năm qua là những nhân tố thuận lợi để Công ty triển khai các hoạt động kinh doanh trong năm 2018.

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với BVSC là hạn chế về nguồn vốn. Nguồn vốn kinh doanh bị thiếu hụt và chỉ đến giữa năm 2018 mới được bổ sung một phần khi Công ty thực hiện phát hành trái phiếu. Bên cạnh đó, do chưa hoàn tất việc tăng vốn điều lệ nên chưa thể triển khai được chứng khoán phái sinh, điều này đã làm giảm lợi thế cạnh tranh và ảnh hưởng tới thị phần môi giới của Công ty.

Đánh giá chung về kết quả kinh doanh của BVSC trong năm 2018

Trong bối cảnh trên, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động và tích cực nắm bắt cơ hội thị trường, nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, kết quả đạt được như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng					
STT	Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2018	TH 2018 so với KH 2018	TH 2018 so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	547,79	504	108,69%	113,23%
	Doanh thu đã thực hiện	464,20	454	102,25%	107,18%
2	Tổng chi phí	425,31	340	125,09%	128,35%
	Chi phí đã thực hiện	311,11	302	103,02%	106,26%
3	LN trước thuế	122,48	164	74,68%	80,36%
	LN đã thực hiện	153,09	152	100,72%	109,12%
4	LN sau thuế	103,53	134	77,26%	84,56%
	LN đã thực hiện	131,65	122	107,91%	116,63%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018

Tổng doanh thu
547,8tỷ
VND ▲
tương đương **113,2%**
so với 2017

Trong điều kiện thanh khoản thị trường thấp hơn dự báo khi Công ty hoạch định kế hoạch 2018, giá trị giao dịch bình quân phiên tại cả 3 sàn đạt 6.546 tỷ đồng /phiên, giảm 6,5% so với dự báo, chỉ số VNIndex đóng cửa 882,54 điểm giảm 9,32% so với đóng cửa năm 2017, nguồn vốn kinh doanh cũng chưa được bổ sung kịp thời theo kế hoạch đặt ra, kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2018 với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt lần lượt 107,91% và 116,63% so với kế hoạch và so với cùng kỳ là một nỗ lực lớn của tập thể Ban lãnh đạo & CBNV BVSC.

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: Triệu đồng

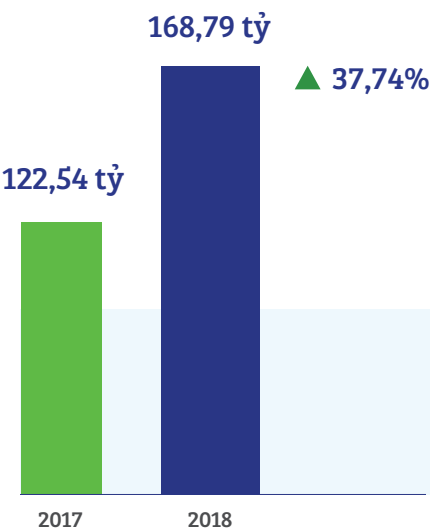
Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	So sánh %	
				Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm	Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước
I. Tổng Doanh thu trong đó:	483.681	547.579	504.000	108,65%	113,21%
1. Doanh thu hoạt động	462.044	522.954	502.800	104,01%	113,18%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	207.668	171.590	210.000	81,71%	82,63%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	122.540	168.791	164.000	102,92%	137,74%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	115.358	167.046	110.200	151,58%	144,81%
Trong đó: Lãi tài sản tài chính đã thực hiện	64.644	83.449	60.200	138,62%	129,09%
Lãi tài sản tài chính chưa thực hiện	50.714	83.597	50.000	167,19%	164,84%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	926	280	1.000	27,98%	30,23%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.987	6.518	6.000	108,64%	108,88%
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.402	7.330	11.200	65,44%	87,24%
1.7. Doanh thu hoạt động khác	1.164	1.399	400	349,84%	120,21%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	21.636	24.625	1.200	2052,08%	113,81%

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	So sánh %	
				Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm	Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước
II. Tổng chi phí	(330.473)	(424.840)	(340.000)	124,95%	128,56%
1. Chi phí hoạt động	(240.483)	(322.133)	(212.370)	151,68%	133,95%
Trong đó: Chi phí thực hiện	(201.893)	(207.927)	(174.370)	119,24%	102,99%
Chi phí chưa thực hiện	(38.590)	(114.207)	(38.000)	300,54%	295,95%
2. Chi phí hoạt động tài chính	(8.411)	(27.618)	(27.450)	100,61%	328,36%
3. Chi phí quản lý	(81.579)	(75.089)	(100.180)	74,95%	92,04%
III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	153.208	122.740	164.000	74,84%	80,11%
IV. Lợi nhuận/ Lỗ khác	(784)	(260)	-		33,13%
V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	152.423	122.480	164.000	74,68%	80,36%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện trước thuế	140.300	153.090	152.000	100,72%	109,12%
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	(29.979)	(18.948)	(30.000)	63,16%	63,21%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(27.420)	(21.438)	(30.000)	71,46%	78,19%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.559)	2.490	-		-97,30%
IX. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	122.445	103.532	134.000	77,26%	84,55%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế	112.880	131.652	122.000	107,91%	116,63%
X. Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN	13.467	(2.308)	-		-17,14%

Về doanh thu:

Tổng doanh thu tăng
13,21%
▲ So với năm 2017.



Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu

Đầu năm 2018, TTCK Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2017, nhiều mốc chỉ số đã được thiết lập tại quý 1/2018, tuy nhiên sau đó thị trường chứng khoán điều chỉnh và giảm điểm, đến cuối năm 2018, chỉ số VN Index giảm 91,7 điểm từ mức 984,24 điểm đóng cửa năm 2017 về mức 892,54 điểm tương đương với giảm 9,31%. Bối cảnh này ảnh hưởng khá lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của BVSC, đặc biệt là hoạt động môi giới chứng khoán. Với nhiều nỗ lực ở tất cả các mảng hoạt động, BVSC đã đạt lợi nhuận trước thuế cả năm là 122,48 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 153,09 tỷ đồng bằng 100,72% so với kế hoạch và bằng 109,12% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 103,53 tỷ đồng trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 131,65 tỷ đồng, bằng 107,91% kế hoạch và bằng 116,63% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu 2018 của Công ty đạt 547,58 tỷ đồng, đạt 108,65% so với kế hoạch và tăng 13,21% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty vẫn là 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, tự doanh, doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu, theo đó các chỉ tiêu doanh thu của các mảng hoạt động trọng yếu này diễn biến như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 171,59 tỷ đồng, chiếm 36,98% cơ cấu tổng doanh thu thực hiện của Công ty, bằng 81,71% so với kế hoạch và chỉ bằng 82,63% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu môi giới không đạt kế hoạch đặt ra do tác động từ diễn biến thị trường trong năm, chỉ số chứng khoán lặn giá trị giao dịch thị trường cũng giảm so với dự báo của Công ty khi lập kế hoạch. Mặt khác với quy mô vốn chỉ ở mức trung bình trong khi kế hoạch tăng vốn điều lệ chưa triển khai được như dự tính dẫn đến Công ty chưa thể cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh cũng đã ảnh hưởng tới khả năng cạnh tranh của Công ty.

- Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu đạt 168,79 tỷ đồng, bằng 102,17% so với kế hoạch và tăng 37,74% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 36,38% cơ cấu tổng doanh thu thực hiện. Mặc dù quy mô vốn còn hạn chế, nhưng với biện pháp quản trị nguồn vốn hợp lý, Công ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn tự có như giảm tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu, những trái phiếu đáo hạn được thu hồi vốn, chuyển sang hoạt động cho vay, giảm bớt khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn để dồn nguồn lực cho hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán cũng như huy động vốn bằng nhiều nguồn khác nhau như: vay ngắn hạn bằng repo trái phiếu sẵn có của BVSC, vay ngắn hạn tại các ngân hàng với lãi suất hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn đã góp hoàn thành vượt kế hoạch đặt ra và có sự tăng trưởng tốt so với năm trước. Ngoài ra, giữa năm 2018, Công ty phát hành thành công 3.000.000 trái phiếu BVSC_Bond_2018 kỳ hạn 2 năm để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty, trong đó có hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các nguồn lực tài chính này đã hỗ trợ khách hàng vay giao dịch kỳ quỹ với lãi suất cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng giao dịch chứng khoán.

- Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính bao gồm đầu tư tự doanh và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn đạt 167,05 tỷ đồng, bằng 151,58% so với kế hoạch và tăng 44,81% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu thực hiện tài sản tài chính đạt 83,45 tỷ đồng bằng 138,62% so với kế hoạch và tăng 29,09% so với cùng kỳ năm trước. Đối với đầu tư chứng khoán, phương thức hoạt động của BVSC là thiết lập tỷ trọng đầu tư của Danh mục linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn diễn biến của thị trường trên nguyên tắc thận trọng. Các giao dịch tự doanh năm 2018 chủ yếu tập trung vào cổ phiếu một số ngành như cổ phiếu Bất động sản, Ngân hàng, Vật liệu xây dựng và Tiêu dùng. Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mặc dù nguồn lực không nhiều nhưng BVSC luôn chủ động đầu tư tại các ngân hàng TMCP với chỉ số an toàn cao và mức lãi suất cạnh tranh.

- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính năm 2018 đạt 7,33 tỷ đồng, hoàn thành 65,44% kế hoạch và giảm 12,76% so với cùng kỳ năm 2017. Mặc dù không đạt kế hoạch về doanh thu, tuy nhiên trong năm 2018 Công ty tận dụng các lợi thế của mình để thực hiện thành công nhiều hợp đồng tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp, tư vấn đấu giá, thoái vốn... và đẩy mạnh mảng hoạt động thu xếp vốn và mua bán doanh nghiệp với các thương vụ thành công tiêu biểu như tư vấn cho CTCP Thực phẩm Hữu Nghị (HNF), thoái vốn nhà nước tại Vinaconex – một thương vụ điển hình trong năm 2018.

- Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 6,52 tỷ đồng, đạt 108,64% so với kế hoạch và tăng 8,88% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng về doanh thu lưu ký một phần là do lượng khách hàng giao dịch và lưu ký tại BVSC tăng so với năm trước kèm theo nhiều cổ phiếu được đăng ký lưu ký và giao dịch trên các sàn chứng khoán Việt Nam; Bên cạnh đó trong năm 2018 BVSC đẩy mạnh khai thác hoạt động quản lý sổ cổ đông, lưu ký chứng khoán chưa niêm yết.



Về chi phí

Doanh thu trong năm tăng do đó các hạng mục chi phí của Công ty cũng tăng theo, tuy nhiên sự tặng trưởng này để thúc đẩy hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Công ty thực hiện kiểm soát chi phí để đảm bảo duy trì tăng trưởng lợi nhuận.

- Chi phí hoạt động kinh doanh trong năm là 322,13 tỷ đồng, bằng 151,68% so với kế hoạch và tăng 33,95% so với cùng kỳ năm trước. Việc tăng chi phí kinh doanh này chủ yếu tăng từ chi phí chưa thực hiện trong kỳ, đạt 114,21 tỷ đồng, bằng 300,54% so với kế hoạch và tăng 295,95% so với cùng kỳ năm trước. Đây là các khoản đánh giá chênh lệch giảm giá tài sản tài chính so với giá vốn, nguyên nhân chính là do thị trường chứng khoán có sự điều chỉnh giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên chỉ tiêu này chưa thực hiện nên không làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

- » Chi phí kinh doanh thực hiện trong kỳ đạt 207,93 tỷ đồng bằng 119,24% so với kế hoạch, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng từ khoản chi phí hoạt động tự doanh. Chi phí hoạt động môi giới giảm so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm trước tương ứng với sự sụt giảm Doanh thu hoạt động môi giới. Trong khi đó các khoản chi phí hoạt động kinh doanh khác vẫn bám sát kế hoạch đặt ra.

- Chi phí hoạt động tài chính đạt 27,62 tỷ đồng bằng 100,61% so với kế hoạch và tăng 228,36% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này chủ yếu là chi phí lãi vay để huy động vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động cho vay margin ứng trước và các hoạt động kinh doanh khác.

- Chi phí quản lý thực hiện là 75,09 tỷ đồng, bằng 74,95% so với số kế hoạch và giảm 7,96% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí quản lý chủ yếu là các khoản chi phí thúc đẩy, hỗ trợ phát triển cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Tuy nhiên Công ty đã kiểm soát chi phí một cách tiết kiệm, hiệu quả, bám sát kế hoạch đề ra.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu:

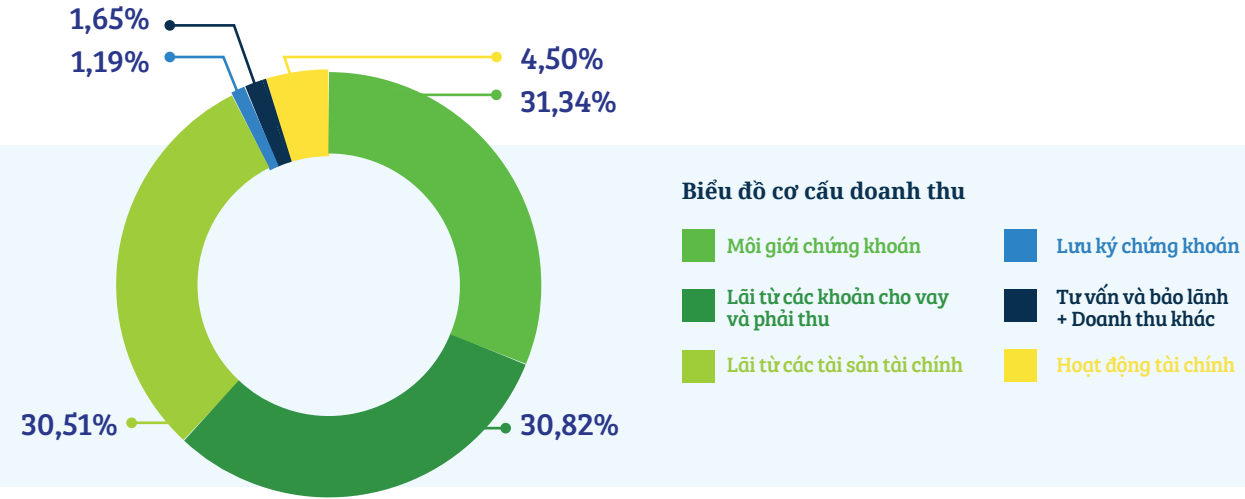
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2017	Tỷ trọng	Thực hiện 2018	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	462.044	95,53%	522.954	95,50%	13,18%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	207.668	42,93%	171.590	31,34%	-17,37%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	122.540	25,33%	168.791	30,82%	37,74%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	115.358	23,85%	167.046	30,51%	44,81%
Trong đó: Doanh thu thực hiện	64.644	13,37%	83.449	15,24%	29,09%
Doanh thu chưa thực hiện	5.714	10,48%	83.597	15,27%	64,84%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	926	0,19%	280	0,05%	-69,77%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.987	1,24%	6.518	1,19%	8,88%
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.402	1,74%	7.330	1,34%	-12,76%
1.7. Doanh thu hoạt động khác	1.164	0,24%	1.399	0,26%	20,21%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	21.636	4,47%	24.625	4,50%	13,81%
Tổng Doanh thu (1) + (2)	483.681	100%	547.579	100%	13,21%

Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động chính như môi giới, cho vay và phải thu, đầu tư tài sản tài chính (tự doanh), lưu ký, tư vấn và doanh thu khác. Phân bố các khoản doanh thu như sau:

Doanh thu hoạt động đạt 522,95 tỷ đồng, chiếm 95,50% tổng doanh thu và tăng 13,18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

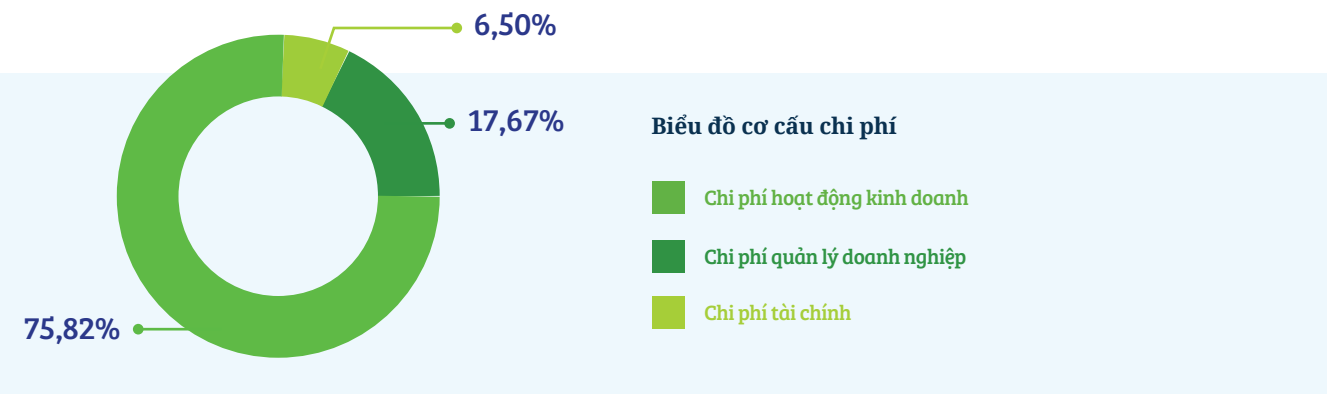
- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 171,59 tỷ đồng, giảm 17,37% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 31,32% trong tổng doanh thu,
- Doanh thu từ cho vay, phải thu: bao gồm thu lãi từ hoạt động vay margin, ứng trước của khách hàng giao dịch chứng khoán. Đây là một trong ba hoạt động chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất, đạt 168,79 tỷ đồng, tăng 37,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 30,82 % tổng doanh thu cả năm,
- Doanh thu hoạt động đầu tư tài sản tài chính bao gồm hoạt động tự doanh và lãi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn đạt 167,05 tỷ đồng, tăng 44,81% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 30,51% trong tổng doanh thu. Trong đó doanh thu thực hiện đạt 83,45 tỷ đồng, tăng 29,09% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 15,24% trong tổng doanh thu.
- Doanh thu tư vấn tài chính đạt 7,33 tỷ đồng, giảm 12,76% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 1,34% trong tổng doanh thu.
- Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 6,52 tỷ đồng, tăng 8,88% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,19% tổng doanh thu.
- Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán và doanh thu khác đạt 1,68 tỷ đồng tỷ đồng và chỉ chiếm 0,31% trong tổng doanh thu.
- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 24,63 tỷ đồng, tăng 13,81% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 4,50% trong tổng doanh thu.



Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2017	Tỷ trọng	Thực hiện 2018	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(240.483)	72,77%	(322.133)	75,82%	33,95%
Trong đó: Chi phí thực hiện	(201.893)	61,09%	(207.927)	48,94%	2,99%
Chi phí chưa thực hiện	(38.590)	11,68%	(114.207)	26,88%	195,95%
2. Chi phí tài chính	(8.411)	2,55%	(27.618)	6,50%	228,36%
3. Chi phí quản lí doanh nghiệp	(81.579)	24,69%	(75.089)	17,67%	-7,96%
Tổng chi phí	(330.473)	100%	(424.840)	100%	28,56%



Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng chủ yếu đạt 322,13 tỷ đồng chiếm 75,82% tổng chi phí. Hạng mục chi phí này bao gồm chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chính như: phí giao dịch trả sở, phí lưu ký, chi phí hoạt động tự doanh, lãi vay... và chi phí hoạt động cho hoạt động cho khối kinh doanh như chi phí thuê nhà, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài... Trong đó: chi phí hoạt động kinh doanh thực hiện trong kỳ đạt 207,93 tỷ đồng, tăng 2,99% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 48,94% tổng chi phí.

Chi phí kinh doanh chưa thực hiện là các khoản chênh lệch đánh giá giảm đối với tài sản tài chính (chứng khoán tự doanh). Chi phí này đạt 114,21 tỷ đồng, tăng 195,95% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 26,88% tổng chi phí.

- Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay để huy động vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động cho vay margin ứng trước và các hoạt động kinh doanh khác. Chi phí này đạt 27,62 tỷ đồng tăng 228,36% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 17,67% tổng chi phí.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện 75,09 tỷ đồng, chỉ chiếm 17,65% tổng chi phí và giảm 7,96 % so với cùng kỳ năm trước.



Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong năm 2018

Môi giới

Trong bối cảnh diễn biến thị trường (như đã trình bày ở trên), cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các Công ty Chứng khoán, trong khi đó BVSC tồn tại những rào cản về vốn, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động môi giới, kết quả hoạt động môi giới trong năm 2018 như sau:

Bảng số liệu giao dịch năm 2018

Đơn vị tính: 1.000 tỷ

Giá trị giao dịch	Năm 2017		Năm 2018		So sánh với cùng kỳ 2017	
	Thị trường	Công ty	Thị trường	Công ty	Thị trường	Công ty
Tại HSX	1.043,47	110,21	1.346,02	81,11	128,99%	73,59%
Tại HNX	161,05	8,98	196,86	12,61	122,23%	140,44%
Tại Upcom	60,47	5,30	93,49	5,84	154,62%	110,16%
Tổng cộng	1.264,99	124,49	1.636,37	99,56	129,36%	79,97%

Nguồn: HNX, HSX, BVSC

Kết quả hoạt động Môi giới năm 2018

Chỉ tiêu	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	% TH so với KH	% TH so với cùng kỳ 2017
Doanh thu (Tỷ Đồng)	207,67	210	171,59	81,71%	82,63%
Số lượng tài khoản	55.152	58.720	65.135	110,92%	118,10%

- Môi giới vẫn là hoạt động cốt lõi của Công ty, doanh thu đạt 171,59 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 39% doanh thu thực hiện, đạt 81,71% so với kế hoạch và bằng 82,63% so với năm 2017.

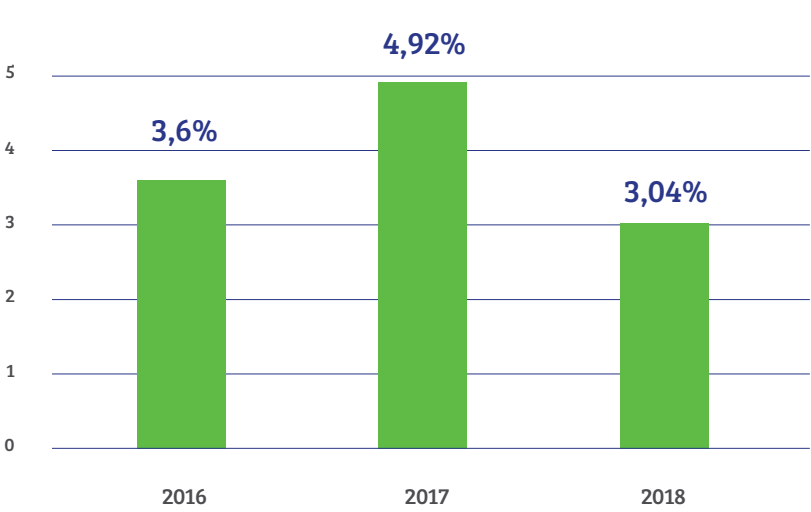
- Thị phần môi giới trong năm 2018
 - Thị phần môi giới CP&CCQ chung cho cả ba sàn giao dịch đạt 3,04% bằng 61,79% so với cùng kỳ năm trước.
 - Thị phần môi giới trái phiếu tại HSX đạt 3,4% đứng thứ 3 trong TOP 10, tại HNX đứng thứ 2 trong TOP 10 và nằm trong nhóm Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới trên 10%.

Bảng xếp hạng thị phần tại HNX và HSX

Thị phần giao dịch	Quý I				Quý II				Quý III				Quý IV			
	Trái phiếu		Cổ phiếu		Trái phiếu		Cổ phiếu		Trái phiếu		Cổ phiếu		Trái phiếu		Cổ phiếu	
	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX
Vị trí trong TOP 10	2	3	N/A	N/A	3	1	10	N/A	3	2	7	N/A	4	2	8	6
Thị phần (%)	2,2	Nhóm có thị phần trên 10%	2,73	2,78	5,11	Nhóm có thị phần trên 10%	2,88	2,33	4,56	Nhóm có thị phần trên 10%	3,47	2,91	2,43	Nhóm có thị phần trên 10%	2,98	5,39

Nguồn: HNX, HSX

Thị phần môi giới CP & CCQ trong 3 năm



Số liệu thị phần là số liệu theo tính toán của BVSC tại cả 3 sàn giao dịch

Những giải pháp đã triển khai để thúc đẩy hoạt động môi giới trong năm 2018, cụ thể:

- Đầu tư cho hệ thống CNTT để nâng cao chất lượng dịch vụ: hoàn tất đầu tư hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại; golive phần mềm giao dịch trên thiết bị di động BVS@Mobile vào tháng 3/2018, triển khai hệ thống hỗ trợ quản lý và thực hiện giao dịch ETF, triển khai phần mềm tính giá ETF realtime online cho khách hàng tổ chức nước ngoài...
- Chính sách lãi suất và phí giao dịch hấp dẫn, cạnh tranh và thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với thị trường.

Trong năm 2018 Công ty đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thúc đẩy hoạt động môi giới của Công ty

- Nỗ lực duy trì nguồn vốn ổn định phục vụ khách hàng: Mặc dù nguồn lực tài chính còn hạn chế và chưa thực hiện được việc tăng vốn điều lệ như dự định là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới hoạt động môi giới, tuy nhiên trong năm 2018 BVSC nỗ lực trong việc quản trị tài chính hiệu quả bằng nhiều giải pháp linh hoạt để duy trì nguồn vốn ổn định cho các hoạt động margin, ứng trước, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng.
- Xây dựng các chính sách đãi ngộ đa dạng và cạnh tranh để thu hút nhân viên. Tỷ lệ tuyển dụng nhân viên môi giới trong năm 2018 tăng 37% so với cùng kỳ.
- Tăng cường đào tạo kỹ năng, thực hiện kiểm tra nghiệp vụ và huấn luyện nội bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự.
- Đẩy mạnh thi đua nội bộ, chương trình khuyến mãi nhằm khuyến khích, tạo động lực cho CBNV & thu hút khách hàng.
- Hoạt động môi giới khách hàng tổ chức được đẩy mạnh triển khai trong năm với những kết quả tích cực: BVSC đẩy mạnh việc tiếp xúc, phát triển mối quan hệ với khách hàng tổ chức thông qua kênh bán hàng truyền thống và mở rộng thêm kênh bán hàng mới trên cơ sở hợp tác quốc tế với các tổ chức tài chính lớn trên thế giới như: Marco Polo Securities USA; ACH Investment Pte Ltd; DCG Capital Pte Ltd; Duxton Asset Management; Clever Technology Co Limited; Heungkuk Asset Management, Dragon Capital, Ward Haven, các quỹ nước ngoài và quỹ nội của Vinacapital ... Doanh thu môi giới KHTC tăng trưởng 26% so với cùng kỳ và tăng 28% so với kế hoạch, chiếm tỷ trọng 24% tổng doanh thu môi giới toàn Công ty.

Tự doanh

Năm 2018 thị trường có nhiều diễn biến không thuận lợi vào cuối năm, chỉ số VNI giảm 9,3% so với thời điểm đầu năm, tuy nhiên với cơ chế thiết lập tỷ trọng đầu tư của Danh mục linh hoạt trên nguyên tắc thận trọng và kết hợp với việc triển khai thêm các dịch vụ hỗ trợ đầu tư nên BVSC vẫn đạt tỷ suất đầu tư là 6,07%. Đây là kết quả rất đáng ghi nhận trong bối cảnh thị trường năm 2018, khi đa số các quỹ đầu tư đều đạt tỷ suất lợi nhuận danh mục rất thấp hoặc âm. Trong năm 2018, BVSC cũng đã đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ giao dịch cho các quỹ ETF, từng bước mang lại hiệu quả cho công ty.

Đối với mảng trái phiếu, với chủ trương ưu tiên nguồn vốn cho hoạt động margin ứng trước nên trong năm 2018 BVSC chủ yếu thực hiện các giao dịch trái phiếu ngắn hạn và không thực hiện đầu tư mới, tỷ trọng đầu tư trái phiếu cuối năm 2018 ở mức 10% VCSH.

Lưu ký chứng khoán

Là hoạt động đòi hỏi sự chuẩn mực, cẩn trọng, dịch vụ lưu ký chứng khoán được triển khai trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán và sự chuyên nghiệp của BVSC.

Trong năm Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX, UPCOM với số lượng trên 316 triệu cổ phần. Thực hiện chốt 2.600 danh sách lưu ký cổ phiếu và trái phiếu để tiến hành trả cổ tức, phát hành thêm cổ phiếu, lấy ý kiến cổ đông, đại hội cổ đông...

BVSC phối hợp chặt chẽ cùng với các Ngân hàng đáp ứng tốt các yêu cầu nộp rút tiền của khách hàng, thực hiện 1.431 giao dịch nộp và 5.426 giao dịch rút với tổng số tiền 6.857 tỷ đồng. Năm 2018, doanh thu hoạt động lưu ký đạt 6,52 tỷ đồng, đạt 108,64% so với kế hoạch.

Tư vấn và bảo lãnh phát hành

Mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn trong cơ cấu doanh thu, tuy nhiên hoạt động tư vấn là một trong những hoạt động cốt lõi góp phần tạo nên vị thế thương hiệu của BVSC trên thị trường. Không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, đẩy mạnh triển khai các hoạt động vốn là thế mạnh của BVSC như tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp.

Trong năm 2018 BVSC hoàn tất thương vụ tư vấn thành công cho SCIC thoái vốn tại Vinaconex, một thương vụ điển hình về thoái vốn trong năm 2018 của cả nước sau khi Nghị định 32/2018/NĐ-CP được ban hành.

Tổng doanh thu hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành năm 2018 đạt 7,3 tỷ đồng đạt 65,4% kế hoạch năm. Trong năm 2018 BVSC tiếp tục được tôn vinh giải thưởng “Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu nhất năm 2017-2018” và Giải thưởng “Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỉ 2009-2018” tại lễ vinh danh thương vụ và nhà tư vấn M&A tiêu biểu tại Diễn đàn M&A 2018.

Các hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi

Hoạt động cho vay và phải thu đóng góp tỷ trọng doanh thu khá lớn trong kết quả kinh doanh năm 2018. Trong năm, Công ty đã thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này như tích cực tìm các nguồn để huy động vốn, vay ngắn hạn tại các ngân hàng TMCP, thực hiện repo trái phiếu nhằm huy động vốn ngắn hạn, dịch chuyển nguồn vốn từ nơi có hiệu suất thấp (tiền gửi, các khoản OTC hiệu quả thấp) sang các nghiệp vụ có lãi suất cao hơn (margin, ứng trước) là một trong những giải pháp góp phần ổn định nguồn vốn đáp ứng nhu cầu khách hàng giao dịch đồng thời tăng hiệu quả sử dụng vốn của công ty. Doanh thu hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi đạt 196 tỷ đồng, tăng 18,6% so với kế hoạch.

Công tác quản lý và hỗ trợ

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Hoạt động của Phòng Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm trong năm qua vẫn được duy trì ổn định nhằm đảm bảo hệ thống giao dịch thông suốt và an toàn, đáp ứng quy mô hàng triệu lệnh trong năm.

Song song xuất phát từ nhu cầu thực tế của khách hàng và thị trường, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm không ngừng được chú trọng. Tháng 03/2018, Công ty chính thức cung cấp công cụ giao dịch mới, đó là sản phẩm BVS@Mobile, một ứng dụng giao dịch qua thiết bị di động. Đây là sản phẩm ưu việt với giao diện thân thiện, trực quan, BVSC@Mobile đem lại cho nhà đầu tư chứng khoán những trải nghiệm về giải pháp giao dịch năng động và hiệu quả cùng hàng loạt tính năng tích hợp chỉ bằng những thao tác đơn giản và dễ dàng nhất. Ứng dụng này không chỉ đáp ứng các nhu cầu như: giao dịch mua, bán, hủy, sửa lệnh ... mà còn liên tục cập nhật đầy đủ thông tin từ thị trường, các báo cáo và khuyến nghị, truyền văn thông tin giúp nhà đầu tư dễ dàng đưa ra quyết định kịp thời.

Trong năm 2018, công ty đã thực hiện các đợt cập nhật và chỉnh sửa hệ thống đồng thời phát hành các báo cáo hỗ trợ nghiệp vụ trong quá trình vận hành hệ thống.

Nghiên cứu phân tích

Hoạt động nghiên cứu phân tích của BVSC đã và đang được đầu tư đúng hướng, khẳng định mục tiêu của Công ty là không ngừng nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng. Trong năm 2018, BVSC đã thường xuyên tổ chức các buổi Hội thảo giới thiệu các cơ hội đầu tư phù hợp với danh mục đầu tư riêng của từng quỹ để tăng tính hiệu quả cho các quỹ như: MB Capital, PTI, SSIAM, BVF... Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các buổi talk show về kinh tế vĩ mô và được khách hàng tổ chức đánh giá cao.

Các chuyên gia phân tích của BVSC là đối tác chuyên môn với các kênh truyền thông đại chúng thông qua việc tham gia hàng trăm cuộc phỏng vấn, tọa đàm về diễn biến vĩ mô, xu hướng thị trường... Thông qua các hoạt động này góp phần thúc đẩy xây dựng thương hiệu và nâng cao hình ảnh của BVSC.



285

Báo cáo phân tích
ngành và công ty



259

Báo cáo vĩ mô và phân
tích kỹ thuật



14

Báo cáo thăm doanh nghiệp



04

Hội thảo kinh tế vĩ mô

Công nghệ thông tin

- Là hoạt động trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng lẫn tối ưu hóa công tác quản lý, trong năm 2018 hoạt động CNTT tập trung triển khai các dự án sau:
- Triển khai hệ thống giao dịch trên thiết bị di động BVS@Mobile: chính thức cung cấp ứng dụng cho khách hàng từ tháng 3/2018.
 - Triển khai Hệ thống giao dịch ETF VN, Phần mềm tính giá ETF realtime online: Hiện BVSC là đơn vị duy nhất tại Việt Nam cung cấp dịch vụ online này cho khách hàng tổ chức nước ngoài.
 - Phần mềm thu chi hộ điện tử
 - Triển khai cơ sở hạ tầng dữ liệu BVSC tại Trung tâm dữ liệu của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tại Trung tâm phần mềm Quang Trung.
 - Chuyển đổi hệ thống CSDL sang nền tảng mới: Hệ thống máy chủ CSDL và dữ liệu của hệ thống lõi BVSC đã được chuyển đổi sang hệ thống máy chủ và hệ thống lưu trữ mới.
 - Nâng cấp hệ thống mạng lõi BVSC
 - Phần mềm quản lý nhân sự tiền lương chấm công: chính thức đi vào hoạt động cuối tháng 11/2018.
 - Nâng cấp bảo mật và chuẩn hóa hệ thống WAN

Pháp chế và kiểm soát nội bộ

Pháp chế:

Năm 2018, sự kiện nổi bật nhất của pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán là việc chính thức công bố dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi). Dự thảo luật được kỳ vọng khắc phục những tồn tại, hạn chế sau hơn 10 năm thi hành Luật Chứng khoán và bảo đảm thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan. Là một thành viên tích cực của thị trường và đã được ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp đối với các dự thảo văn bản pháp luật, BVSC đã chủ động gửi các văn bản đóng góp ý kiến, trình bày tham luận, phát biểu ý kiến tại các hội thảo do các cơ quan nhà nước quản lý thị trường chứng khoán tổ chức, góp phần hoàn thiện dự thảo luật quan trọng hàng đầu, từ đó giúp củng cố khung pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán.

Bên cạnh dự thảo Luật Chứng khoán (sửa đổi), năm 2018, pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng có những thay đổi nhất định tác động đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán như: Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp, Nghị định 95/2018/NĐ-CP quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ; Thông tư 128/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; Thông tư 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán (có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2018) với những thay đổi mới liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến của các công ty chứng khoán...Trước sự điều chỉnh về khung pháp lý cho hoạt động của thị trường chứng khoán trên đây đòi hỏi công tác pháp chế phải hoạt động tích cực trong việc cập nhật, rà soát, chỉnh sửa hệ thống văn bản quy định và quy trình nghiệp vụ của Công ty. Trong năm 2018 Công ty đã ban hành 20 quy chế, quy trình nội bộ, 72 biểu mẫu của Công ty để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, góp phần hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý cho hoạt động của Công ty.

Với vai trò tham mưu nhằm bảo đảm hoạt động quản lý và kinh doanh của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công ty, trong năm 2018, pháp chế Công ty thực hiện soạn thảo và kiểm tra rà soát 292 hợp đồng, tư vấn 78 vụ việc pháp lý cho ban lãnh đạo & khách hàng của công ty.

Trong năm 2018, pháp chế Công ty thực hiện soạn thảo và kiểm tra rà soát 292 hợp đồng, tư vấn 78 vụ việc pháp lý cho ban lãnh đạo & khách hàng của công ty

Kiểm soát nội bộ:

- Hoạt động KSNB tại BVSC trong năm 2018 tiếp tục được duy trì tốt thông qua việc đảm bảo nguyên tắc về tính chính trực, đạo đức nghề nghiệp. Các khuyến nghị và đánh giá của KSNB thực hiện một cách độc lập trên các khía cạnh như:
- Đảm bảo tính tuân thủ đúng đắn đối với quy trình, quy chế của công ty cũng như quy định của pháp luật.
 - Đảm bảo sự tách bạch trong quản lý tiền và tài sản của Khách hàng với tiền và tài sản của Công ty.
 - Đảm bảo tính toàn vẹn và an toàn của tài sản công ty.
 - Mức độ tin cậy, tính chính xác, trung thực và tính bảo mật của thông tin dữ liệu.
- Các kỳ kiểm soát tuân thủ và soát xét báo cáo đã thực hiện trong năm 2018 bao gồm:

Kiểm soát tuân thủ định kỳ năm

STT	Nội dung	Mục tiêu kiểm soát chính	Tiến độ thực hiện
1	Rà soát các kỳ Kiểm soát năm 2017	Kiểm tra tình hình thực hiện các khuyến nghị của các phòng ban.	Đã hoàn thành trong năm 2018
2	Kiểm tra hoạt động ủy quyền giao dịch chứng khoán của Khách hàng.	Đảm bảo các hồ sơ ủy quyền được lập hợp pháp tại cơ quan công chứng. Các thông tin về người ủy quyền, thời hạn ủy quyền, các dịch vụ ủy quyền v.v... được khai báo lên hệ thống Flex chính xác. Các giao dịch của người được ủy quyền không vi phạm quy định của pháp luật.	Đã hoàn thành trong năm 2018
3	Kiểm tra tuân thủ Quy trình vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Quy trình cập nhật hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán và các Quy định về công tác an ninh bảo mật hệ thống.	Đảm bảo hệ thống CNTT vận hành theo qui trình của công ty cũng như tuân theo các quy định của Sở giao dịch CK về cả cơ sở vật chất hạ tầng lẫn yêu cầu kỹ thuật và các công tác lưu trữ dữ liệu giao dịch của Khách hàng được bảo vệ an toàn trong trường hợp xảy ra sự cố.	Đã hoàn thành trong năm 2018
4	Kiểm tra tuân thủ Quy trình Lưu ký liên quan giao dịch về tiền của Khách hàng.	Kiểm tra các giao dịch chuyển khoản tiền, đối chiếu hồ sơ, số phụ ngân hàng, lệnh chuyển khoản, bút toán hạch toán kế toán... để đảm bảo sự chính xác về giá trị, khớp đúng đối tượng khách hàng và thời gian của giao dịch. Kiểm tra để đảm bảo tính chính xác và tách bạch giữa tiền của Khách hàng với tiền của công ty.	Đã hoàn thành trong năm 2018
5	Kiểm tra tuân thủ Quy chế đầu tư tự doanh.	Đảm bảo phòng nghiệp vụ tuân thủ đúng theo quy trình đầu tư nói chung cũng như tuân thủ theo các kế hoạch đầu tư cụ thể đã được phê duyệt trong năm. Đảm bảo tính tuân thủ trong các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro...	Đã hoàn thành trong năm 2018
6	Kiểm toán tuân thủ trong hoạt động kinh doanh trái phiếu tại Phòng KHTC Trụ Sở	Đảm bảo các giao dịch mua bán trái phiếu ngắn hạn trong 6 tháng đầu năm 2018 tuân thủ theo đúng hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro và thực hiện lưu trữ hồ sơ giao dịch theo quy trình kiểm soát và lưu trữ hồ sơ mà Công ty đã ban hành	Đã hoàn thành trong năm 2018
7	Kiểm tra tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy trình mua sắm quản lý tài sản. tại Chi nhánh	Đảm bảo các khoản chi phí là hợp lý, hợp lệ. Chi phí được hạch toán đúng với các định mức trong qui định nội bộ, chứng từ chi phí đầy đủ, hợp lệ theo qui định của pháp luật hiện hành. Kiểm tra để đảm bảo tài sản của công ty được mua sắm hợp lý, sử dụng và quản lý khoa học an toàn và tiết kiệm.	Đã hoàn thành trong năm 2018

Soát xét các báo cáo tài chính và hồ sơ giao dịch chứng khoán

Trong năm 2018, KSNB đã thực hiện soát xét hơn 130 báo cáo liên quan báo cáo hoạt động tháng, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn khả dụng, báo cáo số dư tiền của nhà đầu tư, tiếp nhận để kiểm tra và lưu trữ hơn 32 nghìn lượt hồ sơ và phiếu lệnh giao dịch của khách hàng.

Truyền thông và phát triển thương hiệu

Hoạt động truyền thông và phát triển thương hiệu của BVSC trong năm 2018 là một trong số những mảng hoạt động được chú trọng và góp phần rất lớn trong việc hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tiếp tục định hướng xây dựng thương hiệu BVSC là một thương hiệu chứng khoán uy tín đồng thời là một doanh nghiệp niềm yết minh bạch tiêu biểu, truyền thông nội bộ lẫn truyền thông ra công chúng đều hướng tới mục tiêu này.

Năm 2018 là năm thành công trong công tác truyền thông và phát triển thương hiệu đối với BVSC với việc được ghi nhận và tôn vinh bằng những giải thưởng lớn từ các cơ quan quản lý nhà nước lẫn giới truyền thông trong và ngoài nước. BVSC được các sở giao dịch và Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) trao tặng danh hiệu “Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu HNX và HOSE”; “Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018”. Không những thế, một loạt các giải thưởng lớn được vinh danh như “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2017 – 2018 và Nhà tư vấn M&A tiêu biểu thập kỷ 2009 – 2018” tại Diễn đàn M&A Việt Nam, “TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam” – giải thưởng do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng, “TOP 10 Báo cáo thường niên tốt nhất – Nhóm vốn hóa vừa” tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2018; “Top 100 Sao vàng đất Việt 2018”. Không chỉ liên tiếp đạt được giải thưởng “Best Brokerage House Vietnam” và “Best Equity House Vietnam” do Tạp chí Global Banking and Finance review trong 3 năm liên tiếp 2015 – 2017, năm 2018, Tạp chí International Finance Magazine – Anh Quốc đã chính thức bình chọn BVSC là đơn vị được nhận giải thưởng “Best Securities Advisory Firm Vietnam” và “Best Brokerage Firm Vietnam”.

Cũng trong năm 2018, hoạt động xây dựng thương hiệu BVSC đã bước đầu mở rộng phạm vi nhằm mục tiêu xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng để hỗ trợ cho việc phát triển nguồn nhân lực hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Thông qua việc tham gia các Diễn đàn lớn với vai trò là Diễn giả như Hội nghị nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Diễn đàn CFA năm 2018, hoặc tổ chức các Hội thảo tư vấn định hướng nghề nghiệp.... thương hiệu BVSC dần dần được khẳng định trên thị trường lao động.

Phát triển nguồn nhân lực

Đầu tư phát triển nguồn nhân sự là yếu tố nòng cốt cho sự phát triển bền vững, tạo lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó, trong nhiều năm qua, BVSC luôn đặt mục tiêu phát triển con người là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của mình. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực được công ty xây dựng một cách đồng bộ và nhất quán, phù hợp với chiến lược kinh doanh, nhằm hướng tới xây dựng môi trường làm việc gắn kết, nơi nhân viên được khuyến khích phát triển năng lực của bản thân, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng thông qua các website tuyển dụng hàng đầu tại Việt nam như vietnamwork.com, Anphabe.com, carrebuilder.com... Công ty tham gia với vai trò diễn giả tại các chương trình Hội thảo lớn như Diễn đàn CFA năm 2018 - nơi hội tụ các thành viên của Hiệp hội CFA tại Việt Nam; Hội thảo “Nơi làm việc tốt nhất năm 2018” do Anphabe tổ chức, Hội thảo tuyển dụng tại các trường đại học lớn như RMIT, Đại học kinh tế Luật.... Thông qua những hội thảo này, BVSC đẩy mạnh quảng bá thương hiệu Công ty, giới thiệu cơ hội việc làm trực tiếp tới những ứng viên có trình độ, từ đó thu hút những nhân sự tài năng ứng tuyển vào Công ty.

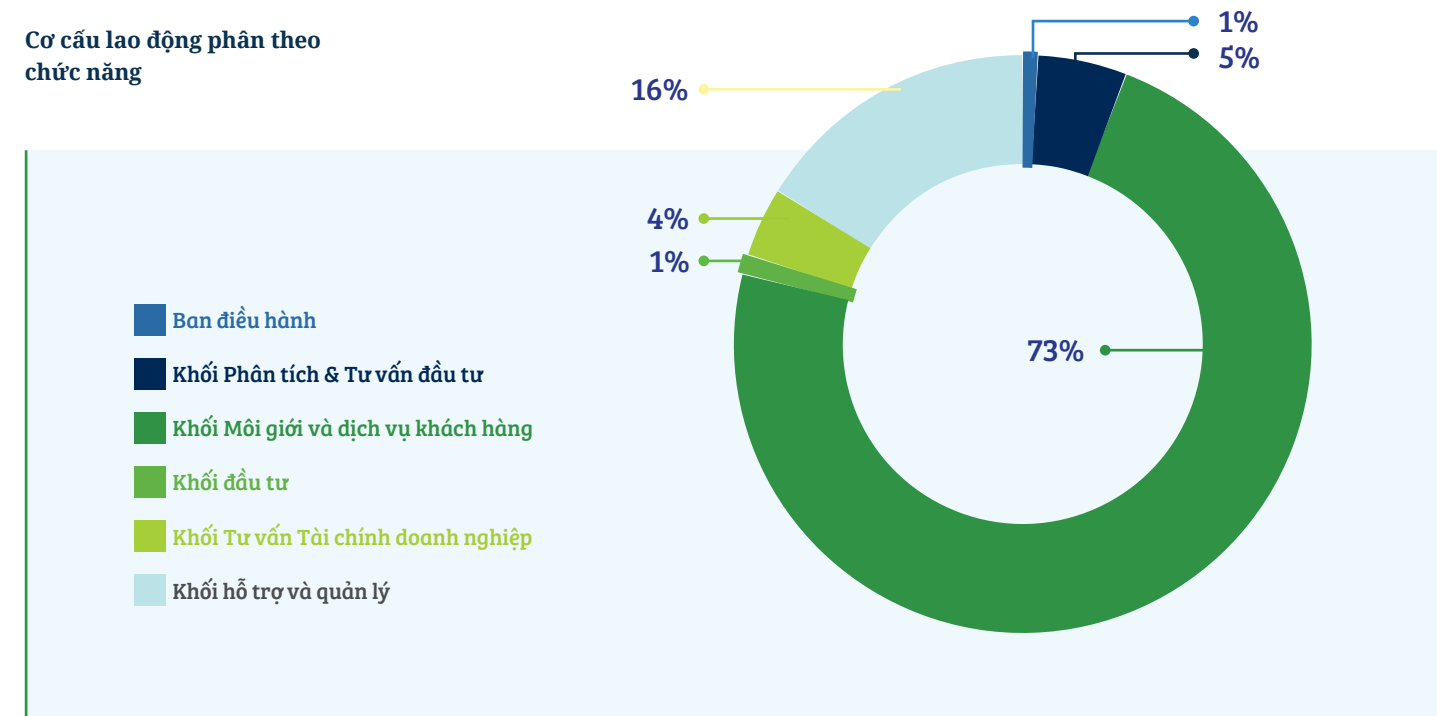
Tỷ lệ tuyển dụng trong năm 2018 là 20,6%, trong đó tập trung tuyển dụng đội ngũ môi giới với tỷ trọng chiếm 78%, những vị trí tuyển dụng mới khác chủ yếu là bổ sung thay thế lao động nghỉ việc và lao động làm việc không hiệu quả làm việc.

Tính đến thời điểm 31/12/2018 tổng số nhân sự tại BVSC là: 506 người. Trong đó: Trụ sở chính: 309 người và Chi nhánh tại TP. HCM: 197 người.

Tuyển dụng



Cơ cấu lao động phân theo chức năng



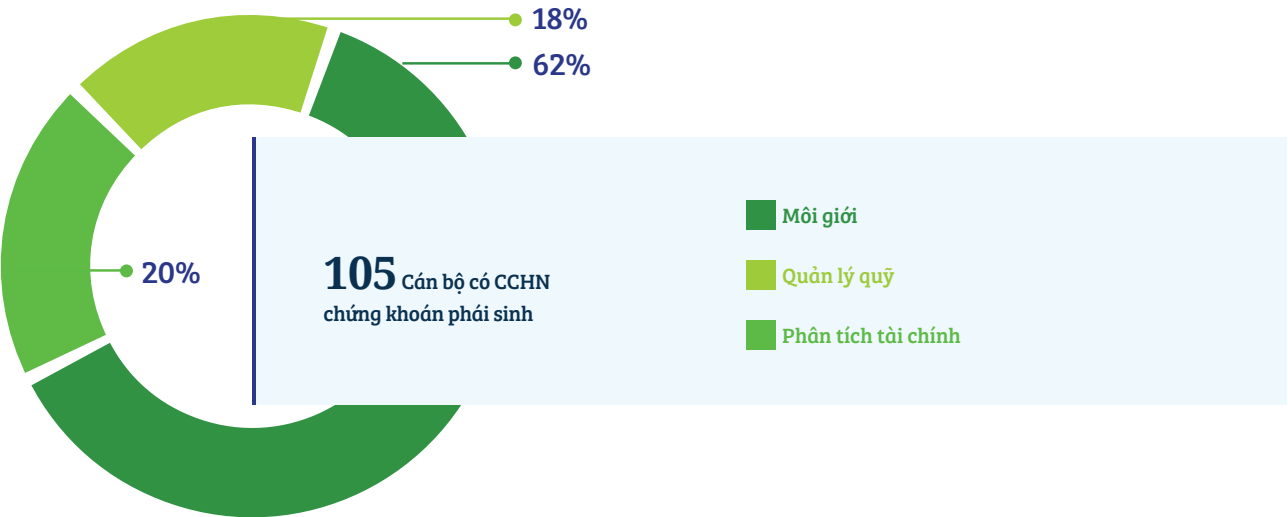
Đào tạo



Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty, BVSC đã xây dựng các chương trình đào tạo cho cán bộ theo hướng thiết thực, đồng bộ, giúp cán bộ có thể phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn lẫn kỹ năng: bao gồm đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng và đào tạo về văn hóa, đạo đức nghề nghiệp, giá trị cốt lõi của Công ty. Việc xây dựng bản đồ học tập được thiết kế dựa trên khung năng lực của các nhóm lao động theo chức năng nhiệm vụ và mô tả công việc, cụ thể như sau:

	Đối tượng đào tạo	Nội dung đào tạo
Đào tạo định hướng / hội nhập	Toàn bộ NLD	- Văn hóa công ty - Đạo đức người hành nghề chứng khoán - Các quy định và chính sách nội bộ của Công ty
Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ	Lao động tại khối Môi giới	- Kiến thức chung về thị trường chứng khoán và BVSC - Hướng dẫn sử dụng phần mềm giao dịch tại BVSC - Quy trình nghiệp vụ về giao dịch - Kỹ năng phân tích cơ bản - Kỹ năng phân tích kỹ thuật - Thực hành giao dịch thực tế - Quản trị rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán 07 chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ chứng khoán phái sinh do UBCKNN đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề (bắt buộc) (*): Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức đợt kiểm tra trình độ của cán bộ môi giới nhằm đánh giá chất lượng nhân sự cũng như đánh giá những kiến thức còn hạn chế của môi giới, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo và nội dung đào tạo phù hợp
	Lao động tại khối Quản lý & hỗ trợ kinh doanh	- Quy trình nghiệp vụ của từng phòng ban - Đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu theo đề xuất của từng phòng ban, từng cán bộ - Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn có liên quan đến công việc của từng vị trí ngành nghề như CFA, ACCA, CPA... 07 chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ chứng khoán phái sinh do UBCKNN đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề (theo yêu cầu của từng vị trí)
Đào tạo kỹ năng	Quản lý & Lãnh đạo	Kỹ năng quản lý & lãnh đạo: - Kỹ năng lãnh đạo - Kỹ năng tạo động lực - Kỹ năng huấn luyện và kèm cặp - Kỹ năng tuyển dụng - Kỹ năng thuyết phục và gây ảnh hưởng
	Chuyên viên & Nhân viên tại khối Môi giới	Kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc: - Kỹ năng bán hàng - Kỹ năng đàm phán và thuyết phục - Kỹ năng lập và quản lý kế hoạch kinh doanh - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng giải quyết vấn đề - Kỹ năng quản lý thời gian - Kỹ năng quản lý sự thay đổi - Kỹ năng làm việc nhóm
	Chuyên viên & Nhân viên tại khối Quản lý & Hỗ trợ	Kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc: - Kỹ năng thuyết t rình - Kỹ năng giải quyết vấn đề - Kỹ năng quản lý thời gian - Kỹ năng quản lý sự thay đổi - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng soạn thảo văn bản

Tại BVSC, chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán là một trong những tiêu chí đánh giá nhân sự cho công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá hiệu quả làm việc nhằm xây dựng đội ngũ có trình độ chuyên môn cao và đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Tính đến 31/12/2018, tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán là 127 cán bộ; và số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phái sinh là 105 cán bộ.



Trong năm 2018

286

lượt người tham gia đào tạo trong năm 2018

4.050

giờ đào tạo đã thực hiện trong đó 2430 giờ đào tạo nội bộ

~700 triệu đồng

Tổng chi phí đào tạo trong năm 2018

*chưa bao gồm chi phí đào tạo nội bộ



Chính sách đãi ngộ:



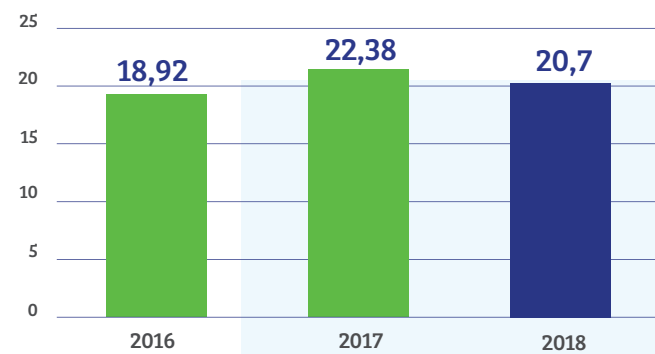
Đãi ngộ tài chính gắn kết với mục tiêu kinh doanh:

Đối với cán bộ thuộc khối môi giới, chính sách lương thưởng được xây dựng dựa trên doanh thu mang lại vừa đảm bảo khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, vừa đảm bảo sự công bằng nội bộ. Các tiêu chí đánh giá để chi trả lương thưởng được xây dựng rõ ràng, minh bạch và hướng tới nhiều nhóm đối tượng lao động khác nhau bao gồm chính sách áp dụng đối với cấp nhân viên, cấp trưởng nhóm môi giới, và cấp quản lý. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng các chính sách phát triển khách hàng linh hoạt, cạnh tranh trên thị trường để có thể thu hút đội ngũ môi giới giỏi, đáp ứng được đa dạng nhu cầu của môi giới. Hàng năm, Công ty thực hiện khảo sát chính sách môi giới của các Công ty chứng khoán trên thị trường để từ đó đánh giá và đưa ra những đề xuất điều chỉnh chính sách hướng tới sự tối ưu hóa chi phí và đảm bảo yếu tố cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh chính sách lương thưởng, Công ty còn đẩy mạnh các chương trình thi đua môi giới nhằm khuyến khích động viên cán bộ và tạo nên sức mạnh từ các phong trào thi đua. Chương trình thi đua “Cơ hội trong tay - Nhận ngay quà lớn”; chương trình dự đoán chỉ số “Dự đoán hay – Nhận ngay quà lớn”; chương trình

“Thỏa sức trải nghiệm – Nhận quà liền tay” được tổ chức định kỳ hàng tháng/ hàng quý dành cho các nhóm lao động khác nhau gồm Môi giới, Trưởng nhóm môi giới và Lãnh đạo các Phòng Giao dịch với những giải thưởng hấp dẫn đã khơi dậy phong trào thi đua trong nội bộ khối môi giới. Với những phần thưởng hấp dẫn và ý nghĩa kết hợp với việc đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, các chương trình thi đua đã tạo động lực lớn cho cán bộ môi giới và Lãnh đạo Phòng Giao dịch, góp phần đáng kể trong việc đạt được kết quả hoạt động môi giới trong năm 2018 vừa qua.

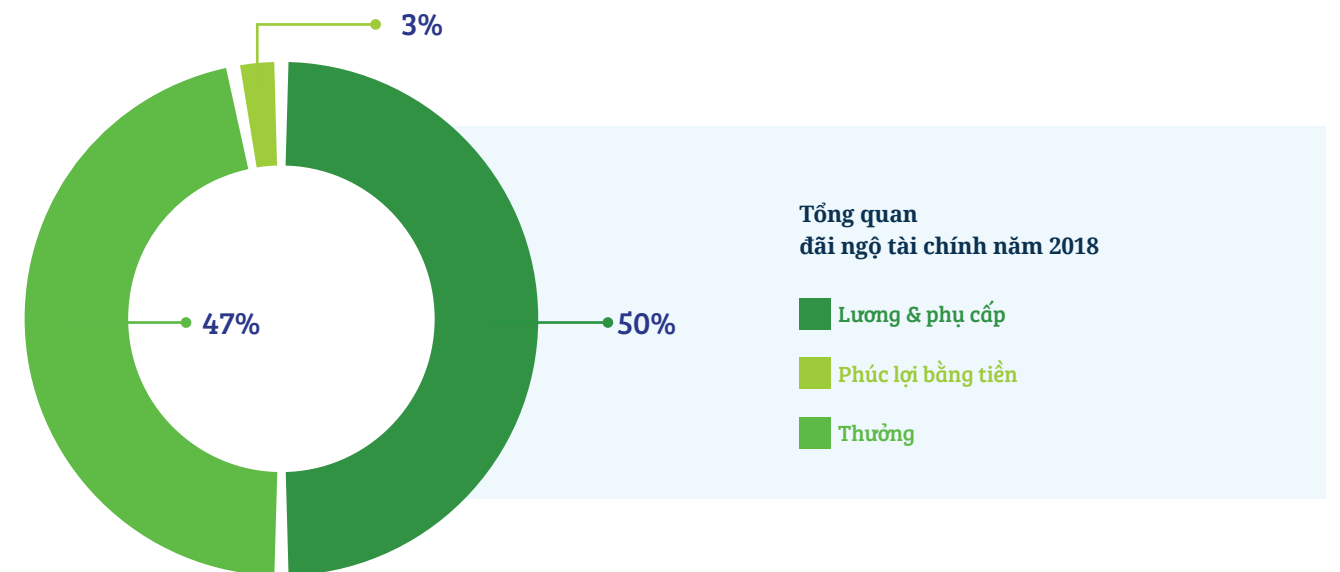
Đối với lao động tại khối quản lý và hỗ trợ, lương của cán bộ được xác định dựa trên đánh giá giá trị công việc là sự kết hợp của 03 nhóm yếu tố chính bao gồm năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, và phạm vi trách nhiệm; Bên cạnh chính sách trả lương cạnh tranh với thị trường, Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động gắn liền với hiệu quả làm việc. Các tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc được thực hiện cẩn trọng và áp dụng công cụ đánh giá 360 độ nhằm đảm bảo sự khách quan, công bằng và minh bạch.

Biểu đồ thu nhập bình quân/
tháng của NLD năm 2016 - 2018



Đơn vị: triệu đồng/ người/ tháng

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động gắn liền với hiệu quả làm việc. Các tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc được thực hiện cẩn trọng và áp dụng công cụ đánh giá 360 độ nhằm đảm bảo sự khách quan, công bằng và minh bạch.



Chính sách phúc lợi tạo sự gắn kết bền vững

Với mục tiêu phát triển bền vững, BVSC đặc biệt chú trọng đến việc mang lại cho người lao động những chính sách phúc lợi tạo sự gắn kết lâu bền. Bên cạnh việc tuân thủ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của nhà nước, BVSC còn trang bị thêm cho người lao động các sản phẩm bảo hiểm bổ sung ưu việt khác:

Sản phẩm

Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Từ năm 2010)



Ý nghĩa

Bảo vệ rủi ro và chia sẻ tài chính cho cán bộ trước những rủi ro tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc trong các trường hợp thai sản.

Quyền lợi

- Được bảo vệ rủi ro trong phạm vi vùng lãnh thổ tại Việt Nam, khu vực châu Á Thái Bình Dương và phạm vi toàn cầu tương ứng với từng cấp bậc nhân sự.
- Được chi trả quyền lợi bảo hiểm tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự, mức bảo hiểm từ 105 triệu đồng/người tới 5,2 tỷ đồng/người

Thực hiện trong năm 2018

- Công ty thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm sức khỏe cho toàn bộ NLĐ trong năm 2018
- Số lượng cán bộ đã được khám và chữa bệnh năm 2018: 239 lượt cán bộ
- Tổng quyền lợi bảo hiểm NLĐ được chi trả năm 2018: 871 triệu đồng

Bảo hiểm nhân thọ (Từ năm 2015)



- Bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho NLĐ trước các rủi ro không mong muốn trong suốt quá trình làm việc tới khi nghỉ hưu
- Tích lũy tài chính để bổ sung thêm thu nhập bên cạnh lương hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước khi NLĐ nghỉ hưu

- Được bổ sung thu nhập bên cạnh lương hưu từ Quỹ BHXH: Giá trị giải ước của hợp đồng sẽ được trả khi NLĐ nghỉ hưu hoặc sẽ được hoàn trả một phần khi tất toán HĐ bảo hiểm trước thời hạn nghỉ hưu.
- Được bảo vệ trong trường hợp tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn: Cơ quan bảo hiểm sẽ chi trả bồi thường trong trường hợp rủi ro này.

Công ty thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho toàn bộ NLĐ trong năm 2018

Bảo hiểm Bệnh Ung thư K-Care (Từ năm 2017)



Chia sẻ rủi ro và hỗ trợ tài chính trước nguy cơ các bệnh ung thư ngày một gia tăng trước sức ép về ô nhiễm môi trường, thực phẩm ...

Được chi trả quyền lợi bảo hiểm tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự, mức bảo hiểm từ 292 triệu đồng/người tới 1,17 tỷ đồng/người.

Công ty thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm K-Care cho toàn bộ NLĐ trong năm 2018

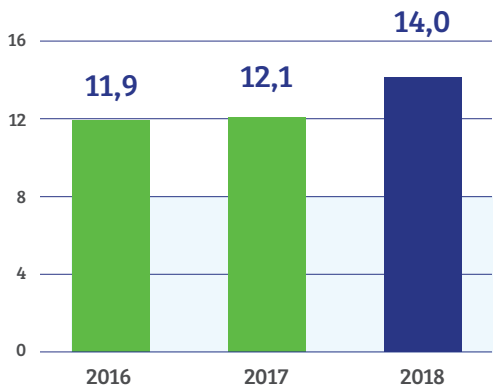
Bên cạnh chính sách phúc lợi thông qua các chương trình bảo hiểm, cán bộ BVSC còn được hưởng các khoản chi phúc lợi bằng tiền khác từ quỹ phúc lợi được tích lũy hàng năm trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty. Các khoản phúc lợi bằng tiền được phân bổ đồng đều cho tất cả cán bộ tại Công ty vào các dịp đặc biệt như Lễ, Tết, ngày kỷ niệm thành lập Công ty...

Có thể nói các chính sách phúc lợi đang áp dụng hiện nay là yếu tố gia tăng sự gắn kết của người lao động đối với Công ty, góp phần tạo sự phát triển ổn định và bền vững.

Thông tin chi tiết về nội dung liên quan tới phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương Phát triển bền vững, từ trang 166 đến trang 183 báo cáo này.

Biểu đồ phúc lợi dành cho người lao động năm 2016 - 2018

Đơn vị tính: tỷ đồng

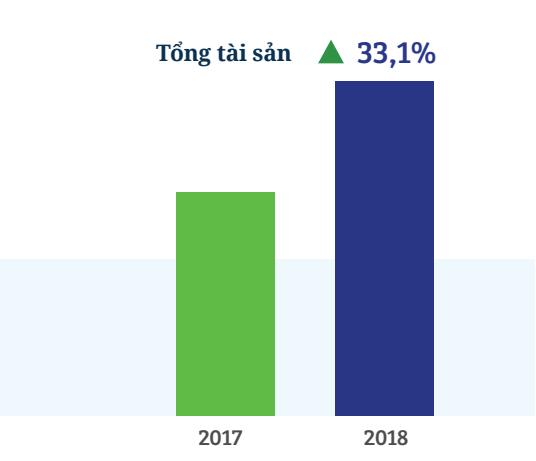


Phân tích tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.198.954	2.927.161	33,12%
Doanh thu thuần	483.681	547.579	13,21%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	153.208	122.740	-19,89%
Lợi nhuận khác	(784)	(260)	
Lợi nhuận trước thuế TNDN	152.423	122.480	-19,64%
Trong đó Lợi nhuận thực hiện trước thuế	140.300	153.090	9,12%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	122.445	103.532	-15,45%
Trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế	112.880	131.652	16,63%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (NVĐ)	1.479	1.741	17,71%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	702%	738%	5,13%



- Tổng tài sản năm 2018 đạt 2.927,16 tỷ đồng, tăng 728,21 tỷ đồng, tương ứng tăng 33,12% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu tăng trưởng này thể hiện sự lớn mạnh về quy mô hoạt động của công ty, tăng trưởng trong các hạng mục tài sản và nguồn vốn.
- Các chỉ tiêu về Lợi nhuận được được phân tích tại mục đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch. (Vui lòng tham khảo tại từ trang 98 đến trang 101 báo cáo này).
- Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức rất cao qua các năm, gấp hơn 4 lần so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCK. Năm 2018, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 738% tăng 5,13% so với cùng kỳ năm trước. Đây là con số tăng trưởng ổn định và đạt ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán tổng quát: Tổng tài sản / Tổng nợ	4,39	2,37	-46,0%
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,55	2,79	-0,77
Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn	3,48	2,75	-0,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Vốn chủ / Tổng Nguồn vốn	77,22%	57,81%	-19,41%
Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	22,78%	42,19%	19,41%
Hệ số vay ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	4,09%	4,44%	0,35%
Hệ số vay dài hạn / Tổng nguồn vốn	0,00%	10,69%	10,69%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	29,49%	72,98%	43,49%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)	10,09	17,46	7,36
Vòng quay Vốn lưu động (Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân)	0,42	0,38	-0,04
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,24	0,21	-0,02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	31,51%	22,37%	-9,15%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25,32%	18,91%	-6,41%
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	31,68%	22,41%	-9,26 %
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE	7,21%	6,12%	-1,09%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	5,57%	3,54%	-2,03%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty:

01

Khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo duy trì ở mức cao (hơn 2 lần từ hệ số thanh toán nhanh đến thanh toán tổng quát). Vì các khoản nợ phải trả nhỏ hơn nhiều so với tài sản hiện có nên Công ty luôn sẵn sàng nguồn lực cho các khoản nợ phải trả. Tài sản của Công ty được bố trí an toàn và hợp lý, tập trung chủ yếu là các khoản tài sản ngắn hạn, có tính thanh khoản cao và dễ dàng chuyển đổi thành tiền để đáp ứng cho các nhu cầu thanh toán đến hạn và thanh toán khi cần thiết. Đây cũng là một thế mạnh của Công ty, qua nhiều năm, Công ty luôn duy trì được sự ổn định và an toàn trong thanh khoản: nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như cam kết. Công ty luôn trú trọng quản lý tốt nguồn vốn và dòng tiền, đảm bảo sự cân đối, ổn định và không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Điều này góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty, cũng như mang lại sự tin tưởng cho đối tác, khách hàng,

02

Cơ cấu vốn của công ty: Công ty hoạt động chủ yếu là vốn góp của các chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của công ty chiếm đến 57,81% trong tổng nguồn vốn và Nợ phải trả chiếm 42,19%.

Năm 2018 có sự thay đổi về cơ cấu vốn của Công ty, chỉ số Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn tăng 19,41% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu tăng từ khoản phải trả ngắn hạn khác (đã được Công ty thanh toán đầu năm 2019). Tiếp đó có sự tăng nhẹ từ chỉ tiêu Nợ ngắn hạn / Tổng nguồn vốn và chỉ tiêu Nợ dài hạn / Tổng nguồn vốn, lần lượt đạt 4,44% và 10,69% do Công ty huy động vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại và phát hành trái phiếu BVSC kỳ hạn 2 năm để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Tuy các chỉ tiêu về hệ số nợ có tăng hơn so với kỳ trước nhưng vẫn ở mức an toàn cho phép và Công ty vẫn chủ động được khả năng thanh toán khi đến hạn.

03

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết khả năng “vận động” Công ty trong năm tài chính 2018, cụ thể:

- Hệ số vòng quay các khoản phải thu khá lớn, đạt 17,46 lần, tăng 7,36 lần so với cùng kỳ năm trước, chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh hơn. Chỉ tiêu này cũng thể hiện doanh thu tăng trưởng cao hơn năm trước nhưng các khoản phải thu lại giảm so với kỳ trước, cho thấy Công ty quản lý thu hồi công nợ tốt hơn, không phát sinh mới các khoản phải thu quá hạn và không bị đối tác chiếm dụng vốn; điều này giúp cho Công ty chủ động linh hoạt luồng tiền trong kinh doanh.

- Vòng quay vốn lưu động đạt 0,38 lần, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Đây là một chỉ tiêu tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty. Vòng quay Vốn lưu động giảm nhẹ là do trong kỳ, mặc dù Doanh thu thuần tăng trưởng 13,21% nhưng Vốn lưu động bình quân tăng 24,99%, chứng tỏ tốc độ tăng Doanh thu chậm hơn tốc độ tăng Vốn Lưu động. Vốn lưu động tăng do 6 tháng cuối năm 2018, Công ty phát hành thêm 300 tỷ trái phiếu BVSC_BOND để bổ sung vốn kinh doanh làm tài sản tài chính ngắn hạn tăng 353,20 tỷ đồng. Tuy giảm nhẹ nhưng mức giảm không đáng kể và vẫn đảm bảo tốt khả năng hoạt động của Công ty.

- Vòng quay Tổng tài sản của Công ty đạt 0,21 lần giảm 0,02 lần so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty, chỉ tiêu này giảm là do mặc dù Doanh thu thuần tăng trưởng 13,21% nhưng Tổng tài sản bình quân tăng 25,68%, như vậy tốc độ tăng Doanh thu chậm hơn tốc độ tăng của Tổng tài sản. Tương tự phân tích như trên, Tổng tài sản tăng chủ yếu do Công ty phát hành thêm 300 tỷ trái phiếu BVSC_BOND để bổ sung vốn kinh doanh làm tài sản tài chính ngắn hạn tăng 353,20 tỷ đồng và khoản đặt cọc môi giới trái phiếu 500 tỷ phát sinh cuối năm 2018 nhưng chưa hoàn tất giao dịch làm cho tổng tài sản cuối kỳ tăng mạnh. Tuy nhiên việc gia tăng tài sản này ghi nhận vào cuối năm 2018 nên Doanh thu cả năm chưa tăng tương ứng với tốc độ tăng tài sản. Mặc dù vậy, hiệu quả kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả tốt.

04

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

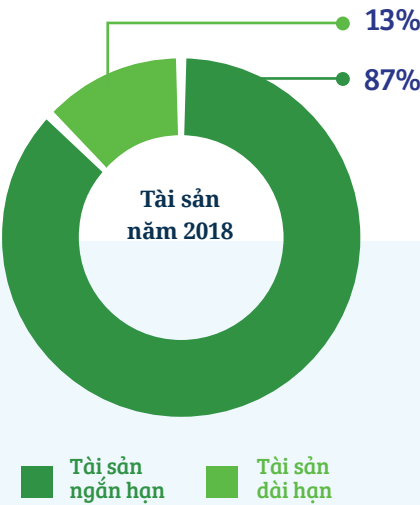
- Chỉ tiêu về lợi nhuận trước và sau thuế trên doanh thu thuần duy trì ổn định, tuy có giảm so với năm trước, nhưng vẫn duy trì ở mức khá cao, đạt 22,37% đối với hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần và đạt 18,91% đối với Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần. Chỉ tiêu này cho thấy tốc độ tăng doanh thu cao hơn tốc độ tăng lợi nhuận. Tuy nhiên, nếu tính theo Lợi nhuận thực hiện, thì hệ số Lợi nhuận thực hiện trước thuế/Doanh thu thuần đạt 27,96% và Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Doanh thu thuần đạt 24,04%.
- Đối với lợi ích của cổ đông, việc phân phối lợi nhuận sẽ được tính trên Lợi nhuận thực hiện thay vì Tổng lợi nhuận, mà các chỉ số tính theo Lợi nhuận thực hiện của Công ty đều cao hơn so với Tổng lợi nhuận trong kỳ.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 6,12%, giảm 1,09% so với cùng kỳ năm trước và tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt 3,54% giảm 2,03% so với cùng kỳ năm trước do giảm về lợi nhuận sau thuế của Công ty. Theo quy định, chỉ số này được tính trên Tổng lợi nhuận, bao gồm cả Lợi nhuận thực hiện và chưa thực hiện. Nếu tính các chỉ số này theo Lợi nhuận thực hiện trong kỳ, thì ROE đạt 7,78% và ROA đạt 4,50%. Với chỉ số này, lợi ích của cổ đông được đảm bảo và gia tăng do lợi nhuận thực hiện tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.



Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Tỷ trọng 2017	Năm 2018	Tỷ trọng 2018	Số Tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Tài sản ngắn hạn	1.740.895	79,17%	2.547.077	87,02%	806.182	46,31%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.261	0,47%	465.849	15,91%	455.588	4439,92%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.696.071	77,13%	2.049.591	70,02%	353.520	20,84%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	33.247	1,51%	29.488	1,01%	(3.759)	-11,31%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.316	0,06%	2.149	0,07%	832	63,25%
B. Tài sản dài hạn	458.059	20,83%	380.084	12,98%	(77.975)	-17,02%
II. Tài sản cố định	14.135	0,64%	16.648	0,57%	2.513	17,78%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	374.219	17,02%	306.216	10,46%	(68.003)	-18,17%
V. Tài sản dài hạn khác	69.705	3,17%	57.220	1,95%	(12.485)	-17,91%
Tổng cộng tài sản:	2.198.954	100%	2.927.161	100%	728.207	33,12%



Cơ cấu tài sản

- Tài sản năm 2018 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 87,02% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 12,98% tổng tài sản.
- Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản:
 - » Tiền và tương đương tiền: gồm các khoản tiền gửi của Công ty, tiền đầu tư ngắn hạn (dưới 3 tháng), chiếm 15,91% trong tổng tài sản.
 - » Các khoản đầu tư ngắn hạn: gồm các khoản tiền đầu tư ngắn hạn, cho vay và phải thu (cho vay hoạt động margin và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán), đầu tư chứng khoán tự doanh, chiếm 70,02% trong tổng tài sản.
 - » Các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 1,01% trong tổng tài sản.
- Tài sản dài hạn của Công ty chiếm 12,98% chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 10,46% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 2,60% trong tổng tài sản.



Biến động của Tài sản:

Tổng tài sản năm 2018 của Công ty đạt 2.927,16 tỷ đồng, tăng 728,21 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 33,12% chủ yếu tăng từ khoản tăng từ tài sản ngắn hạn, cụ thể:

- Các khoản tiền và tương đương tiền tăng 455,59 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu tăng từ khoản tiền thực hiện hợp đồng giao dịch trái phiếu của khách hàng.
- Khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn cũng được gia tăng 353,52 tỷ đồng tương ứng mức tăng 20,84%: chủ yếu do sung nguồn dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ thêm 348,12 tỷ đồng và tăng một số khoản tài sản tài chính.
- Tài sản dài hạn giảm 77,98 tỷ đồng tương ứng mức giảm 17,02 % so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Công ty giảm hạn mức đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi dài hạn để tập trung nguồn lực cho vay giao dịch ký quỹ nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động môi giới.

Có thể thấy phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cao cho Công ty.

Nguồn vốn, tình hình
nợ phải trả

Nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Tỷ trọng 2017	Năm 2018	Tỷ trọng 2018	Số Tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Nợ phải trả	500.851	22,78%	1.235.009	42,19%	734.158	146,58%
I. Nợ ngắn hạn	490.044	22,29%	914.347	31,24%	424.303	86,58%
II. Nợ dài hạn	10.807	0,49%	320.662	10,95%	309.855	2867,28%
B. Vốn chủ sở hữu	1.698.104	77,22%	1.692.152	57,81%	(5.952)	-0,35%
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332.096	60,58%	1.332.096	45,51%	-	0,00%
I. Các quỹ và LN chưa phân phối	366.008	16,64%	360.056	12,30%	(5.952)	-1,63%
Tổng cộng nguồn vốn	2.198.954	100%	2.927.161	100%	728.207	33,12%

• Cơ cấu Nguồn vốn: Nguồn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nguồn vốn chủ sở hữu, chiếm 57,81% chủ yếu là vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ. Phần còn lại là các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn phải trả chiếm 42,19%

- Biến động Nguồn vốn:
 - » Nợ phải trả của Công ty năm 2018 đã tăng thêm 734,16 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 146,58% chủ yếu tăng từ các khoản nợ, phải trả ngắn hạn, cụ thể:
 - Nợ ngắn hạn tăng 424,30 tỷ đồng:
 - Các khoản vay ngắn hạn tăng 39,92 tỷ đồng do công ty vay thấu chi và vay ngắn hạn cho hoạt động kinh doanh.
 - Khoản phải trả khác tăng 455,32 tỷ đồng, trong đó có khoản giao dịch môi giới trái phiếu đã được hoàn tất trong tháng 1/2019.
 - Một số khoản Phải trả người bán, phải trả người lao động, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm khoảng 17,37 tỷ đồng.

- Nợ dài hạn tăng 309,86 tỷ đồng chủ yếu do Công ty phát hành 300 tỷ trái phiếu BVSC kỳ hạn 2 năm, lãi suất 8,5% tương ứng số tiền 312,92 (gồm cả gốc và lãi trái phiếu phải trả tính đến cuối năm 2018).

Như vậy nợ ngắn hạn nợ dài hạn của Công ty đều tăng mạnh. Việc gia tăng các khoản nợ này nằm trong kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty. Công ty luôn kiểm soát các khoản nợ để đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn. Hệ số thanh toán của Công ty luôn đạt mức cao, các khoản tương đương tiền và tài sản ngắn hạn luôn cao hơn Nợ phải trả nhiều lần để sẵn sàng đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Công ty không có khoản nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

- » Vốn chủ sở hữu giảm 5,95 tỷ đồng: Mặc dù năm 2018 Công ty bổ sung lãi vào chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối 103,53 tỷ đồng, tuy nhiên, để thực hiện cam kết với cổ đông, Công ty tiến hành chi trả cổ tức 2 đợt, mỗi đợt 7% tương ứng số tiền chi trả 101,08 tỷ đồng làm cho Tổng vốn chủ sở hữu của Công ty giảm tương ứng.

Qua phân tích tình hình tài chính năm 2018 cho thấy BVSC có kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định. Tình hình tài chính có tính ổn định và bền vững. Công ty luôn đạt mục tiêu phát triển các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả nhưng vẫn chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của BVSC thể hiện tính minh bạch, cung cấp thông tin hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quản lý và các đối tượng liên quan.

Đánh giá hoạt động
doanh nghiệp theo
quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán), nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt 90/100 điểm, cho thấy Công ty có một tình trạng tài chính ngày càng vững mạnh.

(Tham khảo Phụ lục 2, tại trang 192 báo cáo này.)

Những tiến bộ trong năm



Thực hiện thành công thương vụ thoái vốn nhà nước tiêu biểu nhất năm 2018

Top 10

Doanh nghiệp niêm yết có báo cáo thường niên tốt nhất

Sau thành công của thương vụ thoái vốn kỷ lục tại Sabeco năm 2017, BVSC tiếp tục là nhà tư vấn cho thương vụ thoái vốn của SCIC tại Vinaconex trong năm 2018. Đây là thương vụ thoái vốn của SCIC theo phương thức đấu giá cả lô cổ phần, lần đầu tiên thực hiện sau khi Nghị định 32/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 91/2015/NĐ-CP được ban hành. Với sự tư vấn cẩn trọng, đầy trách nhiệm của BVSC, thương vụ được đánh giá là thương vụ thoái vốn tiêu biểu nhất sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 32/2018/NĐ-CP. Theo đó, những vướng mắc, khó khăn do còn nhiều phần quy định pháp luật về thoái vốn nhà nước, đã được BVSC hỗ trợ SCIC từng bước khắc phục và xử lý để đưa đến kết quả thoái vốn đạt 7.300 tỷ đồng, tăng nguồn thu về cho Nhà nước thêm 36% so với giá khởi điểm. Thương vụ được thực hiện thành công và hoàn thành xuất sắc mục tiêu thoái vốn là đem lại lợi ích cao nhất về cho NSNN, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và doanh nghiệp. Đây có thể coi là thương vụ thoái vốn tiêu biểu nhất, lợi ích Nhà nước thu được lớn nhất của cả nước, cũng như của SCIC trong năm 2018.

Năm 2018, thương hiệu BVSC tiếp tục được khẳng định là một tổ chức niêm yết uy tín và minh bạch khi BVSC lọt Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất – nhóm vốn hóa vừa tại Cuộc bình chọn các DNNY do UBCKNN và các Sở giao dịch và báo Đầu tư chứng khoán đồng tổ chức.

Với chiến lược hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, năm 2018 BVSC lần đầu tiên được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam do VCCI cùng Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững bình chọn.

Ngoài ra, BVSC cũng vinh dự có mặt trong Top 100 giải thưởng Sao vàng đất Việt – hệ thống giải thưởng uy tín hàng đầu dành cho cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.

Top 100

Doanh nghiệp phát triển bền vững

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách quản lý trong năm

Do nhu cầu về hoạt động môi giới, cuối năm 2018 HĐQT Công ty đã có Nghị quyết phê duyệt về việc chuyển địa điểm phòng Giao dịch Kim Mã tại địa chỉ 519 Kim Mã về tòa nhà Center Building – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội và đổi tên thành phòng Giao dịch Thanh Xuân. Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Công ty đã triển khai công tác đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện hệ thống thiết bị phục vụ cho giao dịch theo quy định của UBCKNN và gửi hồ sơ xin điều chuyển phòng Giao dịch lên UBCKNN. Đầu năm 2019 phòng Giao dịch Thanh Xuân đã chính thức được cấp phép hoạt động.

Trong năm 2018 một loạt các văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động trên TTCK ra đời tác động đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán như Thông tư 128/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; Thông tư 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2018 với những thay đổi mới liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến của các công ty chứng khoán... Trước sự điều chỉnh về khung pháp lý trên đây đòi hỏi Công ty phải rà soát lại các chính sách quản lý của mình liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2018 Công ty đã tiến hành sửa đổi và bổ sung các quy định liên quan tới chính sách quản lý đối với hoạt động môi giới như chính sách đối với việc đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến và các tiện ích, quy định quản lý liên quan tới việc chuyển khoản tiền, thực hiện quyền và ứng trước tiền bán chứng khoán trực tuyến.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc
đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán.

Kế hoạch kinh doanh trong năm 2019

132 Chiến lược phát triển 2016 - 2020

138 Mục tiêu và cam kết hành động năm 2019

Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020

Chiến lược hoạt động giai đoạn 2016-2020 của BVSC được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua ngày 12/5/2016, và được ĐHĐCĐ thường niên 2017 phê duyệt điều chỉnh vào phiên họp ngày 27/6/2017, cụ thể như sau:

Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020:

- **Tầm nhìn đến năm 2020:** Giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông
- **Mục tiêu chiến lược đến năm 2020:**
 - Doanh thu: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 9%.
 - Lợi nhuận sau thuế: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,5%.
 - Vốn điều lệ đến năm 2020: Dự kiến tăng lên 1.500 tỷ đồng.
 - Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 7%, tới năm 2020 dự kiến đạt 8%;
 - Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (ROCC): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 11%
 - Tỷ trọng doanh thu môi giới/Tổng doanh thu: đặt mục tiêu đạt từ 40%-50%.
 - Thị phần CP&CCQ: đặt mục tiêu tới năm 2020 đạt vị thế trong Top 5 CTCK thị phần lớn nhất.

Định hướng triển khai chiến lược giai đoạn 2016-2020:

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 hướng tới tầm nhìn và mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

Chiến lược khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, địa bàn kinh doanh:

- Tập trung phát triển thị trường tại các Trung tâm tài chính trong nước là Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... và triển khai khai thác thị trường nước ngoài thông qua văn phòng đại diện hoặc hợp tác kinh doanh.
- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức.
- Mở rộng mạng lưới: tăng số lượng các Phòng Giao dịch và tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới.
- Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn, giữ vững thương hiệu nhà tư vấn M&A hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chiến lược đầu tư:

Chiến lược đầu tư tự doanh linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn nhằm tận dụng các cơ hội từ thị trường chứng khoán và phù hợp với nhu cầu triển khai kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận/vốn để gia tăng giá trị cho cổ đông của Công ty

Chiến lược vốn:

- Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, BVSC sẽ cần mức vốn điều lệ tối thiểu 1.200 tỷ đồng, tới năm 2020 đặt mục tiêu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC.
- BVSC sẽ triển khai phát hành tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược.
- Cơ cấu sử dụng vốn được ưu tiên cho định hướng kinh doanh nêu trên, tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới, tự doanh, hoạt động IB, và các hoạt động hỗ trợ môi giới như margin, ứng trước, đầu tư công nghệ thông tin và các dịch vụ khác...

Tổ chức và Quản trị doanh nghiệp:

- Mô hình Quản trị tập trung đối với xây dựng chiến lược phát triển & chính sách sản phẩm, dịch vụ xuyên suốt; quản trị rủi ro, nguồn nhân lực, công nghệ, thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh;
- Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ.
- Kien toàn tổ chức Đảng.

Chiến lược ngành nghề	Chiến lược Tài chính	Mô hình Quản trị
3 trụ cột chính bao gồm • Môi giới và dịch vụ tài chính • Tư vấn • Tự doanh	Phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược để nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC	• Quản trị tập trung đối với các chức năng: Quản trị tài chính, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị rủi ro, Phát triển sản phẩm; Công nghệ thông tin; Nghiên cứu phân tích. Thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh • Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ • Kien toàn tổ chức Đảng đoàn

Kế hoạch kinh doanh 2019

Dự báo nền Kinh tế và Thị trường Chứng khoán năm 2019

Dự báo nền Kinh tế

Cơ hội 2019	
BVSC dự báo tăng trưởng GDP ở mức 6,8%.	Mặc dù các điều kiện vĩ mô, bối cảnh thế giới được dự báo sẽ kém thuận lợi hơn so với năm 2018, và có ảnh hưởng không thuận lợi tới khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng hay xuất khẩu của Việt Nam. Trong bối cảnh cảnh nền kinh tế thế giới đang tăng trưởng chậm lại, khả năng duy trì được mức tăng trưởng cả năm 2019 ở mức 6,8% sẽ cho thấy sự ổn định của kinh tế Việt Nam. Để có được mức tăng trưởng này, động lực tiếp tục đến từ khu vực công nghiệp, xây dựng, Đồng thời trong năm 2019, ngành dệt may, giày da, thủy sản và nông sản có thể tăng trưởng mạnh mẽ nhờ các hiệp định thương mại đã và sắp được thông qua.
Rủi ro từ lạm phát không quá lớn: CPI tăng ổn định, ở mức thấp từ năm 2014 tới nay	Điều này có được nhờ chính sách tiền tệ thận trọng, trong đó mức tăng trưởng tín dụng và M2 ổn định ở mức 15% - 20%. Năm 2019, chính sách tiền tệ nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì mức tăng thấp, có định hướng vào các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất đây là cơ sở để BVSC tự tin dự báo CPI tiếp tục nằm trong tầm kiểm soát. Theo mô hình định lượng của chúng tôi, ở kịch bản cơ sở nếu giá dầu Brent kết thúc năm 2019 ở mức \$70/thùng thì lạm phát sẽ ở mức 3,5% còn nếu chỉ ở mức \$60/thùng thì lạm phát sẽ chỉ ở mức 3,1%.
Các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực	Năm 2019 cũng là năm hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đi vào hiệu lực. Theo dự báo của World Bank, hiệp định này có thể giúp GDP của Việt nam tăng thêm 1,1% tính đến năm 2030. Xuất khẩu của Việt Nam sang các khu vực châu Mỹ sẽ tăng, đặc biệt là tại hai quốc gia mà Việt Nam chưa có hiệp định tự do thương mại từ trước là Canada và Mexico. Đồng thời đây cũng là hai nước mà Việt Nam đang có thặng dư thương mại. Theo tính toán của chúng tôi, xuất khẩu dệt may, da giày và thiết bị điện tử là những ngành sẽ được hưởng lợi nhiều nhất. Ngoài ra, nếu hiệp định EVFTA sớm được Liên Minh châu Âu thông qua, Việt Nam sẽ được hưởng lợi lớn do hiện nay chưa có hiệp định thương mại tự do nào với bất kỳ quốc gia thành viên nào của Liên Minh châu Âu. Ước tính Xuất khẩu của Việt nam sẽ tăng khoảng 4-6% mỗi năm trong thập niên tới nhờ vào hiệp định này. Các ngành sẽ được hưởng lợi nhiều nhất là dệt may, da giày, thủy sản và nông sản.

Khả năng duy trì được mức tăng trưởng GDP cả năm 2019 ở mức 6,8% sẽ cho thấy sự ổn định của kinh tế Việt Nam.

Thách thức 2019

Tăng trưởng chậm lại của kinh tế toàn cầu	Năm 2019 được nhiều chuyên gia dự báo đây có thể là thời điểm kinh tế Mỹ có thể kết thúc pha tăng trưởng mạnh, bắt đầu bước vào giai đoạn giảm tốc. Còn về Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới này đang tăng trưởng chậm lại rõ rệt do chính sách của chính phủ Trung Quốc nhằm giảm nợ xấu ở các doanh nghiệp nhà nước và các chính quyền địa phương. Sự tăng trưởng chậm lại của hai nền kinh tế này sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam, qua đó ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng GDP.
Một số rủi ro tiềm ẩn đối với kinh tế thế giới cần theo dõi	Là khủng hoảng nợ công Italia, kinh tế Mỹ rơi vào pha suy giảm nhanh và mạnh hơn dự kiến; FED tăng lãi suất đến ngưỡng không còn hấp dẫn để doanh nghiệp Mỹ mở rộng sản xuất dù xác suất xảy ra không lớn.

BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2019

Các chỉ tiêu chính	2018	2019	
		Mục tiêu của chính phủ	BVSC dự báo
Tăng trưởng GDP (%)	7,08	6,6 - 6,8	6,8
Lạm phát bình quân (%)	3,54	4	3,5
Tăng trưởng tín dụng (%)	14	14 - 17	14 - 16
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	2,4	N/A	dưới 3%
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	12	7 - 8	5 - 10
Tăng trưởng vốn FDI giải ngân (%)	9,1	N/A	10 - 15

Thị trường Chứng khoán năm 2019

Cơ hội 2019

Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ thị trường trong năm 2019. Mặc dù vậy mức tăng trưởng lợi nhuận năm 2019 được dự báo sẽ không được cao như mức 2018. Dựa theo dự báo về kết quả kinh doanh 2019 của Bloomberg và của các mẫu doanh nghiệp lớn, BVSC dự báo tăng trưởng EPS của VnIndex nằm ở mức 8,0%-10%.

Kỳ vọng tích cực của nhà đầu tư liên quan đến Luật chứng khoán sửa đổi. Trong điều kiện tích cực nhất, có khả năng Luật chứng khoán sửa đổi sẽ được thông qua vào kỳ họp thứ 8 của Quốc hội diễn ra vào khoảng cuối tháng 10/2019. Theo dự thảo Luật chứng khoán sửa đổi, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng sẽ là 100%, ngoại trừ trường hợp được quy định theo hiệp ước quốc tế mà Việt nam là thành viên tham gia hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về mức thấp hơn. Điều này giúp cho các công ty đại chúng của Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn trong con mắt của các nhà đầu tư nước ngoài, qua đó thu hút dòng vốn đầu tư lớn từ nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Triển vọng nâng hạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam có thể sẽ hấp dẫn dòng tiền từ nước ngoài của các nhà đầu tư ưa thích mạo hiểm. Luật chứng khoán sửa đổi được kỳ vọng sẽ khắc phục các khiếm khuyết còn hiện hữu của thị trường chứng khoán Việt Nam, qua đó tạo nền tảng để Việt Nam có thể được FTSE và MSCI xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi vào năm 2019-2020. Theo quan sát của BVSC, khoảng thời gian 6 tháng trước khi chính thức được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể sẽ tăng điểm mạnh mẽ.

Ngân hàng Trung ương các nước trên thế giới thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền đầu tư. Năm 2019 là năm mà Ngân hàng trung ương Châu Âu- ECB dự kiến kết thúc chương trình bơm thanh khoản (Quantitative Easing) ra thị trường, ngoài ra FED cũng dự kiến sẽ có 2 lần tăng lãi suất nhằm đưa lãi suất tại Mỹ về lãi suất trung hòa (neutral rate). Việc này nhằm ngăn ngừa bong bóng tài sản do chính sách nới lỏng được duy trì trong thời gian dài, đồng thời tạo ra dư địa và nguồn lực dự cần thiết để các tổ chức này có thể sử dụng khi nền kinh tế Mỹ và châu Âu bước vào pha suy giảm mạnh, nhằm hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Tuy nhiên điều này sẽ có tác động tiêu cực đến dòng chảy của dòng vốn toàn cầu do chi phí cơ hội của việc vay mượn tiền để đầu tư trở nên đắt hơn. Điều này sẽ dẫn đến việc dòng vốn ngoại huy động mới hoặc huy động bổ sung thêm vào thị trường Việt Nam trở nên khó khăn hơn. Các quỹ đầu tư thụ động như VanEck, Deustche Banks và iShare có thể sẽ không hoạt động mạnh nhưng ETFVN30 sẽ hoạt động mạnh hơn nhờ dòng tiền từ các nước châu Á. Đặc biệt là dòng tiền đầu tư từ Hàn Quốc và Nhật Bản thông qua các thương vụ thoái vốn, phát hành cho đối tác chiến lược, do ngân hàng trung ương của hai quốc gia này vẫn đang duy trì chính sách tiền tệ mạnh tính nới lỏng.

Việc IPO, niêm yết và thoái vốn vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức khi lượng cung quá lớn được đưa ra thị trường. Để có thể hoàn thành kế hoạch 2016- 2020, có khả năng năm nay các đợt thoái vốn này sẽ được đẩy mạnh. Khi các đợt thoái vốn diễn ra ồ ạt, động thái này có thể khiến cho nguồn cung tăng mạnh và và tạo ra sức ép đối với thị trường niêm yết.

Thách thức 2019

Thuận lợi và khó khăn với BVSC trong năm 2019

Thuận lợi

Giữ vị thế Công ty chứng khoán hàng đầu, thương hiệu uy tín, hoạt động ổn định cùng với thành quả tích lũy trong năm 2018 là nền tảng tốt đối với BVSC khi bước sang năm 2019. Sau thành công của các thương vụ tư vấn ở quy mô lớn trong các năm liền kề trước đó như thương vụ Sabeco, Vinaconex khẳng định được uy tín cao trên thị trường sẽ tiếp tục là những lợi thế đối với BVSC khi đẩy mạnh hoạt động tư vấn và IB trong năm 2019. Mặt khác, sau một thời gian thành lập và chuyển đổi địa điểm, một số phòng giao dịch mới đã và đang dần ổn định hoạt động, dự kiến sẽ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và phát huy hiệu quả trong năm 2019.

Khó khăn

Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình, kế hoạch bổ sung nguồn vốn kinh doanh có độ trễ sẽ ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu đối với các dịch vụ margin và ứng trước phục vụ khách hàng vẫn là một rào cản lớn đối với BVSC trong nỗ lực giữ vững thị phần, hạn chế tiềm năng tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, độ trễ của việc triển khai kế hoạch tăng vốn cũng ảnh hưởng tới tiến độ tham gia thị trường chứng khoán phái sinh sẽ làm giảm tính cạnh tranh về dịch vụ đối với hoạt động môi giới.



Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2019

Các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến 2019

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019, với những thuận lợi và khó khăn của BVSC, Công ty đặt ra mục tiêu kinh doanh trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 như sau:

Kế hoạch kinh doanh dự kiến 2019

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch dự kiến năm 2019	% KH so với TH
A	Tổng doanh thu & thu nhập khác	547,79	510	93,10%
I	Doanh thu thực hiện	464,20	440	94,79%
1	Môi giới	171,59	153	89,17%
2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	196,00	190	96,94%
3	Tự doanh	80,87	81	100,17%
4	Tư vấn, BLPH	7,61	9,6	126,16%
5	Lưu ký	6,52	5,5	84,38%
6	Doanh thu khác	1,61	0,9	55,77%
II	Doanh thu chưa thực hiện	83,60	70	83,74%
B	Tổng chi phí	425,31	365	85,82%
I	Chi phí thực hiện	311,11	294	94,50%
II	Chi phí chưa thực hiện	114,21	71	62,17%
C	Lợi nhuận trước thuế	122,48	145	118,39%
	Trong đó: LN trước thuế thực hiện	153,09	146	95,37%
D	Lợi nhuận sau thuế	103,53	128	123,63%
	Trong đó: LN sau thuế thực hiện	131,65	126	95,71%

Kế hoạch kinh doanh 2019:

Được lập trên cơ sở một số dự báo và giả định sau:

Dự báo về điều kiện thị trường năm 2019:

- VNIndex trung bình chạy quanh mức **950 – 990 điểm** trong năm 2019.
- Giá trị giao dịch trung bình phiên đạt khoảng **5.000 tỷ đồng/phiên**.

Các giải pháp thực hiện

► Hoạt động môi giới

- Mục tiêu
 - Doanh thu: 153 tỷ đồng
 - Thị phần môi giới CP&CCQ: Giữ vững vị trí trong TOP 10 tại các Sở giao dịch.

- Giải pháp
 - Sản phẩm:
 - Đẩy mạnh Online Trading và Mobile Trading
 - Xây dựng sản phẩm tư vấn đầu tư chuyên biệt theo khẩu vị rủi ro của khách hàng
 - Chính sách lãi suất, chính sách phí... cạnh tranh và linh hoạt

- Kênh phân phối:
 - Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn.
 - Xúc tiến việc khai thác thị trường tại một số nước như: Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, Nhật Bản...

- Nguồn nhân lực:
 - Tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới: Tỷ lệ tuyển dụng dự kiến tăng 20%
 - Rà soát và điều chỉnh chính sách cho đội ngũ môi giới
 - Tăng cường đào tạo và đẩy mạnh các chương trình thi đua môi giới.

- Giải pháp về CNTT:

Vui lòng tham khảo nội dung liên quan tới CNTT tại trang 141 báo cáo này

Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2019 (Tiếp)

Tự Doanh

Năm 2019, BVSC sẽ tiếp tục chiến lược đầu tư mang tính trung hạn và kết hợp với một phần nhỏ giao dịch ngắn hạn nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư và an toàn cho danh mục.

- Kiểm soát tỷ trọng đầu tư phù hợp và linh hoạt trong từng giai đoạn để giảm thiểu rủi ro.
- Tìm kiếm cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, duy trì được tăng trưởng, ưu tiên các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao do doanh thu từ cổ tức sẽ không phải chịu thuế.
- Đẩy mạnh hơn nữa thoái vốn cổ phiếu OTC, Upcom để thanh hoán sang các khoản đầu tư có tỷ suất lợi nhuận tốt hơn.
- Thực hiện nghiên cứu các sản phẩm phái sinh (Futures, CW) và tìm kiếm các khả năng hedging giữa các sản phẩm trên TTCK và thị trường phái sinh.
- Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch đối với chứng chỉ quỹ ETF.

Tư vấn và Bảo lãnh phát hành

- Công ty tiếp tục tập trung triển khai các mảng tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như: M&A, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, niêm yết cổ phiếu gắn với hoạt động IR.
- Tiếp tục đẩy mạnh tiếp xúc và mở rộng mạng lưới với các đối tác mua (buyside) trong và ngoài nước.
- Tích cực tìm kiếm các thương vụ về thu xếp và mua bán vốn doanh nghiệp.

Lưu ký

- Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp
- Tiếp tục triển khai các hợp đồng quản lý số cổ đông đã ký kết.

Hoạt động cho vay và phải thu

Là hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, đồng thời là mảng hỗ trợ hoạt động Môi giới, do đó Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động này trong năm 2019 những định hướng chính sau:

- Tập trung nguồn lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng vay ký quỹ giao dịch chứng khoán và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Công ty tích cực tìm các nguồn để huy động vốn, Vay ngắn hạn tại các ngân hàng TMCP, thực hiện repo trái phiếu nhằm huy động vốn ngắn hạn hoặc phát hành trái phiếu kỳ hạn từ 1 năm nhằm khai thác hiệu quả nguồn vốn phục vụ khách hàng.

Công tác quản lý và hỗ trợ

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Trong năm 2019, bên cạnh việc duy trì hệ thống hỗ trợ giao dịch ngày, Công ty sẽ tập trung hoàn thiện một số nội dung:

- Hoàn thiện việc test và cập nhật gói hợp nhất BDS trong công tác nâng cao hệ thống Flex.
- Dự kiến năm 2019, Công ty sẽ thực hiện test hệ thống gói thầu 04 cập nhật hạ tầng của 2 Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.
- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nội bộ, đồng thời sẽ cho ra mắt phiên bản 2 của Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ dành cho nhân viên môi giới mới đảm bảo cập nhật những thay đổi của hệ thống và quy định pháp luật nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ các cán bộ môi giới.

Nghiên cứu phân tích

Hoạt động phân tích được xác định là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2019, ngoài việc duy trì các hạng mục báo cáo định kỳ, khối phân tích của BVSC sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng từng loại báo cáo. Một số định hướng trọng tâm bao gồm:

- Nâng cao chất lượng từng loại báo cáo. Tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung. Tăng cường đi thăm doanh nghiệp, bám sát những chuyển biến mới; tìm kiếm và sàng lọc cơ hội đầu tư.
- Kết hợp với phân tích kỹ thuật để lựa chọn thời điểm giao dịch, gia tăng mức độ cụ thể trong các khuyến nghị đầu tư.

Công nghệ thông tin: Làm chủ công nghệ cao, tạo nên sự khác biệt

Mục tiêu: Đưa chuyển đổi số vào mọi mặt trong hoạt động và kinh doanh của BVSC: Do đó các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 dự kiến như sau:

- Hoàn thiện hạ tầng để có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh từ công nghệ
 - Hệ thống kết nối ứng dụng và mạng toàn công ty
 - Hệ thống Disaster Recovery & Hệ thống điểm dịch vụ dự phòng tại Sở GD.
 - Hệ thống website mới hiện đại và hướng đến khách hàng.
 - Hệ thống công cụ tính toán và dự đoán thời gian thực

- Hỗ trợ công cụ để BVSC triển khai tạo ra các dịch vụ hoặc mở rộng dịch vụ trên các kênh mới
 - Các công cụ hỗ trợ giao tiếp truyền thông hợp nhất – unified communication hỗ trợ dịch vụ trên các kênh giao tiếp truyền thống và mới như chat, social, messenger.
 - Công cụ hỗ trợ chăm sóc tự động

- Tạo ra công cụ chuyên sâu hỗ trợ cán bộ giới chăm sóc và tư vấn khách hàng

Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2019 (Tiếp)

Công tác quản lý và hỗ trợ (tiếp)

Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương

Năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng môi giới theo định hướng phát triển kinh doanh của Công ty. Cùng với kế hoạch này, Công ty sẽ triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ khác như điều chỉnh chính sách lương thưởng cho đội ngũ môi giới để thu hút nhân sự giỏi trên thị trường, tăng tính cạnh tranh; phát động các chương trình thi đua tuyển dụng; đẩy mạnh triển khai quảng bá thương hiệu nhà tuyển dụng để thu hút ứng viên. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tập trung đầu tư triển khai công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ cho đội ngũ môi giới nhằm nâng cao chất lượng nhân sự tư vấn và dịch vụ khách hàng.

Song song, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách lương thưởng, phúc lợi nhằm đảm bảo nâng cao đời sống người lao động, ổn định đội ngũ nhân sự và thu hút người tài.

Truyền thông và Phát triển thương hiệu

2019 là năm kỷ niệm 20 năm thành lập và hoạt động của BVSC, do đó các hoạt động truyền thông sẽ hướng tới dấu mốc quan trọng này. Định hướng chủ đạo vẫn là tập trung định vị BVSC là công ty chứng khoán uy tín và doanh nghiệp niềm yết minh bạch. Chiến lược phát triển bền vững của Công ty sẽ tiếp tục được đẩy mạnh truyền thông trong năm 2019.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp lực với Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nhằm gia tăng sức mạnh thương hiệu Bảo Việt nói chung, BVSC nói riêng cũng như gia tăng các lợi ích cho khách hàng của BVSC thông qua các dự án hợp lực về thương hiệu, truyền thông, marketing tích hợp như Dự án lịch tết, GrandSale, digital marketing.....là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của BVSC trong năm 2019.

Pháp chế, kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro:

Trong năm 2019, công tác pháp chế, kiểm soát nội bộ & QTRR của BVSC sẽ tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm, cụ thể như sau:

Pháp chế

- Dự kiến, dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội xem xét cho ý kiến và thông qua trong năm 2019, do đó công tác pháp chế sẽ tập trung rà soát, cập nhật, chỉnh sửa các quy chế, quy trình nội bộ và các biểu mẫu hợp đồng, thỏa thuận của Công ty nhằm tăng tính chủ động, kịp thời trong việc tuân thủ quy định pháp luật của công ty.
- Trong bối cảnh nền tảng pháp lý mới về trái phiếu doanh nghiệp ra đời tạo cơ sở cho việc định hình thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời tiếp tục thực hiện mục tiêu triển khai thêm các nghiệp vụ và sản phẩm mới, công tác pháp chế sẽ tập trung vào việc tăng cường phối hợp các phòng ban liên quan trong công tác soạn thảo, hệ thống hóa các quy chế, quy trình nghiệp vụ và biểu mẫu cho các sản phẩm mới như chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm, vay trái phiếu chính phủ, các sản phẩm mới liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp...

Kiểm soát nội bộ

Qua các kỳ kiểm soát, những khuyến nghị của KSNB đã giúp Ban điều hành có thêm thông tin để đưa ra các biện pháp quản trị và ngăn ngừa rủi ro tốt hơn. Những ghi nhận từ kết quả công việc này còn là cơ sở để bộ phận KSNB xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019. Mục tiêu trong năm tới là xây dựng các chương trình kiểm soát mới để bên cạnh việc kiểm tra tuân thủ còn phát huy ý thức của cán bộ nhân viên trong công ty về một môi trường kiểm soát minh bạch và hiệu quả. Kiểm soát để giảm thiểu rủi ro hoạt động, từ đó đem lại sự phát triển cho BVSC và giá trị tốt hơn cho cổ đông.

Quản trị rủi ro

- Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2019. Tiếp tục thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban TGD.
- Tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai.



Báo cáo
thường niên 2018



Kết nối
cộng đồng

2018 - năm của sự kết nối

Kết nối cộng đồng

“

BVSC là một phần của cộng đồng doanh nghiệp, mỗi con người BVSC là một phần của cộng đồng xã hội. Chúng tôi hiểu trách nhiệm xã hội là một phần không thể thiếu trong định hướng phát triển bền vững của mỗi Công ty. Và chúng tôi chọn sự kết nối với cộng đồng bằng những hành động cụ thể từ mỗi cán bộ BVSC. 2018 là năm mà sự kết nối ấy được lan tỏa bằng nhiều hoạt động và chạm đến chiều sâu trong tâm thức mỗi người BVSC.

”

Ông Nhữ Đình Hòa - Tổng Giám đốc



Báo cáo phát triển bền vững

- 150 GRI 102: Công bố thông tin theo
Tiêu chuẩn Chung 2016
- 151 Thông điệp về PTBV của TGD
- 160 GRI 200: Kinh tế
- 163 GRI 300: Môi trường
- 166 GRI 400: Xã hội



GRI 102

(Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016)



Hồ sơ tổ chức

GRI 102-1: Tên tổ chức

GRI 102-3: Địa điểm của trụ sở chính

GRI 102-4: Các địa điểm hoạt động

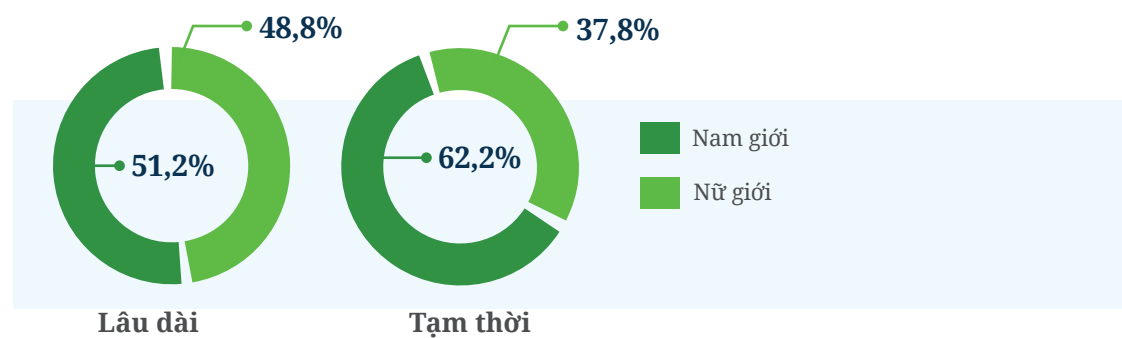
GRI 102-5: Quyền sở hữu và hình thức pháp lý

GRI 102-6: Các thị trường phục vụ

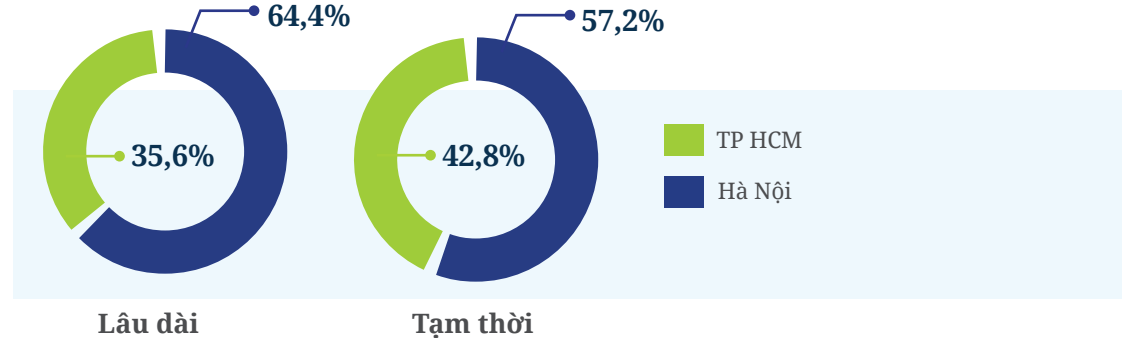
Tham khảo tại chương 1, từ trang 08 đến trang 25 báo cáo này

GRI 102-8: Thông tin về nhân viên và người lao động khác

Thông tin nhân viên và người lao động theo giới tính



Thông tin nhân viên và người lao động theo khu vực



GRI 102-13: Quyền hội viên trong các hiệp hội

BVSC là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính và Hiệp hội kinh doanh trái phiếu.

GRI 102-18: Cơ cấu quản trị

Tham khảo tại chương 1, từ trang 32 đến trang 79

Quản trị

Chiến lược

GRI 102-14: Thông điệp Phát triển bền vững của Tổng Giám đốc

Ông NHỮ ĐÌNH HOÀ
Tổng giám đốc



Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng và các đối tác,

BVSC chính thức thực hiện báo cáo phát triển bền vững với bộ tiêu chí đánh giá toàn diện trên nền tảng các chuẩn mực cập nhật nhất (platform) của GRI. Báo cáo này đã nhận được sự xác thực từ phía GRI về việc đáp ứng các chuẩn mực công bố thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016 do GRI ban hành. Thông qua nỗ lực này, chúng tôi muốn khẳng định những cam kết của chính mình không chỉ trong nhận thức mà cả trong hành động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của BVSC.

Với xu thế hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh của thế giới cũng như Việt Nam, những vấn đề về môi trường & xã hội ngày càng được các tổ chức kinh doanh dành sự quan tâm sâu sắc hơn. Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển mạnh mẽ cùng với kỷ nguyên công nghệ số thì mặt trái của nó là tiềm ẩn những mối đe dọa đối với môi trường, xã hội và con người. Đối diện với những rủi ro tiềm ẩn này, tại BVSC, chúng tôi xác định phát triển bền vững là mục tiêu xuyên suốt trong chiến lược phát triển công ty và đặt mục tiêu tuân thủ để hướng tới tăng trưởng xanh của đất nước cũng như đảm bảo sự phát triển lâu dài cho thế hệ tương lai. Để thực hiện được điều này, BVSC không ngừng lắng nghe để nhận diện mối quan tâm và sự kỳ vọng của các bên liên quan nhằm xác định các vấn đề trọng yếu đối với Công ty, từ đó chúng tôi xây dựng chiến lược phát triển theo đó đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên liên quan, cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn với mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2018, BVSC đã được vinh danh trong Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững trong Chương trình đánh giá và công bố các Doanh nghiệp bền vững Việt Nam 2018 do Phòng Công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức. Giải thưởng này nhằm tôn vinh những doanh nghiệp tiêu biểu có chiến lược hoạt động không ngừng hướng tới phát triển bền vững ở các khía cạnh xã hội, bảo vệ môi trường và kinh tế.

Tại BVSC, trong 6 năm qua chúng tôi đã chính thức thực hiện báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên của Công ty. Và kể từ năm 2015 việc xây dựng báo cáo phát triển bền vững được chúng tôi thực hiện trên cơ sở tham chiếu theo các tiêu chuẩn GRI. Điều này giúp chúng tôi có cái nhìn toàn diện và nâng cao hơn nữa nhận thức về mục tiêu phát triển bền vững.

Và kể từ năm nay, BVSC chính thức thực hiện báo cáo phát triển bền vững với bộ tiêu chí đánh giá toàn diện trên nền tảng các chuẩn mực cập nhật nhất (platform) của GRI. Báo cáo này đã nhận được sự xác thực từ phía GRI về việc đáp ứng các chuẩn mực công bố thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016 do GRI ban hành. Thông qua nỗ lực này, chúng tôi muốn khẳng định những cam kết của chính mình không chỉ trong nhận thức mà cả trong hành động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của BVSC.

Trân trọng,

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Sự tham gia của bên liên quan

GRI 102-40/ GRI 102-44

Từ các hoạt động của Công ty, chúng tôi nhận diện các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có đến họ hoặc những bên có mối quan tâm, sức ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động hiện tại của Công ty. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.



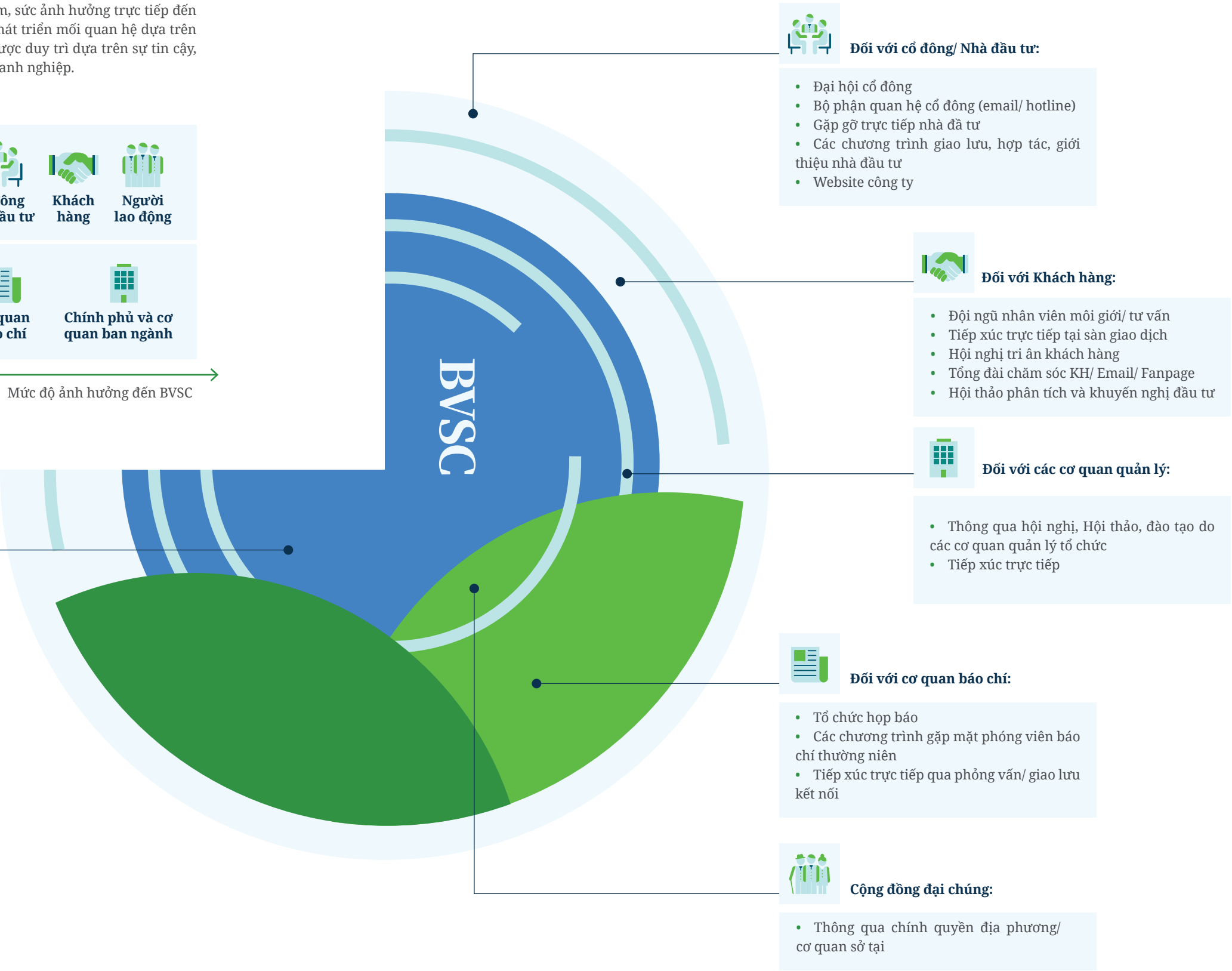
Đối với người lao động:

- Hội nghị người lao động
- Đối thoại định kỳ
- Thông qua vai trò của Công đoàn và Bộ phận nhân sự
- Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp
- Thông qua các hội nghị sơ kết/ tổng kết
- Chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp
- Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ

100 %

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể.

Công ty nhận diện các bên liên quan và thực hiện phương pháp tiếp cận để biết các vấn đề được các bên liên quan như sau:



Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên

Các chủ đề được quan tâm	Phản ứng của BVSC
 Đối với cổ đông/ Nhà đầu tư	- Kết quả kinh doanh tốt - Minh bạch thông tin - Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng - Cổ tức - Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được ĐHCĐ thông qua - Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư - Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR - Thực hiện cam kết cổ tức
 Đối với các cơ quan quản lý	- Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước. - Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam. - Tuân thủ tốt các quy định pháp luật. - Đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước - Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường. - Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch
 Đối với các Hiệp hội	- Trở thành thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động - Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội - Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam. - Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính.
 Đối với Khách hàng	- Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. - Địa điểm giao dịch thuận lợi - Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật - Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm - Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. - Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt - Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch - Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT - Tăng cường đào tạo nội bộ về kỹ năng dịch vụ KH, đào tạo nâng cao nhận thức về đạo đức người hành nghề chứng khoán - Triển khai các chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng
 Cơ quan báo chí	- Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi - Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường - Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí - Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm - Cung cấp thông tin và chia sẻ ý kiến chuyên môn với các cơ quan báo chí để tạo kênh thông tin phong phú phục vụ công chúng đầu tư.

Các chủ đề được quan tâm	Phản ứng của BVSC
 Đối tác, nhà cung cấp	- Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng - Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán - Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp - Hợp đồng được pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết - Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp
 Người lao động	- Đảm bảo việc làm - Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng - Chế độ phúc lợi được đảm bảo - Được quan tâm về sức khỏe, điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động - Môi trường làm việc tốt, thân thiện, có những cơ hội được học hỏi và phát triển - Công bằng nội bộ, những đóng góp, thành tích được ghi nhận - Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động - Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động - Thường xuyên rà soát điều chỉnh chính sách lương thưởng đãi ngộ cạnh tranh, phù hợp với xu hướng chung của thị trường - Trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... Bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước - Xây dựng các chương trình thi đua và tôn vinh, cơ chế trả lương dựa trên hiệu quả làm việc tạo sự công bằng nội bộ - Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn - Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở
 Cộng đồng xã hội	- Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo - Đầu tư cho giáo dục, thể hệ tương lai - Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả - Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng - Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo - Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa - Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. - Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường - Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước

Thông lệ
báo cáo

GRI 102-45/ GRI 102-46: Thông lệ báo cáo

Tất cả các đơn vị thuộc Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt đều được nêu trong Báo cáo tài chính của công ty và trong báo cáo phát triển bền vững này với các cách xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề như sau:

Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề

Công ty xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề của Báo cáo sau khi được Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đào tạo về việc lập báo cáo theo chuẩn GRI và phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ liên quan trong công ty. Báo cáo Phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

1. Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo:

Bối cảnh phát triển bền vững: Bối cảnh phát triển bền vững của Quốc gia: Việt Nam là một trong các nước nghèo đang phát triển, được dự đoán là một trong số rất ít nước (một trong 4 nước) sẽ bị tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Trong hoàn cảnh đó, cùng với sự phát triển “nhanh” và “nóng” của nền kinh tế, ô nhiễm môi trường đang trở nên ngày càng bức xúc, nhất là ở đô thị và các khu công nghiệp đang gia tăng một cách nhanh chóng. Đặc biệt, tác động tiềm ẩn của biến đổi khí hậu đang trở thành một vấn đề nóng bỏng, đe dọa sự PTBV của cả đất nước. Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với chúng ta hiện nay là làm thế nào để vừa giữ được sự tăng trưởng kinh tế cao, vừa bảo vệ được môi trường, vừa ứng phó có hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu để phát triển bền vững. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch từ các thị trường vốn truyền thống sang thị trường vốn xanh được xem là bước tiến quan trọng, nhằm tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tham gia trên tinh thần tự nguyện, để doanh nghiệp vừa duy trì được hoạt động kinh doanh hiệu quả, vừa đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội.

Tính trọng yếu: Để xác định nội dung báo cáo, Công ty tuân thủ nguyên tắc về tính trọng yếu. Từ đó, Công ty lập ma trận để xác định các bên liên quan trọng yếu chịu tác động trực tiếp (tác động tích cực hoặc tiêu cực) từ các hoạt động của Công ty và xác định các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm để trình bày trong báo cáo.

Tính đầy đủ: Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng

2. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo:

Tính chính xác: Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này

Tính cân đối: Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có)

Tính rõ ràng: Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.

Khả năng so sánh: Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.

Tính kịp thời: Báo cáo được lập vào tháng 3/2019 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2018 đến 31/12/2018 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

GRI 102-48: Trình bày lại thông tin

Không có

GRI 102-50/ GRI 102-55:

Kỳ báo cáo

Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018.

Chu kỳ báo cáo

Thường niên

Ngày của báo cáo gần nhất

2018-04-18 - Ngày phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên

Liên hệ

Để gửi các câu hỏi, các khuyến nghị liên quan đến hoạt động phát triển bền vững của BVSC cũng như nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin như sau:



Tên	Bùi Thị Mai Hiền
E-mail	buithimaihien@baoviet.com.vn
Chức vụ	Thư ký công ty
Điện thoại	0243 928 8080 - 600

GRI 102-54: Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI

Báo cáo này đã được thực hiện theo Tiêu chuẩn GRI:

Lựa chọn báo cáo các vấn đề cốt lõi

GRI 102-55: Mục lục GRI

Thông tin tham khảo

Báo cáo này có công bố các thông tin liên quan đến GRI 102: Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016, GRI 103: Phương pháp Quản trị 2016, GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016, GRI 302: Năng lượng 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016.

Phần đã loại trừ: Không có



Hồ sơ tổ chức
Số trang: 150



Quản trị
Số trang: 150

Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016



Chiến lược
Số trang: 151



Sự tham gia của bên liên quan
Số trang: 152



Thông lệ báo cáo
Số trang: 156



Nhóm Tiêu chuẩn từng chủ đề
Số trang: 160-183



Phương pháp Quản trị
Số trang: 160



Hiệu quả Hoạt động Kinh tế
Số trang: 161

Kinh tế



Môi trường



Phương pháp Quản trị
Số trang: 163



Năng lượng 2016
Số trang: 165



Xã hội



Phương pháp Quản trị
Số trang: 166



Việc làm 2016
Số trang: 169



Phương pháp Quản trị
Số trang: 172



An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
Số trang: 175



Phương pháp Quản trị
Số trang: 176



Giáo dục và Đào tạo
Số trang: 180



Phương pháp Quản trị
Số trang: 182



Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016
Số trang: 183



GRI 200 (Chủ đề kinh tế)



Hiệu quả Hoạt động Kinh tế

GRI 103: Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho bản thân doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

Nơi phát sinh tác động

BVSC xác định hiệu quả kinh tế thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản. Việc đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm chính là điều kiện để BVSC tiếp tục phát triển và triển khai các hoạt động của mình đối với các bên liên quan.

Sự liên quan của tổ chức

Công ty liên quan trực tiếp đến các tác động vì sự tăng trưởng lợi nhuận của công ty mang lại lợi ích và đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông/ nhà đầu tư, gia tăng dịch vụ và lợi ích cho khách hàng, gia tăng chế độ lương và phúc lợi cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.

Phương pháp quản trị và các hợp phần

- BVSC quản trị các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế dựa trên các chỉ tiêu tài chính & phi tài chính:
- Các chỉ tiêu tài chính: Tổng tài sản, tỉ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...
 - Các chỉ tiêu phi tài chính: thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...
 - Đảm bảo công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

Cam kết

Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua Chính sách hiệu quả kinh tế

Mục tiêu và chỉ tiêu

Doanh thu **504 tỷ VNĐ**

Lợi nhuận
sau thuế
thực hiện **122 tỷ VNĐ**

Thị phần môi giới CP & CCQ

Top 10 Công ty Chứng khoán
có thị phần cao nhất

Trách nhiệm

Người chịu trách nhiệm đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế của Công ty là Hội đồng quản trị Công ty và Ban Tổng Giám đốc.

Nguồn lực

Công ty có nguồn lực thực hiện phát triển kinh doanh trực tiếp là các bộ phận kinh doanh như: Khối môi giới, Khối Tư vấn, Khối đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn lực hỗ trợ kinh doanh để thực hiện các công việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho công ty là các phòng ban liên quan khác.

Các biện pháp hành động cụ thể

CNTT: Vui lòng tham khảo nội dung này tại chương III, trang 110 báo cáo này.
Nâng cao chất lượng dịch vụ KH thông qua chất lượng tư vấn đầu tư. Triển khai các chương trình khuyến mại hợp lực với Tập đoàn và các ĐVTV
Phát động các chương trình thi đua nội bộ. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ.

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá

Đánh giá hàng tháng/ hàng quý đối với các chỉ tiêu đã đặt ra.
Các phòng/ ban kinh doanh chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của mình và lập báo cáo để ban điều hành kiểm soát. Trong các cuộc họp giữa các phòng/ ban kinh doanh với ban điều hành đều có sự tham gia của kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

Kết quả

Thực hiện phương pháp quản trị đạt hiệu quả giúp công ty kiểm soát được các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

Không có điều chỉnh nào trong kỳ báo cáo

GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế



Tổng doanh thu & thu nhập khác
547.793.630.443 VNĐ



Tổng chi phí
239.012.626.594 VNĐ



Lương và phúc lợi của nhân viên
136.442.535.627 VNĐ



Tổng số phải nộp cho chính phủ
85.421.708.329 VNĐ



Đầu tư cho cộng đồng
210.392.700 VNĐ



Giá trị kinh tế chưa phân phối
36.166.265.693 VNĐ



Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn
50.540.101.500 VNĐ

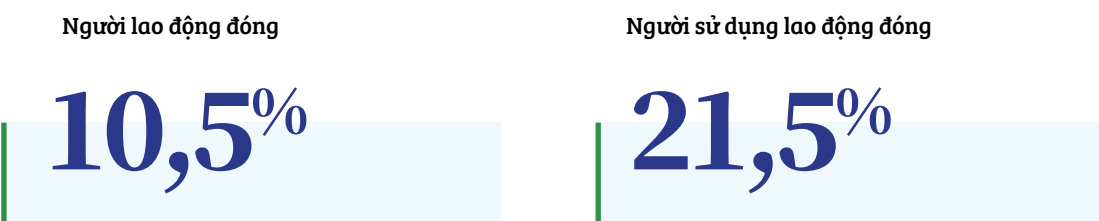
Năm 2018, tổng nộp ngân sách nhà nước đạt hơn 85 tỷ đồng (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác). Việc thực hiện các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế tốt giúp mở rộng quy mô kinh doanh, thu nhập và phúc lợi của nhân viên tăng là yếu tố tác động duy trì mức đóng góp cho ngân sách nhà nước hàng năm của BVSC.

GRI 201-3: Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác

Nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng
Có

Quý riêng
Không

Tỷ lệ đóng bảo hiểm của người lao động và Công ty
Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:



Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện mua bổ sung bảo hiểm nhân thọ cho người lao động. Người lao động được tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho đến khi nghỉ hưu (trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động trước khi nghỉ hưu). Tại thời điểm nghỉ hưu, người lao động sẽ được nhận giá trị giải ước của hợp đồng nhân thọ bổ sung thêm cho khoản lương hưu hàng tháng từ nguồn bảo hiểm xã hội của nhà nước. Đây là một phần trong chính sách phúc lợi của người lao động nhằm bổ sung tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu.



GRI 300
(Chủ đề môi trường)



Năng lượng – Nước – Điện – Vật liệu

GRI 103: Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp và đáng kể đến môi trường nhưng BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động của công ty, đặc biệt là các hoạt động nội bộ bằng việc nâng cao nhận thức của CBNV về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng để ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Nơi phát sinh tác động

Số năng lượng nước, điện và vật liệu Công ty sử dụng trong quá trình hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường.

Sự liên quan của tổ chức

Việc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải sử dụng các năng lượng: điện, nước, giấy và có xả ra một số lượng chất thải như nước thải và giấy ra môi trường. Vì vậy đây là tác động trực tiếp từ doanh nghiệp.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề

Phương pháp quản trị và các hợp phần

Doanh nghiệp quản lý số năng lượng tiêu hao thông qua hóa đơn hàng tháng, trên hóa đơn có chỉ số năng lượng tiêu hao và số chi phí phải trả cho điện năng, nước, giấy tiêu thụ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thức việc doanh nghiệp quản trị để điều chỉnh và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Trách nhiệm

Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính – kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban điều hành Công ty.

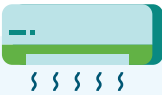
Nguồn lực

Bộ phận hành chính - kế hoạch

Các biện pháp hành động cụ thể

Chương trình truyền thông nội bộ về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Bên cạnh việc truyền thông để nâng cao nhận thức đối với CBNV, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể để góp phần giảm tải việc sử dụng năng lượng như:

Đối với Điện và Nước



Hệ thống điều hoà không khí

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng điều hòa bao gồm cục lạnh & cục nóng ngoài trời 6 tháng một lần để đảm bảo hiệu suất của máy.
- Thay mới 1 số điều hòa có dán nhãn tiết kiệm năng lượng của VNEEP
- Duy trì nhiệt độ trên 26 độ C trong những ngày mùa hè và hạn chế bật điều hòa nóng vào mùa đông
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17.30 hàng ngày.



Hệ thống chiếu sáng

- Tiếp tục duy trì sử dụng toàn bộ thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện: bóng compact tiết kiệm điện
- Tại các phòng có cửa sổ, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên
- Tắt toàn bộ hệ thống điện sau 17.30 hàng ngày

Mặc dù Công ty không cần chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong Công ty. Đặc biệt, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước đối với cả nước vệ sinh; tái sử dụng nước sạch cho mục đích tưới cây; không sử dụng nước bồn cầu vào mục đích xả rác. Đồng thời sử dụng nước uống với nhu cầu cần thiết, tránh đổ bỏ lượng nước thừa gây lãng phí.

Đối với Giấy



Một trong những biện pháp hiệu quả nhất trong việc sử dụng giấy hiệu quả là tái sử dụng giấy in 1 mặt cho các văn bản lưu hành nội bộ Công ty

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị:

Bộ phận hành chính/ kế hoạch của Công ty là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng. Việc đánh giá được diễn ra thường niên trong nội bộ doanh nghiệp và tổ chức các kỳ họp khi có những biến động lớn.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị:

Việc thực hiện quản trị/ đánh giá của bộ phận hành chính/ kế hoạch vẫn được tiến hành dưới sự kiểm soát của Ban giám đốc công ty và thực hiện tốt, góp phần quản lý tốt việc tiêu thụ năng lượng của công ty.

Không có điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị.



GRI 302: Năng lượng

GRI 302 - 1: Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Tiếp nối những thành công trong năm 2017 về chương trình tiết kiệm năng lượng, Công ty tiếp tục duy trì các quy định tại Nội quy lao động của Công ty đồng thời đẩy mạnh truyền thông hơn nữa chương trình tiết kiệm năng lượng “Tiết kiệm điện năng – Tăng thêm thu nhập” trong nội bộ công ty. Cùng với nhiều bản tin nội bộ và hệ thống poster của chương trình được phủ rộng trong khu văn phòng, phòng giao dịch, CBNV và khách hàng BVSC đã tích cực hưởng ứng chương trình này.



Đối với Điện và Nước

Năm 2018, tổng số điện năng mà Công ty sử dụng là 457,469 kwh, đây là số điện năng của toàn bộ Công ty bao gồm Trụ sở, chi nhánh và 8 Phòng giao dịch. Số điện năng sử dụng này có giảm nhẹ, tương đương 5% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy ý thức về việc tiết kiệm năng lượng đã dần trở thành một thói quen đối với CNBV Công ty. Mặc dù điện năng sử dụng có giảm nhưng chi phí sử dụng điện của Công ty trong năm 2018 là hơn 1,7 tỷ đồng, tăng nhẹ so với 2017 là do đơn giá điện tại Việt Nam điều chỉnh tăng trong tháng 12 năm 2017 vì vậy làm tăng chi phí điện năng của năm 2018 so với 2017.

Ngoài ra, Công ty cũng tích cực hưởng ứng các chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hay cử cán bộ tham gia sự kiện Giờ trái đất hàng năm để thể hiện trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đối với Giấy

Do đặc thù công việc, BVSC sử dụng giấy khá nhiều trong hoạt động kinh doanh hàng ngày. Vì vậy, việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả giấy và mực in trong văn phòng cũng được BVSC truyền thông mạnh mẽ đến toàn bộ CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch. Tổng lượng giấy năm 2018 Công ty tiêu thụ là 1675 gram, giảm 5% so với năm 2017 trong khi số lượng nhân viên tăng lên, cho thấy việc sử dụng giấy đã hiệu quả hơn thông qua việc nâng cao ý thức CBNV.

Trong năm 2018, BVSC không có bất kỳ hành vi không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường nào.



Số điện năng
sử dụng
▼ 5%
so với cùng kỳ năm trước



Lượng giấy
sử dụng
▼ 5%
so với cùng kỳ năm trước



GRI 400 (Chủ đề xã hội)



GRI 401: Việc làm

GRI 103: Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là doanh nghiệp kinh doanh trong ngành dịch vụ tài chính, theo đó, sản phẩm dịch vụ của BVSC chủ yếu là mang lại những dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng. Do đó, nguồn lực lao động, chất lượng lao động là một phần cấu thành quan trọng của việc mang lại sản phẩm dịch vụ tốt cho khách hàng. Giá trị do người lao động mang lại sẽ đóng góp vào sự thành công, phát triển của BVSC.

Ngược lại, việc tăng trưởng hoạt động kinh doanh của Công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng sẽ đồng nghĩa với việc gia tăng quy mô về việc làm, chế độ lương thưởng, phúc lợi của người lao động được cải thiện.

Nơi phát sinh tác động

Xác định việc làm là một yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, BVSC luôn chú trọng trong việc xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo chế độ lương thưởng phúc lợi tốt để từ đó tạo sự an tâm cho người lao động nhằm duy trì ổn định nhân sự, giữ chân lao động giỏi, cũng như thu hút đội ngũ lao động có chất lượng trên thị trường.

Sự liên quan của tổ chức

Định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty tác động trực tiếp đến chính sách nhân sự bao gồm chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề trong báo cáo này.

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

- Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm, BVSC xây dựng kế hoạch về quy mô việc làm cũng như kế hoạch tuyển dụng lao động chi tiết phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả về nguồn lực lao động cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như tối ưu hóa về nguồn nhân lực của Công ty.
- Bên cạnh đó, BVSC xây dựng cơ chế, chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh để có thể hỗ trợ cho việc thu hút nhân sự tốt, giữ chân người tài và ổn định nhân sự trong Công ty.

Mục đích của Phương pháp quản trị

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự, đảm bảo lực lượng nhân sự phù hợp và hiệu quả, hạn chế việc dư thừa lao động
- Duy trì và phát huy có chính sách lương thưởng, phúc lợi nhằm xây dựng và ổn định đội ngũ nhân sự trong công ty
- Kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch

Chính sách

Chính sách tuyển dụng:

Dựa trên các chỉ tiêu về định biên nhân sự đề ra hàng năm, Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng gắn với mô tả công việc của từng vị trí cụ thể.

Chính sách lương thưởng:

Công ty thực hiện trả lương và thưởng dựa trên doanh thu và kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng người lao động.

Chính sách phúc lợi:

- Hàng năm, Công ty thực hiện trích quỹ phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế dành để triển khai các chương trình phúc lợi cho người lao động.
- Bên cạnh việc đảm bảo các chế độ bảo hiểm tuân thủ theo đúng quy định của nhà nước, Công ty thực hiện trang bị bổ sung thêm cho người lao động các loại bảo hiểm khác không bắt buộc như: Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm các bệnh ung thư, Bảo hiểm nhân thọ. Hàng năm, Công ty thực hiện trích quỹ phúc lợi Thực hiện chi các khoản phúc lợi bằng tiền từ quỹ phúc lợi của Công ty.
- Việc thực hiện chính sách phúc lợi được quy định rõ ràng theo từng loại hình đối tượng và từng cấp nhân viên

Cam kết

BVSC cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật lao động tại Việt Nam và gia tăng thêm các quyền lợi bổ sung khác cho người lao động.

Mục tiêu và chỉ tiêu

30%

Tỷ lệ tuyển dụng mới

100%

Cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo đúng đối tượng và quy định đã ban hành

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động
Bộ phận nhân sự	Trực tiếp thực hiện và/ hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động
Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự
Ban chấp hành công đoàn	Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	- Chi phí tuyển dụng: 120 triệu đồng - Chi phí chi trả lương thưởng cho người lao động: 122.4 tỷ đồng - Chi phí phúc lợi cho người lao động: 14 tỷ
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác nhân sự, đội ngũ cán bộ làm công tác công đoàn, để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, lương thưởng & phúc lợi cho người lao động
Nguồn lực về công nghệ	Phần mềm nhân sự được dùng để tập trung dữ liệu và hỗ trợ Bộ phận nhân sự trong công tác liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động
Nguồn lực khác	Uy tín và thương hiệu của Công ty cũng như của Tập đoàn Bảo Việt đã giúp cho việc nâng cao thương hiệu của nhà tuyển dụng

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận Nhân sự là đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động tại Công ty

Các biện pháp hành động cụ thể

- Đối với công tác tuyển dụng:

BVSC đang từng bước đẩy mạnh công tác truyền thông thương hiệu nhà tuyển dụng để thu hút ứng viên thông qua việc truyền thông qua mạng xã hội, website, qua các chương trình hội thảo, hợp tác với các trường đại học danh tiếng, các câu lạc bộ chứng khoán ... Ngoài ra, bên cạnh việc tuyển dụng theo phương pháp truyền thống, BVSC triển khai việc hợp tác với các đơn vị tư vấn nhân sự lớn, có uy tín trên thị trường để tìm kiếm những ứng viên giỏi cho các vị trí quan trọng tại Công ty.
- Đối với công tác lương thưởng, phúc lợi:

BVSC thường xuyên nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh chính sách lương thưởng để đảm bảo tính cạnh tranh, phù hợp với xu hướng chung của thị trường. BVSC cũng xem xét nghiên cứu xây dựng và bổ sung các chính sách phúc lợi mới cho người lao động, một mặt là gia tăng chế độ phúc lợi cho người lao động, một mặt là nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường.

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Hàng năm, bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về nhân sự để kiểm tra, cảnh báo sự biến động nhân sự ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương thưởng phúc lợi dành cho người lao động

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Với phương pháp quản trị này, Công ty có thể kiểm soát tốt yếu tố con người giúp ổn định nguồn lực nhân sự, thu hút được các ứng viên phù hợp trên thị trường, đảm bảo sự cạnh tranh, giữ chân được những nhân sự giỏi

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Công ty thường xuyên thực hiện rà soát lại các chính sách nhân sự đang áp dụng để kịp thời cập nhật, sửa đổi phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như xu hướng của thị trường, đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty



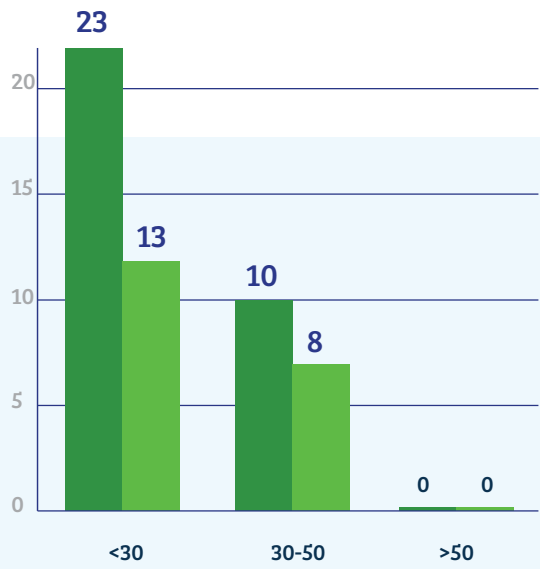
GRI 401: Việc làm

GRI 401-1: Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

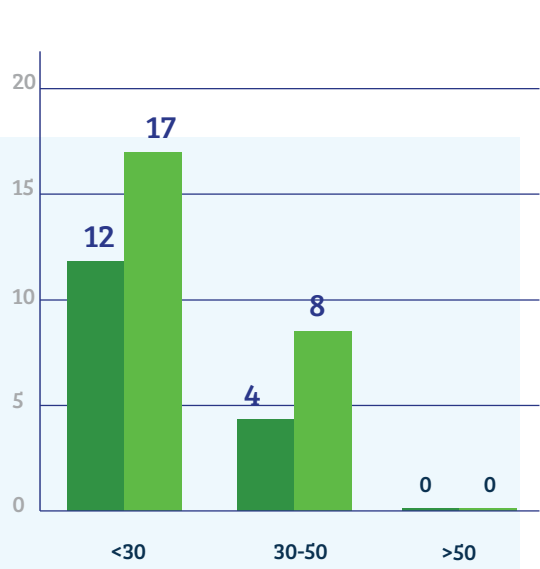
Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

Thuê mới							Tỷ lệ					
Nam giới				Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
Nhóm tuổi	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Hà Nội	23	10	0	13	7	0	22,1%	5,7%	0%	18,1%	4,7%	0%
TP. HCM	12	4	0	17	8	0	11,5%	8%	0%	23,6%	5,4%	0%
Tổng theo độ tuổi	35,0	24,0	0,0	30,0	15,0	0,0	33,7%	13,7%	0,0%	41,7%	10,1%	0,0%
Tổng theo giới tính	59,0			45,0								
Tổng cộng							104,0					

Số lượng nhân viên thuê mới theo giới tính ở Hà Nội



Số lượng nhân viên thuê mới theo giới tính ở TP. HCM



Nam giới Nữ giới

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

Thời việc							Tỷ lệ					
Nam giới				Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
Nhóm tuổi	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Hà Nội	8	10	0	3	5	0	7,7%	5,7%	0%	4,2%	3,4%	0%
TP. HCM	4	7	0	6	2	0	3,8%	4,0%	0%	8,3%	1,4%	0%
Tổng theo độ tuổi	12,0	17,0	0,0	9,0	7,0	0,0	11,5%	9,7%	0,0%	12,5%	4,7%	0,0%
Tổng theo giới tính	29,0			16,0								
Tổng cộng							45,0					



GRI 401-2: Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

	Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh
Bảo hiểm nhân thọ	✓	✓
Chăm sóc sức khỏe	✓	✓
Bảo hiểm khuyết tật và tàn tật		
Nghỉ thai sản	✓	✓
Trợ cấp hưu trí	✓	✓
Quyền sở hữu cổ phiếu		
Các phúc lợi khác	✓	✓
Giải thích các phần khác	Các khoản phúc lợi bằng tiền khác	Các khoản phúc lợi bằng tiền khác

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng.



GRI 401-3: Nghỉ thai sản

	Nam giới	Nữ giới
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	126	132
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	3	17
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	3	9
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng sau khi quay lại làm việc	3	9

100%

Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản

100%

Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản



GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

GRI 103: Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề mà Công ty hướng tới khi xây dựng chính sách phúc lợi cho người lao động. Việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn và có những chính sách bảo vệ sức khỏe người lao động sẽ giúp người lao động cảm thấy an tâm, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo đối với người lao động, đặt yếu tố con người là quan trọng trong doanh nghiệp; từ đó gia tăng sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp.

Nơi phát sinh tác động

- Các chương trình bảo hiểm cho người lao động: Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, bảo hiểm nhân thọ được công ty trang bị cho người lao động bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của nhà nước
- Chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm của Công ty

Sự liên quan của tổ chức

Công ty thực hiện các chương trình bảo hiểm, các quyền lợi liên quan đến bảo vệ sức khỏe cho người lao động đã góp phần tác động trực tiếp mang lại lợi ích thiết thực cho người lao động

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề này tại Công ty

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động được Công ty xây dựng cụ thể, rõ ràng phân theo từng loại đối tượng lao động và cấp bậc nhân viên, giúp cho người lao động cảm thấy sự an tâm, đảm bảo quyền lợi cho người lao động

Mục đích của phương pháp quản trị

- Đảm bảo sự rõ ràng minh bạch để người lao động có thể an tâm về các quyền lợi mà người lao động được hưởng
- Hạn chế tối đa những thông tin sai lệch về chính sách của Công ty

Chính sách

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện xây dựng thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể và được dùng làm căn cứ để đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước

Chính sách bảo hiểm bổ sung khác: Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty đã thực hiện xây dựng và triển khai áp dụng các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện (áp dụng từ năm 2010), chính sách bảo hiểm nhân thọ (áp dụng từ năm 2015), chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư (áp dụng từ năm 2017) dành cho toàn bộ người lao động tại Công ty, được xây dựng cụ thể cho từng loại đối tượng và từng cấp bậc nhân viên, do Tổng Giám đốc ban hành. Đây là những chính sách bảo hiểm bổ sung cho người lao động, thực hiện gia tăng quyền lợi cho người lao động ngoài quy định của Luật



An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề mà Công ty hướng tới khi xây dựng chính sách phúc lợi cho người lao động.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ: Hàng năm, Công ty thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các Bệnh viện/ Phòng khám quốc tế lớn, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật



Các văn bản ban hành chính thức bao gồm:

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:** Theo đúng của quy định của Pháp luật hiện hành .
- Bảo hiểm sức khỏe:** Quy chế về chính sách bảo hiểm sức khỏe ban hành kèm theo quyết định số 61/2016/QĐ - BVSC ngày 27/05/2016 do Tổng Giám đốc ký.
- Bảo hiểm nhân thọ:** Quy chế về chính sách bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo quyết định số 161/2015/QĐ - BVSC ngày 31/12/2015 do Tổng Giám đốc ký.
- Bảo hiểm các bệnh ung thư:** Quy định về chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư được Tổng Giám đốc ký phê duyệt tại tờ trình ngày 17/08/2017.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ:** Quy định tại Thỏa ước lao động tập thể của Công ty với Đại diện người lao động.

Cam kết

Với các chính sách bảo hiểm mà Công ty trang bị, Người lao động có thể an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

Mục tiêu và chỉ tiêu

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Tiếp tục triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động mà Công ty đã xây dựng
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/ năm

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động
Bộ phận nhân sự	• Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban điều hành cho áp dụng triển khai • Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động
Ban chấp hành công đoàn	Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động

Nguồn lực

	Nội dung
Nguồn lực tài chính	• Tổng chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2018: 5.1 tỷ đồng • Chi phí tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2018: 295 triệu đồng • Chi phí bảo hiểm các bệnh ung thư: 266 triệu đồng • Chi phí bảo hiểm sức khỏe toàn diện năm 2018: 1.17 tỷ đồng • Chi phí bảo hiểm nhân thọ năm 2018: 2.8 tỷ đồng
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ phụ trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến chính sách bảo hiểm cho người lao động

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối tiếp nhận các thông tin, khiếu nại về nội dung của các chương trình bảo hiểm, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa người lao động và các đơn vị bảo hiểm khi giải quyết các vụ việc thanh toán bảo hiểm liên quan.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Tiếp tục triển khai các chương trình bảo hiểm cho người lao động bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định nhà nước và các loại bảo hiểm bổ sung: bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, bảo hiểm nhân thọ
- Triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm
- Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Thông qua kết quả khảo sát, Công ty nhận được những phản hồi tích cực từ phía người lao động về các chính sách bảo hiểm mà Công ty đang áp dụng cho người lao động. Ngoài ra, theo báo cáo kết quả khảo sát về phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, BVSC đang áp dụng nhiều chính sách về bảo hiểm ưu việt và thiết thực cho người lao động. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Công ty sẽ nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm mới để gia tăng bảo vệ sức khỏe cho người lao động, góp phần gia tăng phúc lợi cho người lao động



GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2018

GRI 403 -1: Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

Công ty có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên với các thành viên là cán bộ làm việc tại các Phòng ban trong công ty. Điều này sẽ giúp cho việc truyền thông và triển khai các hoạt động liên quan đến chính sách bảo hiểm và triển khai công tác an toàn nơi làm việc được thực hiện thuận lợi và hiệu quả.

Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động là 100%.

GRI 403 - 4: Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn

Tại BVSC, công tác an toàn và sức khỏe được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật. Bên cạnh đó, Công ty có đề cập đến các vấn đề về an toàn sức khỏe tại các văn bản cụ thể bao gồm:

- Thỏa ước lao động tập thể
- Xây dựng Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động hàng năm
- Các quy chế, quy định về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư



GRI 404: Giáo dục và Đào tạo

GRI 103: Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Đào tạo là yếu tố quan trọng giúp cán bộ cập nhật thường xuyên các kiến thức mới, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc, nâng cao kỹ năng và phát triển bản thân.

Ban Lãnh đạo của Công ty rất quan tâm, coi trọng và đánh giá cao những nhân sự thường xuyên cập nhật kiến thức, có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ của bản thân.

Nơi phát sinh tác động

Các chương trình, chính sách đào tạo của Công ty bao gồm:

- **Đào tạo định hướng:** Giúp cán bộ có thể sớm hòa nhập với môi trường làm việc mới, văn hóa công ty khi được tuyển dụng mới
- **Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ:** Giúp cán bộ được cập nhật thường xuyên các quy định, chính sách, các quy trình nghiệp vụ để thực hiện tốt các công việc đang đảm nhiệm; Giúp cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có thể phát triển bản thân
- **Đào tạo kỹ năng:** Giúp cán bộ nâng cao kỹ năng của bản thân, từ đó nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

Sự liên quan của tổ chức

Công ty xây dựng các khung chương trình đào tạo, các chính sách đào tạo dành cho người lao động giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của người lao động, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề này

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các khung chương trình đào tạo được xây dựng cho từng đối tượng khác nhau, từng cấp bậc nhân viên khác nhau. Và đồng thời công ty cũng đưa ra những quy định cụ thể về việc người lao động phải đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo vị trí công việc của mình gắn với đãi ngộ và khả năng thăng tiến. Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty



Mục đích của phương pháp quản trị

- Nhằm đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với công việc và với sự thay đổi từ môi trường kinh doanh, quy định pháp luật
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đối với từng vị trí cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng nguồn lực dự phòng cho các kế hoạch triển khai và mở rộng kinh doanh của Công ty

Chính sách

- ▶ **Chương trình đào tạo định hướng:**
Đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với công ty trong tương lai
- ▶ **Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ:**
Đào tạo 07 chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề, đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM..., chương trình đào tạo nội bộ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán dành riêng cho đội ngũ môi giới
- ▶ **Chương trình đào tạo kỹ năng:**
Đào tạo các kỹ năng mềm nhằm nâng cao hiệu quả công việc, kỹ năng quản lý cho người lao động

Cam kết

Đảm bảo thực hiện theo các chương trình đào tạo và các quy định có liên quan của Công ty đã ban hành

Mục tiêu và chỉ tiêu

Đối với cán bộ từ Lãnh đạo cấp trung trở lên: Mỗi năm ít nhất tổ chức 01 khóa đào tạo/ hội thảo về kỹ năng quản lý

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên kinh doanh:

10 giờ/năm

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên quản lý và hỗ trợ

15 giờ/năm

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo
Bộ phận nhân sự	Chịu trách nhiệm thực hiện/ phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch Là đầu mối thực hiện đề xuất các chương trình đào tạo phát sinh (nếu có) Trực tiếp xây dựng/ phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo
Phòng ban nghiệp vụ	Phối hợp với Bộ phận nhân sự và/ hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ

Nguồn lực

	Nội dung
Nguồn lực tài chính	Chi phí đào tạo năm 2018: 684 triệu đồng
Nguồn lực về con người	Số lượng giảng viên nội bộ: 07 người Số lượng cán bộ phụ trách đào tạo: 05 người
Nguồn lực về công nghệ	- Đào tạo từ xa thông qua hệ thống video conference kết nối giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh - Hệ thống phần mềm nhân sự để quản lý việc triển khai hoạt động đào tạo đối với từng nhân sự

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động liên quan đến vấn đề đào tạo

Các biện pháp hành động cụ thể

- Đối mới liên tục chương trình đào tạo, cách thức đào tạo để thu hút, khuyến khích cán bộ tích cực tham gia đào tạo.
- Xây dựng chính sách thưởng cho các cán bộ đạt kết quả tốt trong các kỳ kiểm tra trình độ môi giới nhằm khuyến khích việc đào tạo.
- Thường xuyên rà soát, theo dõi về việc tham gia các chương trình đào tạo của người lao động để từ đó có những biện pháp tích cực giúp người lao động nâng cao ý thức học tập và phát triển bản thân.

- Số lượng các khóa đào tạo đã triển khai trong năm 2018:

Đào tạo định hướng	10 khóa đào tạo định hướng cho cán bộ mới tuyển dụng.
Đào tạo nghiệp vụ chứng khoán	30 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu khoa học & đào tạo chứng khoán thuộc UBCKNN tổ chức.
Đào tạo nội bộ cho đội ngũ môi giới	30 khóa đào tạo cơ bản; 04 khóa đào tạo chuyên sâu; 03 khóa đào tạo phân tích kỹ thuật và nhiều buổi hội thảo, truyền thông về các chính sách, quy định mới ban hành; 02 khóa đào tạo về quản trị rủi ro trong hoạt động môi giới.
Đào tạo nghiệp vụ khác	Khóa đào tạo phân tích và định giá bất động sản cho các cán bộ phân tích ngành, khóa đào tạo về quản trị rủi ro trong lĩnh vực CNTT, các hội thảo nghiệp vụ khác ...
Đào tạo kỹ năng	Kỹ năng nhận biết chữ ký, giấy tờ, con dấu giả mạo; khóa huấn luyện lãnh đạo đích thực; và các hội thảo kỹ năng quản lý khác.

Tổng số giờ đào tạo trong năm 2018

4.050 giờ

trong đó tổng số giờ đào tạo nội bộ là 2.430 giờ

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

- Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;**
- Thông qua phần mềm quản lý nhân sự, Công ty có thể kiểm soát được các cán bộ chưa tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ tham gia, từ đó thúc đẩy cán bộ tham gia công tác đào tạo
 - Việc tham gia đào tạo đảm bảo theo quy định bắt buộc sẽ là một trong những yếu tố xem xét khi đánh giá nhân sự cho công tác bổ nhiệm cán bộ, đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm, từ đó nâng cao ý thức tham gia đào tạo của cán bộ
 - Hàng năm, Công ty tổ chức các kỳ kiểm tra đánh giá năng lực của cán bộ để từ đó định hướng xây dựng các kế hoạch đào tạo, nội dung cho phù hợp và thiết thực.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;
Theo kết quả đánh giá năng lực cán bộ hàng năm thông qua các kỳ kiểm tra, Công ty nhận thấy trình độ chuyên môn của cán bộ được cải thiện qua các năm. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là hiệu quả

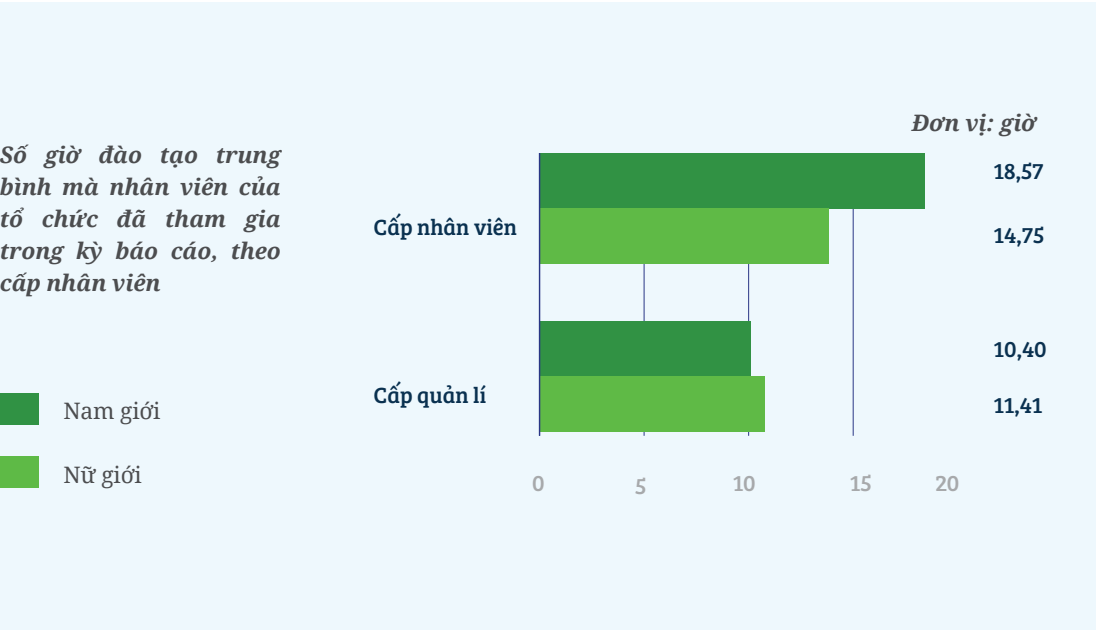
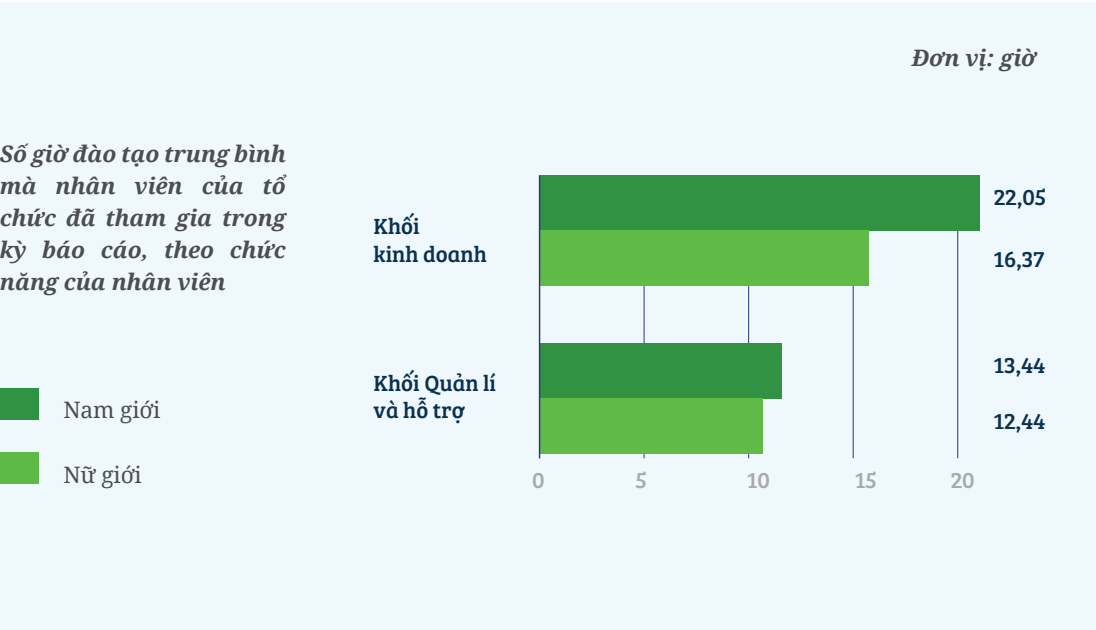
Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.
Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chương trình đào tạo, xây dựng thêm nhiều khung chương trình đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty.

Công ty đang nghiên cứu xây dựng việc triển khai đào tạo thông qua công cụ phần mềm online. Theo đó, người lao động có thể chủ động bố trí thời gian hợp lý tham gia đào tạo, từ đó tiết kiệm chi phí và thời gian.



GRI 404: Giáo dục và Đào tạo

GRI 404-1: Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên



GRI 404 - 2: Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Theo định hướng chiến lược của Công ty là tập trung cho hoạt động môi giới nên công tác đào tạo cho đội ngũ môi giới cũng được chú trọng nhiều hơn so với các nghiệp vụ khác. Hiện tại, Công ty đã xây dựng một khung chương trình đào tạo nội bộ chuẩn với 07 khóa đào tạo từ cơ bản đến nâng cao với giảng viên nội bộ là những cán bộ có kiến thức chuyên sâu và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới, am hiểu sâu về các sản phẩm dịch vụ của BVSC. Ngoài ra, cán bộ còn được đào tạo trực tiếp thông qua công việc được thực hiện bởi các Trưởng nhóm môi giới. Công ty hỗ trợ tài chính và điều kiện về thời gian để cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chứng khoán do UBCKNN tổ chức

Đối với các nghiệp vụ khác, Công ty hỗ trợ tài chính/ thuê các đối tác bên ngoài để tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc. Tại mỗi bộ phận/ phòng ban nghiệp vụ, các cấp lãnh đạo luôn ý thức được sự quan trọng trong việc bố trí nhân sự kế cận để phòng ngừa rủi ro cán bộ nghỉ việc. Đội ngũ kế cận được đào tạo để có thể đáp ứng yêu cầu công việc ngay khi có sự biến động nhân sự.

Ngoài ra, Công ty có chính sách luân chuyển cán bộ định kỳ trong một số bộ phận/ phòng ban để cán bộ có thể thực hiện nhiều mảng nghiệp vụ khác nhau. Việc thực hiện luân chuyển được triển khai trong phạm vi hẹp do đặc thù nghiệp vụ chuyên môn của các phòng ban tại BVSC rất khác biệt, đòi hỏi sự chuyên môn sâu.

GRI 404 - 3: Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp

Phân loại nhân viên	% Nam giới	% Nữ giới
Cấp nhân viên	38	55
Cấp quản lý	100	100





GRI 405: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

GRI 103: Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật. BVSC là doanh nghiệp Việt Nam nên việc tuân theo các quy định pháp luật Việt Nam là điều tất yếu.
- Tại BVSC, cán bộ có vị trí và vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và phát huy năng lực của mình cho sự phát triển chung của toàn Công ty.

Nơi phát sinh tác động

- Tỷ lệ lao động nữ giới và nam giới hiện nay trong Công ty
- Tỷ lệ lao động nữ giữ vị trí quản lý từ cấp trung trở lên so với nam giới
- Các chính sách lương thưởng, phúc lợi giữa lao động nữ và lao động nam

Sự liên quan của tổ chức

Công ty xây dựng văn hóa bình đẳng giới trong mọi hoạt động hằng ngày. Điều này đã tác động trực tiếp tới vấn đề công bằng và bình đẳng giới trong doanh nghiệp.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

- Trong tất cả các chính sách về nhân sự của Công ty đều không có sự khác biệt, hạn chế theo giới tính, theo dân tộc.
- Việc đảm bảo sự đa dạng và cơ hội bình đẳng trong doanh sẽ giúp có tất cả người lao động có thể phát huy năng lực của bản thân, đóng góp cho sự phát triển của Công ty

Chính sách

Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách tuyển dụng nhân sự
Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong việc phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ
Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động

Cam kết

Đảm bảo duy trì sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho tất cả người lao động trong Công ty

Mục tiêu và chỉ tiêu

Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty

Trách nhiệm, Nguồn lực, Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết khiếu nại, Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến:

Mặc dù hiện nay, BVSC chưa thực hiện việc ban hành chính sách cụ thể nào về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động nhưng thực tế triển khai và quan điểm của Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn rất coi trọng vấn đề này và trở thành một văn hóa sẵn có của doanh nghiệp. Mọi công tác nhân sự đều thể hiện sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị:

Thông qua các báo cáo về tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu lao động của Công ty dựa trên các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị:

Với các số liệu báo cáo về tình hình nhân sự tại Công ty, có thể thấy Công ty đã thực hiện tốt phương pháp quản trị về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có điều chỉnh nào liên quan đến phương pháp quản trị này



GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng

GRI 405-1: Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

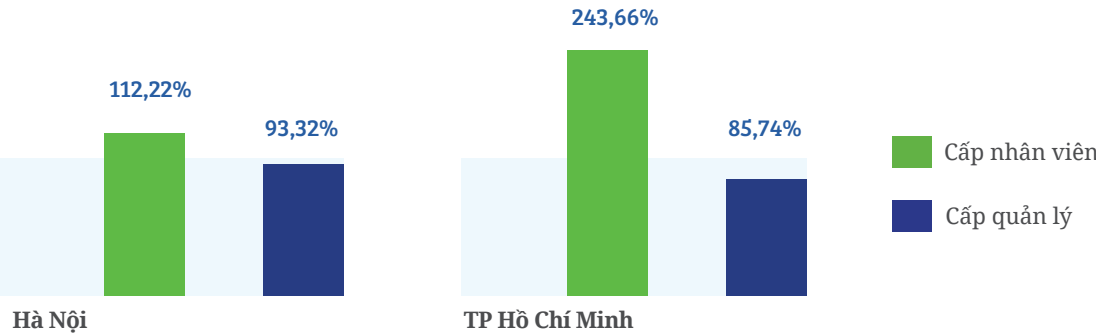
Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức ở mỗi phân loại về sự đa dạng



Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức ở giới tính	Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức ở lứa tuổi
---	--

GRI 405 - 2: Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng





An sinh xã hội

GRI 103: Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Nhiều năm trở lại đây, “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” được đề cập đến như một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững của mỗi doanh nghiệp. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là sự cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua những việc làm nâng cao chất lượng đời sống của người lao động (NLĐ) và các thành viên trong gia đình họ; cho cộng đồng và toàn xã hội, theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.

Tại BVSC, chúng tôi luôn nỗ lực trong việc nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội, chung tay và thực hiện các chương trình an sinh xã hội với vai trò là người đồng hành trong các hoàn cảnh khó khăn của xã hội góp phần chia sẻ gánh nặng với Nhà nước trong bối cảnh hiện nay.

Nơi phát sinh tác động

Việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội cho các mảng chính:

- Đầu tư vào thế hệ tương lai
- Xóa đói giảm nghèo
- Tri ân gia đình có công với cách mạng

Sự liên quan của tổ chức

Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động An sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện các hoạt động thiện nguyện ý nghĩa

Việc thực hiện chương trình theo phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Công ty quản lý việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội thông qua Công đoàn của Công ty, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực hiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết.

Việc thực hiện chương trình theo phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ.

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị:

Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và họp tổng kết đầy đủ.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị:

Việc thực hiện rà soát sau tất cả những chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đang thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên, Công ty sẽ lên kế hoạch để thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị và ban hành trong thời gian tới.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp điều chỉnh trong chủ đề này.

Các chương trình an sinh xã hội

Trong năm 2018, BVSC đã viết tiếp chặng đường hướng tới cộng đồng của mình bằng việc tìm hiểu thông tin từ cộng đồng, Tập đoàn Bảo Việt về các địa điểm và trường hợp cần sự giúp đỡ và dành ngân sách cho các công tác An sinh xã hội của mình. Năm 2018 cũng là một năm thành công của BVSC trong việc kết nối và sẽ chia trách nhiệm xã hội, chúng tôi lên kế hoạch và thực hiện tìm đến những cá nhân và tổ chức cần sự giúp đỡ thực sự, tổ chức những chương trình ý nghĩa khơi gợi niềm tin đối với những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

Trọng tâm trong việc phát triển các chương trình an sinh xã hội tại BVSC được chia làm 3 nhóm đối tượng chính: Thế hệ trẻ, các anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ: Ở BVSC, chúng tôi tin tưởng rằng mọi trẻ em trên đất nước Việt nam đều có quyền được hưởng một nền giáo dục tốt để phát triển, và việc đầu tư cho thế hệ trẻ chính là đầu tư cho tương lai và sự trường tồn của đất nước. Năm 2018, BVSC đã tổ chức 3 chương trình lớn hướng tới đối tượng là các em học sinh với tổng chi phí hơn 110 triệu đồng.

Chương trình “Sẻ chia tri thức – Xây dựng tương lai” tại trường tiểu học Hưng Lợi và tiểu học Hưng Lợi 1, tỉnh Sóc Trăng với 60 phần quà trị giá 17 triệu đồng và hơn 1000 đầu sách truyện bổ ích dành cho các em học sinh nơi đây.



Chương trình “Sẻ chia tri thức - Xây dựng tương lai” năm 2018

Chương trình “Mang hơi ấm tới vùng cao 2018” tại Xã Đoài Côn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Chương trình “Mang hơi ấm tới vùng cao” năm thứ 7 đến với các em học sinh xã Đoài Côn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã trao hiện vật là áo ấm, ủng, khăn, đồ dùng học tập với số tiền hơn 74 triệu đồng.

Chương trình “Mang hơi ấm tới vùng cao 2018” tại Xã Đoài Côn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng



Chương trình “Đồng trao yêu thương” do CBNV Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh kết hợp với sinh viên trường Đại học Ngoại thương tổ chức thăm các em học sinh tại trường tiểu học Bình Mỹ, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ và trao tặng 9 chiếc xe đạp và các suất học bổng dành cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng đầy nghị lực vươn lên trong cuộc sống.



Chương trình “Đồng trao yêu thương” tại trường tiểu học Bình Mỹ, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ

Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng: Đã trở thành hoạt động thường niên, BVSC kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7 nhằm tri ân các gia đình CBNV có công với cách mạng. Công ty đã tặng quà và gửi lời thăm hỏi đến 14 gia đình CBNV để thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, lòng biết ơn đối với những người đã hy sinh cả cuộc đời mình cho hòa bình của dân tộc.

Cũng trong năm qua, hưởng ứng chương trình hướng về biển đảo quê hương do Tập đoàn Bảo Việt phát động, BVSC đã cử Công đoàn viên tham gia chuyến công tác tới Trường Sa nhằm động viên tinh thần các chiến sĩ không quân ngại khó khăn, gian khổ ngày đêm bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Chuyến đi diễn ra trong 10 ngày, đoàn công tác đã đến thăm hỏi và tặng quà cho các chiến sĩ, cán bộ và nhân dân tại nhiều điểm của đảo. Trong đó, BVSC đã gửi tặng 200 thẻ điện thoại trị giá 10 triệu đồng, qua đó, động viên toàn quân và dân trên đảo yên tâm, vượt qua mọi khó khăn, trụ vững nơi đảo xa, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, thêm lực địa thiêng liên của Tổ quốc.

Đầu tư cho xóa đói giảm nghèo: Hoạt động thiện nguyện, chia sẻ khó khăn với các hoàn cảnh nghèo khó trong xã hội được BVSC chú trọng như một lời hứa cam kết với cộng đồng của doanh nghiệp. Cũng trong chuyến đi “Mang hơi ấm tới vùng cao”, BVSC đã có nhiều lần thảo luận, khảo sát trực tiếp với lãnh đạo xã và các trường tiểu học nơi đây, đồng thời nắm bắt tình hình thông qua Ngân hàng chính sách xã hội tại huyện Trùng Khánh, để lựa chọn những món quà thiết thực nhất mang lên tặng nhà trường cũng như các em học sinh. Đó là chăn và áo ấm, đó là giấy và ủng, là sách vở, màu vẽ, đất nặn, là bảng phấn, là chảo điện, nước mắm, mì tôm....., những thứ thực sự cô và trò tại trường Đoài Côn đang cần để mùa đông 2018 bớt phần khắc nghiệt, để các em mỗi ngày tới trường là một ngày vui.



Cùng với đó, chương trình “Suất cơm từ thiện” do BVSC sáng lập và triển khai, đã trải qua 6 năm đồng hành cùng các bệnh nhi có bệnh hiểm nghèo tại các bệnh viện ở Hà Nội. Năm 2018, chúng tôi đã trao tặng 1121 suất cơm từ thiện, trị giá hơn 30 triệu đồng cho rất nhiều bệnh nhi đang điều trị tại Bệnh viện huyết học và truyền máu trung ương. Hiểu được tâm lý của những bệnh nhi đang điều trị tại đây cùng với mong muốn giúp các em có thêm nhiều niềm tin yêu, sự tự tin và cố gắng trong cuộc sống trong dịp Giáng sinh và năm mới, toàn thể CBNV cùng con em mình đã tổ chức chương trình “Giáng sinh nhiệm màu” – một sự kiện ấm áp và mang lại rất nhiều tiếng cười cho cả các bệnh nhi và con em CBNV Công ty với tổng chi phí là hơn 70 triệu đồng, trong đó, chính con em BVSC đã tự tay làm hơn 50 chiếc thiệp và bán gây quỹ được 15 triệu đồng trao tặng lại Bệnh viện cho những công tác xã hội sau này.



Chương trình “Giáng sinh nhiệm màu”
tại Bệnh viện huyết học và truyền máu
TW tháng 12/2018

Tiếp nối hành trình này, CBNV chi nhánh Hồ Chí Minh đã tham gia giải chạy bộ từ thiện Terry Fox và đóng góp khoảng 20 triệu đồng vì bệnh nhân ung thư được tổ chức bởi Hiệp hội Doanh nghiệp Canada kết hợp với Lãnh sự quán Canada. Giải chạy Terry Fox hiện được tổ chức thường niên ở hơn 30 quốc gia; trong năm 2018, quy mô tham dự ở TP. Hồ Chí Minh là hơn 22 nghìn người tham dự, gây quỹ gần 3 tỉ đồng.



Giải chạy bộ từ thiện Terry Fox của
CBNV chi nhánh TP. HCM

Cùng với việc quan tâm đến các hoàn cảnh khó khăn, BVSC còn chia sẻ với những trường hợp kém may mắn, những người khuyết tật. Năm 2018, Công ty đã gửi quà thăm hỏi tới Hội cha mẹ trẻ khiếm thính Việt nhằm mục đích tổ chức chương trình trung thu cho các bé với tổng giá trị quà tặng gần 10 triệu đồng.

Ngoài những hoạt động thiện nguyện trên, năm 2018, BVSC tiếp tục tham gia tích cực hoạt động “Ngày hội hiến máu” do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức.



Khi Việt Nam và cả thế giới đang chung tay vì sự phát triển bền vững, BVSC hiểu trách nhiệm của mình đối với sự phát triển chung của xã hội và chúng tôi tự hào vì đã đóng góp một phần nhỏ trong việc thắp lên niềm tin vào cuộc sống đối với không ít các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng.

Phụ lục I – bảng chỉ tiêu quản trị theo quy chế Camel

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2017	Điểm số 2018	Trọng số
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/ tổng số các vị trí này	Nghỉ 03 vị trí cấp trung	30	0	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	100	5%

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2017	Điểm số 2018	Trọng số
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	100	6%
11	Số năm hoạt động	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	Từ 2% đến dưới 5%	80	80	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung	Top 10	100	100	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ)	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất	Dưới 10%	100	60	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty	4 nghiệp vụ	100	100	5%
Tổng điểm số			94,6	91	

Phụ lục II - Bảng chỉ tiêu tài chính theo quy chế Camel

Chỉ tiêu Tài chính theo CAMEL	Áp điểm				Trọng số
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	
C1 = VCSH/TTS	77,2%	57,8%	100	80	10%
C2 = VCSH/VPĐ	566,0%	564,1%	100	100	10%
C3= TL vốn khả dụng	678,0%	738,0%	100	100	10%
A1 = Tỷ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	89,84%	92,79%	80	100	5%
A2 = Tỷ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	5,6%	4,3%	50	80	10%
A3= Tỷ lệ các khoản phải thu/TTS	1,5%	1,0%	100	100	10%
E1= LNST/Tổng doanh thu	25,3%	18,9%	100	70	10%
E2= LNST/VCSH bình quân	7,5%	6,1%	70	70	10%
L1= Tỷ lệ TSNH/Nợ NH	355,3%	278,6%	100	100	15%
L2=tỷ lệ tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	44,5%	50,9%	100	100	10%
Điểm cho yếu tố TC			91	90	70%
Điểm cho yếu tố QT			94,6	91	30%
Tổng			92,08	90,3	

Kết luận: Xếp loại A
Tổng điểm số Công ty xếp loại A (80~100) và không có điểm yếu tố dưới 65

06

Báo cáo tài chính & Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

196 Báo cáo tài chính
282 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.692.152.042.464 VND.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám Đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2016
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

Báo cáo của hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 03 năm 2019

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60758149/20378388

Kính gửi: **Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2071-2018-004-1



Nguyễn Văn Trung
Chủ nhiệm kiểm toán
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
3847-2016-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.547.076.962.053	1.740.895.200.763
110	I. Tài sản tài chính		2.544.928.394.217	1.739.579.063.830
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	465.849.247.326	10.261.178.967
111.1	1.1. Tiền		465.849.247.326	10.261.178.967
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	252.425.875.043	181.752.087.610
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	51.600.000.002	136.889.897.791
114	4. Các khoản cho vay	7.4	1.682.728.337.545	1.334.716.373.393
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	128.006.432.497	110.657.452.497
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(65.169.527.850)	(67.944.728.883)
117	7. Các khoản phải thu	8	20.925.796.544	10.486.522.115
117.2	7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		20.925.796.544	10.486.522.115
117.4	7.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		20.925.796.544	10.486.522.115
118	8. Trả trước cho người bán	8	6.514.867.194	6.821.181.789
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	6.415.254.928	4.377.685.224
122	10. Các khoản phải thu khác	8	11.615.840.687	27.462.643.026
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(15.983.729.699)	(15.901.229.699)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	2.148.567.836	1.316.136.933
131	1. Tạm ứng		200.751.380	514.547.275
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		388.072.553	212.376.870
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.559.743.903	571.512.788
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	17.700.000

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		380.084.227.603	458.059.245.909
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		306.216.244.096	374.219.253.495
212	1. Các khoản đầu tư		333.532.709.546	402.029.253.495
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3	142.759.886.546	212.817.544.895
212.4	1.2. Đầu tư dài hạn khác	7.2	190.772.823.000	189.211.708.600
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	(27.316.465.450)	(27.810.000.000)
220	II. Tài sản cố định		16.648.055.291	14.135.215.848
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.126.988.253	11.280.768.544
222	1.1. Nguyên giá		40.799.362.388	34.689.380.288
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(26.672.374.135)	(23.408.611.744)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.521.067.038	2.854.447.304
228	2.1. Nguyên giá		14.019.651.090	13.542.101.090
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(11.498.584.052)	(10.687.653.786)
250	III. Tài sản dài hạn khác		57.219.928.216	69.704.776.566
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.169.613.567	1.152.476.115
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	36.050.314.649	47.393.820.391
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	20.000.000.000	21.158.480.060
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.927.161.189.656	2.198.954.446.672

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.235.009.147.192	500.850.839.962
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		914.347.334.930	490.044.251.418
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		129.900.000	89.985.675.489
312	1.1. Vay ngắn hạn	14	129.900.000	89.985.675.489
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	3.700.362.817	3.786.996.811
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	2.622.604.004	10.713.515.474
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	2.771.000.000	2.961.300.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		8.099.520.084	14.357.264.044
323	6. Phải trả người lao động		43.691.980.762	48.317.200.787
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		967.203.941	909.202.166
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.082.283.353	3.348.624.774
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19	551.293.643.777	95.975.685.774
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.061.490.456	5.893.515.403
332	11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	20	160.157.245.736	213.795.270.696
340	II. Nợ phải trả dài hạn		320.661.812.262	10.806.588.544
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	312.922.170.663	-
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	7.739.641.599	10.806.588.544

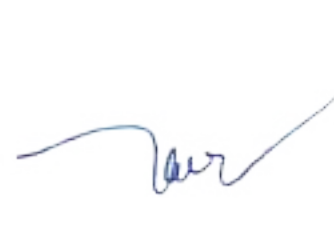
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
410	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	1.692.152.042.464	1.698.103.606.710
411	I. Vốn chủ sở hữu		1.692.152.042.464	1.698.103.606.710
411.1	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1a	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000
318	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	30	23.148.061.854	25.455.682.334
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		36.121.049.159	29.538.463.475
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		36.121.049.159	29.538.463.475
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		264.666.028.072	281.475.143.206
417.1	5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		294.233.027.901	282.922.223.792
417.2	5.2. Lỗ sau thuế chưa thực hiện		(29.566.999.829)	(1.447.080.586)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.927. 161.189.656	2.198.954.446.672

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	3. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của CTCK (VND)	23.1	205.698.370.000	140.592.400.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	23.2	3.000.040.000	3.000.000.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	23.3	2.213.300.000	3.291.200.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	23.4	174.686.470.000	184.357.310.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	23.5	24.918.883.010.000	30.439.112.740.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)		24.019.054.660.000	29.358.257.520.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)		279.960.730.000	285.180.700.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)		312.755.540.000	614.951.120.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND)		92.969.860.000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)		214.142.220.000	180.723.400.000

022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	23.6	205.695.930.000	38.277.500.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)		2.146.660.000	14.209.440.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)		203.549.270.000	24.068.060.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		221.116.530.000	266.557.800.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		1.809.322.700.000	2.149.322.700.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng (VND)		799.756.495.843	737.314.588.699
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.7	558.187.678.624	415.638.533.838
028	b. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	23.7	235.604.670.445	318.869.139.597
030	c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		5.964.146.774	2.806.915.264
	6. Phải trả khách hàng (VND)		799.756.495.843	737.314.588.699
031	a. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.8	734.555.769.517	725.721.558.367
031.1	- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		733.215.022.591	724.601.017.157
031.2	- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		1.340.746.926	1.120.541.210
032	b. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		6.352.246.425	3.158.667.760
035	c. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		58.848.479.901	8.434.362.572


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

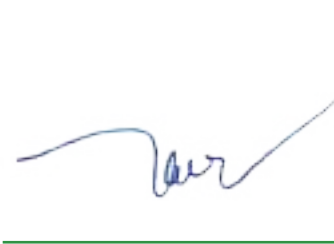
Báo cáo kết quả
hoạt động tổng hợp

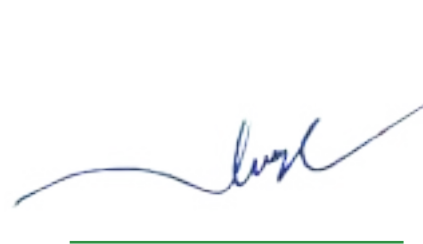
B02-CTCK
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		141.259.273.145	81.779.493.880
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	37.337.826.892	25.057.335.332
01.2	1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	83.596.850.159	50.713.577.870
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	20.324.596.094	6.008.580.678
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	24.3	20.869.796.639	29.880.397.299
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.3	168.791.290.501	122.540.135.817
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24.3	4.917.148.400	3.697.793.500
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	24.4	171.589.919.323	207.668.059.443
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	24.4	279.843.553	925.710.277
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	24.4	6.518.202.269	5.986.672.222
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	24.4	7.329.571.942	8.401.798.160
11	9. Thu nhập hoạt động khác	24.4	1.399.358.598	1.164.102.440
20	Cộng doanh thu hoạt động		522.954.404.370	462.044.163.038
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(150.518.432.512)	(44.082.827.092)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	(36.311.621.285)	(5.492.786.321)
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(114.206.811.227)	(38.590.040.771)
24	2. Hoàn nhập/(chi phí) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	25	3.268.735.583	(6.041.989.254)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(2.161.594.969)	(2.295.554.458)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(140.758.429.249)	(160.302.053.435)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(14.455.212.614)	(12.631.941.177)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(8.908.412.506)	(7.279.724.951)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác		(8.599.965.543)	(7.848.857.899)
40	Cộng chi phí hoạt động		(322.133.311.810)	(240.482.948.266)

III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		24.624.943.372	21.636.398.678
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		24.624.943.372	21.636.398.678
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	(2.886.781)
52	2. Chi phí lãi vay	26	(27.617.501.931)	(8.407.790.912)
60	Cộng chi phí tài chính		(27.617.501.931)	(8.410.677.693)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	27	(75.088.804.928)	(81.579.373.558)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		122.739.729.073	153.207.562.199
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác	28	214.282.701	111.862.727
72	2. Chi phí khác	28	(474.040.000)	(895.933.297)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(259.757.299)	(784.070.570)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		122.479.971.774	152.423.491.629
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		153.089.932.842	140.299.954.530
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(30.609.961.068)	12.123.537.099
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	29	(18.948.177.341)	(29.978.875.208)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(21.438.219.166)	(27.419.673.063)
100.2	2. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại		2.490.041.825	(2.559.202.145)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		103.531.794.433	122.444.616.421
300	XI. (LỖ)/THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	31	(2.307.620.480)	13.466.983.680
301	1. (Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(2.307.620.480)	13.466.983.680
400	Tổng (lỗ)/thu nhập toàn diện		(2.307.620.480)	13.466.983.680
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	32.2	1.741	1.479


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

B03-CTCK
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

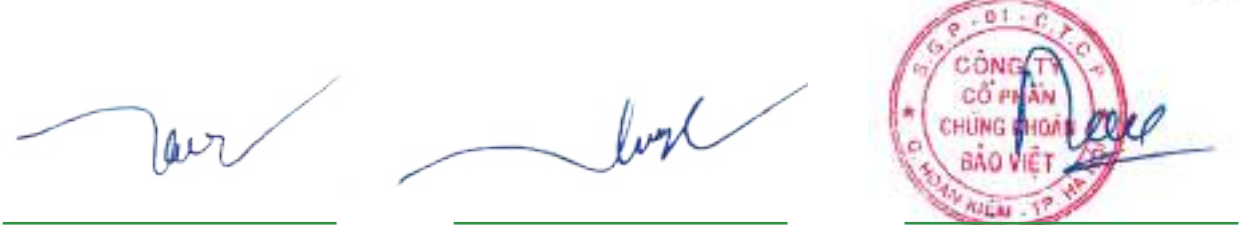
Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	(57.014.488.834.403)	(58.102.204.690.340)	
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	56.712.306.950.318	57.867.051.115.582	
04	3. Cổ tức đã nhận	21.040.800.394	13.402.684.888	
05	4. Tiền lãi đã thu	194.655.338.969	154.239.650.373	
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	(636.412.292)	(1.276.683.886)	
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	(43.217.102.054)	(47.030.695.911)	
08	7. Tiền chi trả cho người lao động	(121.649.582.102)	(106.283.397.041)	
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	(91.679.452.289)	(97.061.294.276)	
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	18.061.626.056.390	11.166.217.014.082	
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(17.535.416.467.276)	(10.909.230.957.718)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	182.541.295.655	(62.177.254.247)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	(7.347.764.874)	(2.479.974.321)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	-	32.909.091	
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(7.347.764.874)	(2.447.065.230)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay gốc	1.530.324.971.568	3.993.961.173.141	
33.2	1.1. Tiền vay khác	1.530.324.971.568	3.993.961.173.141	
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.199.710.521.345)	(3.926.525.746.124)	
34.3	2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	(1.199.710.521.345)	(3.926.525.746.124)	
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(50.219.912.645)	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	280.394.537.578	67.435.427.017	
50	IV. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM	455.588.068.359	2.811.107.540	
60	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	10.261.178.967	7.450.071.427
61	Tiền		10.261.178.967	7.450.071.427
70	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	465.849.247.326	10.261.178.967
71	Tiền		465.849.247.326	10.261.178.967

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		82.942.739.057.445	90.926.025.235.726
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(74.717.203.711.766)	(87.383.343.088.287)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		45.093.144.497.506	39.642.796.695.878
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(5.762.773.996)	(5.315.848.846)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		5.713.428.788.648	3.932.486.212.957
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(5.712.837.009.700)	(3.929.650.140.015)
	7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		79.175.811.272.517	85.619.788.341.071
	8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		(132.426.878.213.510)	(128.548.280.310.105)
20	Tăng tiền thuần trong năm		62.441.907.144	254.507.098.379
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
30				
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		737.314.588.699	482.807.490.320
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.7	415.638.533.838	160.686.058.057
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		318.869.139.597	308.360.826.219
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.806.915.264	13.760.606.044
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				
40				
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		799.756.495.843	737.314.588.699
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.7	558.187.678.624	415.638.533.838
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	23.7	235.604.670.445	318.869.139.597
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		5.964.146.774	2.806.915.264



Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Báo cáo tình hình biến động
vốn chủ sở hữu tổng hợp

B04-CTCK
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

		Số đầu năm		Số tăng/ (giảm)				Số cuối năm	
				Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 20m17		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018			
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 01/01/2017	Ngày 01/01/2018	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220	-	-	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)	-	-	-	-	(496.682.500)	(496.682.500)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		23.894.449.402	29.538.463.475	5.644.014.073	-	6.582.585.684	-	29.538.463.475	36.121.049.159
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		23.894.449.402	29.538.463.475	5.644.014.073	-	6.582.585.684	-	29.538.463.475	36.121.049.159
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	31	11.988.698.654	25.455.682.334	21.815.503.680	(8.348.520.000)	17.363.384.960	(19.671.005.440)	25.455.682.334	23.148.061.854
5. Lợi nhuận chưa phân phối		175.811.433.817	281.475.143.206	140.989.895.218	(35.326.185.829)	131.651.713.676	(148.460.828.810)	281.475.143.206	264.666.028.072
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		168.277.570.560	282.922.223.792	131.425.560.264	(16.780.907.032)	131.651.713.676	(120.340.909.567)	282.922.223.792	294.233.027.901
5.2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện		7.533.863.257	(1.447.080.586)	9.564.334.954	(18.545.278.797)	-	(28.119.919.243)	(1.447.080.586)	(29.566.999.829)
TỔNG CỘNG		1.567.684.885.495	1.698.103.606.710	174.093.427.044	(43.674.705.829)	162.180.270.004	(168.131.834.250)	1.698.103.606.710	1.692.152.042.464
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	31	11.988.698.654	25.455.682.334	21.815.503.680	(8.348.520.000)	17.363.384.960	(19.671.005.440)	25.455.682.334	23.148.061.854
5.3. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.988.698.654	25.455.682.334	21.815.503.680	(8.348.520.000)	17.363.384.960	(19.671.005.440)	25.455.682.334	23.148.061.854


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch Kim Mã (Hà Nội)	Tầng 2, tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.692.152.042.464 VND, tổng tài sản là 2.927.161.189.656 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Cơ sở trình bày

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính tổng hợpgiữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính tổng hợp quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính tổng hợp của Trụ sở chính Công ty và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015. Công ty cũng lập báo cáo tài chính của riêng Trụ sở chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán việt nam

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a. Các khoản cho vay và phải thu;
- b. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến năm (5) năm vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động tổng hợp trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Trái phiếu phát hành

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Toàn bộ các khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại Công ty được hạch toán trực tiếp vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm

Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	465.849.247.326	10.261.178.967
Tiền mặt tại quỹ	390.336.005	520.283.114
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	465.458.911.321	9.740.895.853
TỔNG CỘNG	465.849.247.326	10.261.178.967

Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty		
Cổ phiếu	86.576.872	2.378.197.399.515
Trái phiếu	283.554.628	29.443.926.507.101
Chứng khoán khác	3.219.380	52.136.181.420
	373.350.880	31.874.260.088.036
Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	5.172.636.725	97.114.169.988.606
Trái phiếu	769.478.565	96.642.341.921.039
Chứng khoán khác	4.224.670	66.270.252.220
	5.946.339.960	193.822.782.161.865

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	216.907.980.663	191.652.744.640	147.823.875.539	147.524.716.510
TIX	30.661.299.730	27.140.346.000	27.645.724.730	32.021.615.000
TMT	28.000.153.500	25.732.045.950	153.500	44.500
VTV	-	-	21.710.000.000	20.800.000.000
TCD	-	-	34.000.000.000	35.400.000.000
Khác	158.246.527.433	138.780.352.690	64.467.997.309	59.303.057.010
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.482.680	1.351.130.403	10.495.991.445	5.187.371.100
PVO	3.318.480.000	1.206.720.000	6.600.000.000	2.400.000.000
GEX	-	-	2.589.994.545	2.638.010.000
Khác	1.303.002.680	144.410.403	1.305.996.900	149.361.100
Chứng chỉ quỹ	28.510.785.394	29.422.000.000	20.436.633.252	29.040.000.000
E1VFN30	18.510.785.394	17.172.000.000	10.436.633.252	16.180.000.000
FUESSV50	10.000.000.000	12.250.000.000	10.000.000.000	12.860.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	280.040.248.737	252.425.875.043	178.756.500.236	181.752.087.610

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND
NGẮN HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	16.576.432.682	36.842.790.000	36.842.790.000	16.576.432.682	40.334.810.000	40.334.810.000
Chứng chỉ quỹ	16.576.432.682	36.842.790.000	36.842.790.000	16.576.432.682	40.334.810.000	40.334.810.000
VFMVF1	16.576.432.682	36.842.790.000	36.842.790.000	16.576.432.682	40.334.810.000	40.334.810.000
Ghi nhận theo giá gốc	91.163.642.497	91.163.642.497	43.950.155.786	70.322.642.497	70.322.642.497	17.269.360.485
Đầu tư tự doanh khác	18.808.314.253	18.808.314.253	-	18.892.314.253	18.892.314.253	-
Cổ phiếu	72.355.328.244	72.355.328.244	43.950.155.786	51.430.328.244	51.430.328.244	17.269.360.485
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	24.000.000.000	24.000.000.000	7.083.375.000	24.000.000.000	24.000.000.000	1.271.400.000
Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLAND	28.800.000.000	28.800.000.000	24.144.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần dược trung ương Mediplantex	-	-	-	7.875.000.000	7.875.000.000	4.129.650.000
Khác	19.555.328.244	19.555.328.244	12.722.780.786	19.555.328.244	19.555.328.244	11.868.310.485
TỔNG CỘNG	107.740.075.179	128.006.432.497	80.792.945.786	86.899.075.179	110.657.452.497	57.604.170.485

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính (Tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (Tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND
DÀI HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	92.000.000.000	100.668.720.000	100.668.720.000	106.150.483.000	114.211.708.600	114.211.708.600
Cổ phiếu	-	-	-	14.150.483.000	14.953.228.600	14.953.228.600
Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí toàn cầu (GPINVEST)	-	-	-	14.150.483.000	14.953.228.600	14.953.228.600
Chứng chỉ quỹ	92.000.000.000	100.668.720.000	100.668.720.000	92.000.000.000	99.258.480.000	99.258.480.000
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)	80.000.000.000	87.965.520.000	87.965.520.000	80.000.000.000	85.315.680.000	85.315.680.000
Quỹ đầu tư triển vọng Bảo Việt (BVPF)	12.000.000.000	12.703.200.000	12.703.200.000	12.000.000.000	13.942.800.000	13.942.800.000
Ghi nhận theo giá gốc	90.104.103.000	90.104.103.000	62.787.637.550	75.000.000.000	75.000.000.000	47.190.000.000
Cổ phiếu	90.104.103.000	90.104.103.000	62.787.637.550	75.000.000.000	75.000.000.000	47.190.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí toàn cầu (GPINVEST)	14.150.483.000	14.150.483.000	11.738.980.800	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	75.953.620.000	75.953.620.000	51.048.656.750	75.000.000.000	75.000.000.000	47.190.000.000
TỔNG CỘNG	182.104.103.000	190.772.823.000	163.456.357.550	181.150.483.000	189.211.708.600	161.401.708.600

(*): Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
1. Tiền gửi có kỳ hạn	51.600.000.002	115.709.683.337
1.1. Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	51.600.000.002	115.709.683.337
2. Trái phiếu niêm yết	-	21.180.214.454
2.1. Trái phiếu Chính phủ	-	21.180.214.454
TỔNG CỘNG	51.600.000.002	136.889.897.791
Dài hạn		
1. Trái phiếu niêm yết	52.502.619.425	52.506.267.789
1.1. Trái phiếu Chính phủ	52.502.619.425	52.506.267.789
2. Trái phiếu chưa niêm yết	90.257.267.121	160.311.277.106
2.1. Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	90.257.267.121	90.261.587.034
2.2. Trái phiếu Doanh nghiệp	-	70.049.690.072
TỔNG CỘNG	142.759.886.546	212.817.544.895

Các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay margin	1.452.056.655.240	1.116.594.118.657
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	230.671.682.305	218.122.254.736
TỔNG CỘNG	1.682.728.337.545	1.334.716.373.393

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các loại tài sản tài chính (Tiếp theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	Số đầu năm				Số tăng/ (giảm)			
		Chênh lệch đánh giá năm nay				Chênh lệch đánh giá năm trước		
CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
Tài sản tài chính FVTPL								
Ngắn hạn	280.040.248.737	9.763.130.675	(37.377.504.369)	252.425.875.043	178.756.500.236	22.213.339.800	(19.217.752.426)	181.752.087.610
Cổ phiếu niêm yết	216.907.980.663	7.511.785.775	(32.767.021.798)	191.652.744.640	147.823.875.539	13.560.399.501	(13.859.558.530)	147.524.716.510
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.482.680	1.344.900	(3.271.697.177)	1.351.130.403	10.495.991.445	49.573.551	(5.358.193.896)	5.187.371.100
Chứng chỉ quỹ niêm yết	28.510.785.394	2.250.000.000	(1.338.785.394)	29.422.000.000	20.436.633.252	8.603.366.748	-	29.040.000.000
Trái phiếu	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	280.040.248.737	9.763.130.675	(37.377.504.369)	252.425.875.043	178.756.500.236	22.213.339.800	(19.217.752.426)	181.752.087.610
Tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Ngắn hạn	16.576.432.682	20.266.357.318	-	36.842.790.000	16.576.432.682	23.758.377.318	-	40.334.810.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	20.266.357.318	-	36.842.790.000	16.576.432.682	23.758.377.318	-	40.334.810.000
Dài hạn	92.000.000.000	8.668.720.000	-	100.668.720.000	106.150.483.000	8.061.225.600	-	114.211.708.600
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	14.150.483.000	802.745.600	-	14.953.228.600
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	92.000.000.000	8.668.720.000	-	100.668.720.000	92.000.000.000	7.258.480.000	-	99.258.480.000
TỔNG CỘNG	108.576.432.682	28.935.077.318	-	137.511.510.000	122.726.915.682	31.819.602.918	-	154.546.518.600

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	65.169.527.850	67.944.728.883
Các khoản cho vay	17.956.041.139	14.891.446.871
- Cho vay margin	17.956.041.139	14.891.446.871
Các tài sản tài chính AFS	47.213.486.711	53.053.282.012
- Đầu tư tự doanh khác	18.808.314.253	18.892.314.253
- Cổ phiếu	28.405.172.458	34.160.967.759
Dài hạn	27.316.465.450	27.810.000.000
Các tài sản tài chính AFS	27.316.465.450	27.810.000.000
- Cổ phiếu-	27.316.465.450	27.810.000.000
TỔNG CỘNG	92.485.993.300	95.754.728.883

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

STT	LOẠI TSTC	Số lượng	Số đầu năm		Giá trị lập dự phòng năm nay (VND)	Giá trị lập dự phòng năm trước (VND)	Mức (trích lập) / hoàn nhập năm nay (VND)
			Giá số sách kế toán (VND)	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND)			
I	HTM		194.359.886.548	208.512.764.432	-	-	-
1	Trái phiếu	1.400.000	142.759.886.546	156.752.972.718	-	-	-
	Trái phiếu chính phủ	500.000	52.502.619.425	62.688.556.359	-	-	-
	Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	900.000	90.257.267.121	94.064.416.359	-	-	-
2	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn		51.600.000.002	51.759.791.714	-	-	-
II	Các khoản cho vay		1.682.728.337.545	1.664.772.296.406	(17.956.041.139)	(14.891.446.871)	(3.064.594.268)
	Cho vay margin (Thuyết minh 25)		1.452.056.655.240	1.434.100.614.101	(17.956.041.139)	(14.891.446.871)	(3.064.594.268)
	Cho vay ứng trước		230.671.682.305	230.671.682.305	-	-	-
III	AFS	14.781.403	181.267.745.497	106.737.793.336	(74.529.952.161)	(80.863.282.012)	6.333.329.851
1	Ngắn hạn	7.055.627	91.163.642.497	43.950.155.786	(47.213.486.711)	(53.053.282.012)	5.839.795.301
	Đầu tư tự doanh khác	-	18.808.314.253	-	(18.808.314.253)	(18.892.314.253)	84.000.000
	Cổ phiếu	7.055.627	72.355.328.244	43.950.155.786	(28.405.172.458)	(34.160.967.759)	5.755.795.301
	Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	975.000	24.000.000.000	7.083.375.000	(16.916.625.000)	(22.728.600.000)	5.811.975.000
	Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLAND	4.800.000	28.800.000.000	24.144.000.000	(4.656.000.000)	-	(4.656.000.000)
	Khác	1.280.627	19.555.328.244	12.722.780.786	(6.832.547.458)	(11.432.367.759)	4.599.820.301
2	Dài hạn	7.725.776	90.104.103.000	62.787.637.550	(27.316.465.450)	(27.810.000.000)	493.534.550
	Cổ phiếu	7.725.776	90.104.103.000	62.787.637.550	(27.316.465.450)	(27.810.000.000)	493.534.550
	Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	6.095.362	75.953.620.000	51.048.656.750	(24.904.963.250)	(27.810.000.000)	2.905.036.750
	Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí toàn cầu (GPINVEST)	1.630.414	14.150.483.000	11.738.980.800	(2.411.502.200)	-	(2.411.502.200)
	TỔNG CỘNG		2.058.355.969.590	1.980.022.854.174	(92.485.993.300)	(95.754.728.883)	3.268.735.583

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và trả trước cho người bán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	20.925.796.544	10.486.522.115
- Cổ tức	4.556.619.400	353.779.300
- Dự thu lãi tiền gửi	-	2.193.622.705
- Dự thu lãi margin	16.369.177.144	7.939.120.110
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6.415.254.928	4.377.685.224
Phải thu khác	11.615.840.687	27.462.643.026
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	(15.983.729.699)	(15.901.229.699)
	22.973.162.460	26.425.620.666
Trả trước cho người bán	6.514.867.194	6.821.181.789
- Công ty TNHH kỹ thuật sáng tạo (Innotech)	1.404.480.000	1.404.480.000
- Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000
- Công ty TNHH Religare Technova Global Solutions Việt Nam	1.447.875.000	1.447.875.000
- Khác	862.512.194	1.168.826.789
TỔNG CỘNG	29.488.029.654	33.246.802.455

(*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 31.12.2018	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	15.983.729.699	15.901.229.699	82.500.000	-	15.983.729.699
Các khoản phải thu	11.735.854.699	11.653.354.699	82.500.000	-	11.735.854.699
Nguyễn Phương Nam	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Nguyễn Mạnh Giao	1.780.000.000	1.780.000.000	-	-	1.780.000.000
Hà Thanh Hải	1.685.000.000	1.685.000.000	-	-	1.685.000.000
Khác	4.270.854.699	4.188.354.699	82.500.000	-	4.270.854.699
Trả trước cho người bán	4.247.875.000	4.247.875.000	-	-	4.247.875.000
Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
Khác	1.447.875.000	1.447.875.000	-	-	1.447.875.000
TỔNG CỘNG	15.983.729.699	15.901.229.699	82.500.000	-	15.983.729.699

Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	200.751.380	514.547.275
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	388.072.553	212.376.870
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.559.743.903	571.512.788
- Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	472.253.636	417.823.784
- Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm	691.348.303	-
Khác	396.141.964	153.689.004
Ký quỹ ngắn hạn	-	17.700.000
TỔNG CỘNG	2.148.567.836	1.316.136.933

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Loại phải thu khó đòi	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2018	30.195.706.061	4.264.275.167	172.628.500	56.770.560	34.689.380.288
Mua trong năm	6.033.962.100	-	76.020.000	-	6.109.982.100
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	36.229.668.161	4.264.275.167	248.648.500	56.770.560	40.799.362.388
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2018	19.620.404.239	3.591.136.130	172.628.500	24.442.875	23.408.611.744
Khấu hao trong năm	3.034.532.213	189.939.289	20.367.369	18.923.520	3.263.762.391
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	22.654.936.452	3.781.075.419	192.995.869	43.366.395	26.672.374.135
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2018	10.575.301.822	673.139.037	-	32.327.685	11.280.768.544
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	13.574.731.709	483.199.748	55.652.631	13.404.165	14.126.988.253

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 21.060.645.266 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 19.651.380.466 VND).

Tài sản cố định hữu hình

	Phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2018	10.574.312.834	2.967.788.256	13.542.101.090
Tăng trong năm	477.550.000	-	477.550.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	11.051.862.834	2.967.788.256	14.019.651.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2018	7.719.865.530	2.967.788.256	10.687.653.786
Hao mòn trong năm	810.930.266	-	810.930.266
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	8.530.795.796	2.967.788.256	11.498.584.052
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2018	2.854.447.304	-	2.854.447.304
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.521.067.038	-	2.521.067.038

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 10.470.716.440 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 10.470.716.440 VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê tòa nhà	28.289.119.938	37.718.826.594
Chi phí vật dụng văn phòng	2.351.650.457	3.282.576.491
Chi phí cải tạo văn phòng	4.282.694.730	6.252.534.435
Chi phí phát hành trái phiếu	1.018.655.567	-
Khác	108.193.957	139.882.871
TỔNG CỘNG	36.050.314.649	47.393.820.391

Chi phí trả trước dài hạn

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số đầu năm VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	21.147.619.087
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.147.619.087)
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.158.480.060
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	21.158.480.060
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.158.480.060)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	20.000.000.000

Vay ngắn hạn

	Lãi suất vay	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay thấu chi	6,8%	89.985.675.489	697.104.420.883	737.190.096.372	49.900.000.000
Vay ngắn hạn	7,5%	-	142.000.000.000	62.000.000.000	80.000.000.000
		89.985.675.489	839.104.420.883	799.190.096.372	129.900.000.000

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	3.019.395.567	3.178.869.703
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	680.967.250	608.127.108
TỔNG CỘNG	3.700.362.817	3.786.996.811

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 32.1)	464.497.916	1.735.158.530
Công ty CP giải pháp phần mềm Tài chính	779.933.200	-
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	1.054.655.820	7.769.377.283
Đối tượng khác	323.517.068	1.208.979.661
TỔNG CỘNG	2.622.604.004	10.713.515.474

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân	5.550.054.678	56.108.070.118	(57.329.247.968)	4.328.876.828
	- Của nhân viên Công ty	1.590.826.691	11.300.406.039	(11.888.118.008)	1.003.114.722
	- Của nhà đầu tư cá nhân	3.959.227.987	44.807.664.079	(45.441.129.960)	3.325.762.106
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 29.1)	8.027.075.760	21.438.219.166	(26.414.419.232)	3.050.875.694
3	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	186.023.442	867.703.070	(812.627.997)	241.098.515
4	Các loại thuế khác	594.110.164	7.007.715.975	(7.123.157.092)	478.669.047
TỔNG CỘNG		14.357.264.044	85.421.708.329	(91.679.452.289)	8.099.520.084

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí giới thiệu khách hàng	321.438.297	572.808.886
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài	4.206.896.928	2.775.815.888
Trích trước lãi vay tổ chức tài chính	553.948.128	-
	5.082.283.353	3.348.624.774

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giao dịch phải trả chờ xử lý tại Ngân hàng vào thời điểm cuối ngày	-	94.769.031.070
Đặt cọc môi giới trái phiếu	500.000.000.000	-
Phải trả cổ tức cho chủ sở hữu	50.245.777.925	-
Phải trả khác	1.047.865.852	1.206.654.704
	551.293.643.777	95.975.685.774

Giao dịch mua bán lại trái phiếu

	Số đầu năm VND	Bán trong năm VND	Mua lại trong năm VND	Chi phí repo đã phân bổ trong năm VND	Số cuối năm VND	Mệnh giá trái phiếu repo tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Giao dịch mua bán lại trái phiếu với các Tổ chức Tín dụng	123.552.626.740	391.220.550.685	(364.338.465.696)	9.722.534.007	160.157.245.736	140.000.000.000
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ với doanh nghiệp khác	90.242.643.956	-	(93.680.100.000)	3.437.456.044	-	-
	213.795.270.696	391.220.550.685	(458.018.565.696)	13.159.990.051	160.157.245.736	140.000.000.000

(*) Bao gồm các khoản phải trả repo đối với các trái phiếu mà Công ty đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng và chịu lãi suất từ 3%/năm đến 8,2%/năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trái phiếu phát hành dài hạn

Trái phiếu phát hành dài hạn bao gồm 3.000.000 trái phiếu BVSC_BOND_2018 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu (tổng cộng mệnh giá 300.000.000.000 VND), đang được ghi nhận theo giá trị phân bổ là 312.922.170.663 VND trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi do Công ty phát hành vào tháng 6 năm 2018 theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. Trái phiếu có kỳ hạn hai (2) năm được phát hành dưới hình thức có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất cố định 8,5%/năm. Trái phiếu do Công ty phát hành được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng đối với dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	29.538.463.475	29.538.463.475	25.455.682.334	281.475.143.206	1.698.103.606.710
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(101.080.203.000)	(101.080.203.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	6.582.585.684	6.582.585.684	-	(13.165.171.368)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018	-	-	-	-	-	-	(6.095.535.199)	(6.095.535.199)
Đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	(2.307.620.480)	-	(2.307.620.480)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	103.531.794.433	103.531.794.433
TỔNG CỘNG	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	36.121.049.159	36.121.049.159	23.148.061.854	264.666.028.072	1.692.152.042.464

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Số lượng cổ phần (*) Đơn vị	Giá trị (*) VND	Tỷ lệ sở hữu VND
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
	72.200.145	722.001.450.000	100,0%

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	33.792	33.792
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	72.200.145	72.200.145

Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	202.839.450.000	134.937.600.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.105.620.000	152.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.753.300.000	5.502.800.000
TỔNG CỘNG	205.698.370.000	140.592.400.000

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	3.000.040.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.040.000	3.000.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	2.213.300.000	3.291.200.000
	2.213.300.000	3.291.200.000

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	72.686.470.000	82.357.310.000
Chứng chỉ quỹ	102.000.000.000	102.000.000.000
TỔNG CỘNG	174.686.470.000	184.357.310.000

Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	24.019.054.660.000	29.358.257.520.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	279.960.730.000	285.180.700.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	312.755.540.000	614.951.120.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	92.969.860.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	214.142.220.000	180.723.400.000
TỔNG CỘNG	24.918.883.010.000	30.439.112.740.000

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.146.660.000	14.209.440.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	203.549.270.000	24.068.060.000
TỔNG CỘNG	205.695.930.000	38.277.500.000

Tiền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	558.187.678.624	415.638.533.838
- Của Nhà đầu tư trong nước	545.908.007.029	403.740.663.376
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	12.279.671.595	11.897.870.462
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	235.604.670.445	318.869.139.597
TỔNG CỘNG	793.792.349.069	734.507.673.435

Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	733.215.022.591	724.601.017.157
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.340.746.926	1.120.541.210
TỔNG CỘNG	734.555.769.517	725.721.558.367

Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	2.783.270.970	1.273.400.340
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	349.507.676	348.854.663
TỔNG CỘNG	3.132.778.646	1.622.255.003

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động

Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	14.200.600		532.341.481.995	503.332.991.427	29.008.490.568	21.795.267.358
	ACB	160.000	38.600	6.176.000.000	6.064.063.918	111.936.082	3.017.010.568
	VCG	25.000	23.380	584.500.000	548.500.000	36.000.000	2.729.451.388
	BID	684.630	33.765	23.116.322.474	20.823.216.457	2.293.106.017	-
	MSN	400.730	82.100	32.899.933.000	32.296.887.000	603.046.000	2.285.410.542
	PNJ	710.860	100.444	71.401.499.943	68.322.630.850	3.078.869.093	-
	TCD	2.200.000	17.455	38.401.000.000	33.990.922.693	4.410.077.307	-
	Khác	10.019.380		359.762.226.578	341.286.770.509	18.475.456.069	13.763.394.860
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.436.100		47.637.760.648	45.117.540.434	2.520.220.214	2.131.762.796
	MEDIPLANTEX	262.500	32.800	8.610.000.000	7.875.000.000	735.000.000	-
	POW	210.000	15.486	3.252.000.000	2.767.000.000	485.000.000	-
	PVO	248.600	17.680	4.395.260.648	3.281.520.000	1.113.740.648	-
	Khác	715.000		31.380.500.000	31.194.020.434	186.479.566	2.131.762.796
3	Chứng chỉ quỹ	148.770		2.760.646.000	1.870.756.743	889.889.257	893.456.509
	Chứng chỉ quỹ mở E1VFN30	148.770	18.556	2.760.646.000	1.870.756.743	889.889.257	893.456.509
4	Trái phiếu niêm yết	37.072.449		3.795.626.991.839	3.793.299.753.962	2.327.237.877	-
	Trái phiếu Chính phủ	300.000	116.876	35.062.800.000	35.053.800.000	9.000.000	-
	Trái phiếu Doanh nghiệp	36.772.449		3.760.564.191.839	3.758.245.953.962	2.318.237.877	-
5	Trái phiếu chưa niêm yết	102.084.815		10.584.637.755.287	10.582.045.766.311	2.591.988.976	236.848.669
	Trái phiếu Doanh nghiệp	102.084.815		10.584.637.755.287	10.582.045.766.311	2.591.988.976	236.848.669
		154.942.734		14.963.004.635.769	14.925.666.808.877	37.337.826.892	25.057.335.332

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu hoạt động (Tiếp theo)

Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	23.720.960		553.386.408.663	587.078.203.728	(33.691.795.065)	(5.434.338.896)
	C32	26.010	33.201	863.567.018	986.620.065	(123.053.047)	(704.672.350)
	PVD	371.220	16.926	6.283.401.712	6.600.374.108	(316.972.396)	(815.495.124)
	TRC	2.273.220	22.836	51.911.196.594	56.411.777.732	(4.500.581.138)	-
	Khác	21.050.510		494.328.243.339	523.079.431.823	(28.751.188.484)	(3.914.171.422)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	371.900		11.795.208.179	12.744.307.899	(949.099.720)	(58.447.425)
3	Chứng chỉ quỹ	1.010.920		15.157.859.174	16.748.505.674	(1.590.646.500)	-
	Chứng chỉ quỹ mở E1VFN30	1.010.920	14.994	15.157.859.174	16.748.505.674	(1.590.646.500)	-
4	Trái phiếu niêm yết	2.520.000		283.278.080.000	283.358.160.000	(80.080.000)	-
	VDB110016	1.000.000	116.408	116.408.000.000	116.429.000.000	(21.000.000)	-
	VDB110024	1.000.000	116.142	116.142.000.000	116.186.000.000	(44.000.000)	-
	TD1828113	520.000	97.554	50.728.080.000	50.743.160.000	(15.080.000)	-
		27.623.780		863.617.556.016	899.929.177.301	(36.311.621.285)	(5.492.786.321)

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động (Tiếp theo)

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
I	LOẠI FVTPL							
1	Cổ phiếu niêm yết	216.907.980.663	191.652.744.640	(25.255.236.023)	(249.850.964)	(25.005.385.059)	71.456.813.280	(96.462.198.339)
	TIX	30.661.299.730	27.140.346.000	(3.520.953.730)	4.375.890.270	(7.896.844.000)	18.045.330.000	(25.942.174.000)
	TCD	-	-	-	1.400.000.000	(1.400.000.000)	10.090.922.693	(11.490.922.693)
	Khác	186.246.680.933	164.512.398.640	(21.734.282.293)	(6.025.741.234)	(15.708.541.059)	43.320.560.587	(59.029.101.646)
2	Cổ phiếu UPCoM	4.621.482.680	1.351.130.403	(3.270.352.277)	(5.357.928.410)	2.087.576.133	4.018.085.420	(1.930.509.287)
	PVO	3.318.480.000	1.206.720.000	(2.111.760.000)	(4.200.000.000)	2.088.240.000	3.672.060.000	(1.583.820.000)
	Khác	1.303.002.680	144.410.403	(1.158.592.277)	(1.157.928.410)	(663.867)	346.025.420	(346.689.287)
3	Chứng chỉ quỹ niêm yết	28.510.785.394	29.422.000.000	911.214.606	8.603.366.748	(7.692.152.142)	8.121.951.459	(15.814.103.601)
	E1VFN30	18.510.785.394	17.172.000.000	(1.338.785.394)	5.743.366.748	(7.082.152.142)	4.161.951.459	(11.244.103.601)
	FUESSV50	10.000.000.000	12.250.000.000	2.250.000.000	2.860.000.000	(610.000.000)	3.960.000.000	(4.570.000.000)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	280.040.248.737	252.425.875.043	(27.614.373.694)	2.995.587.374	(30.609.961.068)	83.596.850.159	(114.206.811.227)
II	LOẠI AFS							
	Ngắn hạn	16.576.432.682	36.842.790.000	20.266.357.318	23.758.377.318	(3.492.020.000)	10.201.710.000	(13.693.730.000)
1	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	36.842.790.000	20.266.357.318	23.758.377.318	(3.492.020.000)	10.201.710.000	(13.693.730.000)
	VFMVF1	16.576.432.682	36.842.790.000	20.266.357.318	23.758.377.318	(3.492.020.000)	10.201.710.000	(13.693.730.000)
	Dài hạn	92.000.000.000	100.668.720.000	8.668.720.000	8.061.225.600	607.494.400	11.502.521.200	(10.895.026.800)
1	Cổ phiếu OTC	-	-	-	802.745.600	(802.745.600)	2.492.201.200	(3.294.946.800)
	GPINVEST	-	-	-	802.745.600	(802.745.600)	2.492.201.200	(3.294.946.800)
2	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	92.000.000.000	100.668.720.000	8.668.720.000	7.258.480.000	1.410.240.000	9.010.320.000	(7.600.080.000)
	BVIF	80.000.000.000	87.965.520.000	7.965.520.000	5.315.680.000	2.649.840.000	6.880.320.000	(4.230.480.000)
	BVPF	12.000.000.000	12.703.200.000	703.200.000	1.942.800.000	(1.239.600.000)	2.130.000.000	(3.369.600.000)
	TỔNG CỘNG	108.576.432.682	137.511.510.000	28.935.077.318	31.819.602.918	(2.884.525.600)	21.704.231.200	(24.588.756.800)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động (Tiếp theo)

Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	20.324.596.094	6.008.580.678
- Cổ phiếu	20.324.596.094	6.008.580.678
Từ tài sản tài chính HTM	20.869.796.639	29.880.397.299
- Trái phiếu	18.286.679.974	20.538.695.379
- Hợp đồng tiền gửi	2.583.116.665	9.341.701.920
Từ các khoản cho vay	168.791.290.501	122.540.135.817
- Cho vay margin	144.544.436.211	87.015.073.397
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	24.246.854.290	35.525.062.420
Từ tài sản tài chính AFS	4.917.148.400	3.697.793.500
- Cổ phiếu	4.917.148.400	3.697.793.500
TỔNG CỘNG	214.902.831.634	162.126.907.294

Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	171.589.919.323	207.668.059.443
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	279.843.553	925.710.277
Doanh thu lưu ký chứng khoán	6.518.202.269	5.986.672.222
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	7.329.571.942	8.401.798.160
Thu nhập hoạt động khác	1.399.358.598	1.164.102.440
- Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	245.960.286	171.363.304
- Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	497.082.302	161.699.954
- Doanh thu khác	656.316.010	831.039.182
TỔNG CỘNG	187.116.895.685	224.146.342.542

Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 7.7)	3.064.594.268	9.311.204.937
Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính AFS	(6.333.329.851)	(3.269.215.683)
TỔNG CỘNG	(3.268.735.583)	6.041.989.254

Chi phí lãi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	12.922.170.663	-
Chi phí phát hành trái phiếu	344.980.797	-
Chi phí lãi vay khác	14.350.350.471	8.407.790.912
TỔNG CỘNG	27.617.501.931	8.407.790.912

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	38.996.489.445	43.213.085.039
- Lương và các khoản phúc lợi	37.654.149.960	41.808.061.999
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.342.339.485	1.405.023.040
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	2.334.084.108	1.644.113.884
Chi phí vật tư văn phòng	439.235.944	301.700.749
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.526.159.718	649.183.869
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	3.883.206.992	1.742.425.509
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.575.241.631	4.789.241.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.817.483.564	24.409.563.314
Chi phí khác	4.516.903.526	4.830.060.092
TỔNG CỘNG	75.088.804.928	81.579.373.558

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Thu nhập và chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	214.282.701	111.862.727
Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	-	111.862.727
Thu nhập khác	214.282.701	-
Chi phí khác	(474.040.000)	(895.933.297)
Chi phí phạt vi phạm thuế	-	(82.068.402)
Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	-	(357.398.259)
Chi phí khác	(474.040.000)	(456.466.636)
TỔNG CỘNG	(259.757.299)	(784.070.570)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2017: 20%)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	122.479.971.774	152.423.491.629
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	3.621.134.268	10.232.771.979
Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm	12.450.209.125	-
Khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(25.241.744.494)	(9.706.374.178)
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(6.118.474.843)	(3.055.513.392)
Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm	-	(12.796.010.723)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	107.191.095.830	137.098.365.315
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.438.219.166	27.419.673.063
Thuế TNDN phải trả đầu năm	8.027.075.760	2.064.688.154
Thuế TNDN đã trả trong năm	(26.414.419.232)	(21.457.285.457)
TỔNG CỘNG	3.050.875.694	8.027.075.760

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	1.952.626.135	4.442.667.960	(2.490.041.825)	2.559.202.145
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	5.787.015.464	6.363.920.584	(576.905.120)	3.366.745.920
TỔNG CỘNG	7.739.641.599	10.806.588.544	(3.066.946.945)	5.925.948.065

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	38.698.207.993	54.032.942.718
Trong đó:		-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	9.763.130.675	22.213.339.800
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	28.935.077.318	31.819.602.918
THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ	7.739.641.599	10.806.588.544

Lũy kế thu nhập toàn diện khác

	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh VND	Số cuối năm VND
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	31.819.602.918	410.421.200	(3.294.946.800)	28.935.077.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(6.363.920.584)	(82.084.240)	658.989.360	(5.787.015.464)
	25.455.682.334	328.336.960	(2.635.957.440)	23.148.061.854

Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	17.363.384.960	21.815.503.680
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	17.363.384.960	21.815.503.680
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(17.035.048.000)	(8.348.520.000)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(17.035.048.000)	(8.348.520.000)
Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(2.635.957.440)	
TỔNG CỘNG	(2.307.620.480)	13.466.983.680

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Những thông tin khác

Nghệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội	Công ty thành viên (BVNT)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Công ty thành viên (BHBV)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Đơn vị cùng Tập đoàn

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập/ (Chi phí)	
		Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Bảo Việt	Phí lưu ký	318.730.318	99.924.769
	Phí giao dịch chứng khoán	294.475.794	274.018.900
	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	17.500.000	87.500.000
	Phí tư vấn	163.636.364	150.000.000
	Phí chi trả cổ tức, quản lý số cổ đông	88.000.000	88.000.000
	Thuê văn phòng	-	(3.583.004.335)
	Phí công nghệ thông tin	(2.396.523.021)	(3.139.140.806)
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Cổ tức đã trả	(30.296.835.100)	-
	Phí tư vấn và hỗ trợ quản lý cổ phiếu ESOP	150.000.000	-
	Phí tư vấn chuyển nhượng BV Resort	150.000.000	-
	Phí lưu ký	581.701.442	628.823.566
	Phí giao dịch chứng khoán	14.007.545.149	12.205.805.529
	Thuê văn phòng	(3.008.016.000)	(3.008.016.000)
	Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu	150.000.000	-
Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội	Thuê văn phòng	(498.000.000)	(498.000.000)
	Phí bảo hiểm An hưởng điền viên	(2.818.564.300)	(2.792.692.000)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí lưu ký	27.088.924	28.183.542
	Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu	150.000.000	-
	Phí giao dịch chứng khoán	1.250.267.927	1.466.496.052
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(1.089.864.842)	(1.002.777.090)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí lưu ký	249.845.694	232.673.443
	Phí giao dịch chứng khoán	63.788.360	79.266.231
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	(6.108.060.162)	(6.108.273.798)
	Tiền vé máy bay	(177.794.000)	-
	Phí dịch vụ quản lý tòa nhà	-	(916.178.162)
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức được nhận	4.000.000.000	-
	Phí giao dịch chứng khoán	1.166.237.056	917.858.486

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Những thông tin khác (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Số đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số cuối năm
Tập đoàn Bảo Việt	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	52.500.000	17.500.000	(70.000.000)	-
	Phí chi trả cổ tức và quản lý số cổ đông	88.000.000	88.000.000	(88.000.000)	88.000.000
	Dịch vụ công nghệ thông tin	(1.606.898.379)	3.320.378.676	(2.340.581.706)	(627.101.409)
	Nhận trả trước phí tư vấn và tổ chức chuyển nhượng vốn đầu tư	-	50.000.000	(100.000.000)	(50.000.000)
	Phí tư vấn và hỗ trợ quản lý cổ phiếu ESOP	-	165.000.000	(165.000.000)	-
	Phí tư vấn chuyển nhượng BV Resort	-	165.000.000	(165.000.000)	-
	Phí tư vấn	-	180.000.000	(180.000.000)	-
	Phải trả cổ tức	-	-	(30.296.835.100)	(30.296.835.100)
Bảo Việt nhân thọ Hà Nội	Thuê văn phòng 94 Bà Triệu	-	452.727.272	(452.727.272)	-
	Tiền điện 94 Bà Triệu	-	-	(14.279.078)	(14.279.078)
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Thuê văn phòng 11 Nguyễn Công Trứ	-	3.008.016.000	(3.008.016.000)	-
	Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu	-	165.000.000	(165.000.000)	-
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu	-	165.000.000	(165.000.000)	-
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên (Thuyết minh 16)	(334.259.030)	1.089.864.842	(1.144.768.718)	(389.162.906)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí lưu ký chứng khoán	229.005.033	246.176.404	(229.005.033)	246.176.404
Công ty Cổ phần đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	(1.400.899.500)	9.384.585.187	(7.983.685.687)	-
	Đặt cọc thuê nhà	462.596.640	-	-	462.596.640
	Tiền gửi xe và tiền điện (Thuyết minh 16)	-	-	(75.355.010)	(75.355.010)
	Tiền vé máy bay	-	-	(177.794.000)	(177.794.000)
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	Phải thu cổ tức	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc Công ty (*)	6.993.208.510	5.245.825.000
Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (**)	1.747.476.647	1.561.000.002
	8.740.685.157	6.806.825.002

(*) Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) thưởng hiệu quả của năm 2017 được chi trả trong năm 2018.

(**) Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm nay bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) thưởng hiệu quả của năm 2017 được chi trả trong năm 2018.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế - VND	103.531.794.433	122.444.616.421
Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế - VND	28.119.919.243	(9.564.334.954)
Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế - VND	131.651.713.676	112.880.281.467
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) – VND	(5.924.327.115)	(6.095.535.199)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	125.727.386.561	106.784.746.268
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.200.145
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	1.741	1.479

(*) Giá trị điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được Công ty ước tính bằng 5% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Những thông tin khác (Tiếp theo)

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	9.384.210.171	11.609.186.445
Trên 1 - 5 năm	8.166.284.500	16.107.656.142
TỔNG CỘNG	17.550.494.671	27.716.842.587

Cam kết thuê hoạt động

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư tài sản tài chính VND	Tư vấn và các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm nay				
Doanh thu bộ phận	371.804.199.018	167.046.218.184	8.728.930.540	547.579.347.742
Chi phí bộ phận	185.895.738.062	146.346.697.630	17.508.378.049	349.750.813.741
Chi phí phân bổ	50.984.999.866	22.906.818.789	1.196.986.273	75.088.804.928
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ	134.923.461.090	(2.207.298.235)	(9.976.433.782)	122.739.729.073
Năm trước				
Doanh thu bộ phận	358.756.976.437	115.357.684.679	9.565.900.600	483.680.561.716
Chi phí bộ phận	190.655.877.242	43.109.165.867	15.128.582.850	248.893.625.959
Chi phí phân bổ	60.509.294.178	19.456.658.787	1.613.420.593	81.579.373.558
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ	107.591.805.017	52.791.860.025	(7.176.102.843)	153.207.562.199

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợpvà báo cáo rủi ro tháng. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cần nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015. Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành vào ngày 17 tháng 03 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục cổ phiếu. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường cổ phiếu niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường cổ phiếu giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Những thông tin khác (Tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh (tiếp theo)

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2018, danh mục cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 21%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sản chứng khoán biến động +/-10%:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế VND
31 tháng 12 năm 2018		
Kịch bản 1	+10%	11.230.512.589
Kịch bản 2	-10%	(11.230.512.589)
31 tháng 12 năm 2017		
Kịch bản 1	+10%	3.785.346.670
Kịch bản 2	-10%	(3.785.346.670)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng được thực hiện tuân thủ theo hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy Công ty không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị Công ty. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác (Tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2018							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	194.359.886.548	-	-	-	-	-	194.359.886.548
Trái phiếu	142.759.886.546	-	-	-	-	-	142.759.886.546
Hợp đồng tiền gửi	51.600.000.002	-	-	-	-	-	51.600.000.002
Tài sản tài chính khác	1.708.453.502.919	-	-	-	265.099.514	196.470.000	1.708.915.072.433
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Phải thu cổ tức	4.556.619.400	-	-	-	-	-	4.556.619.400
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.683.728.274.520	-	-	-	-	196.470.000	1.683.924.744.520
Khác	168.608.999	-	-	-	265.099.514		433.708.513
Tiền và các khoản tương đương tiền	465.849.247.326	-	-	-	-	-	465.849.247.326
TỔNG CỘNG	2.368.662.636.793	-	-	-	265.099.514	196.470.000	2.369.124.206.307

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại Ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2017							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	349.707.442.686	-	-	-	-	-	349.707.442.686
Trái phiếu	233.997.759.349	-	-	-	-	-	233.997.759.349
Hợp đồng tiền gửi	115.709.683.337	-	-	-	-	-	115.709.683.337
Tài sản tài chính khác	1.363.116.948.591	-	-	-	438.657.967	2.812.274.100	1.366.367.880.658
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.158.480.060	-	-	-	-	-	21.158.480.060
Phải thu cổ tức	353.779.300	-	-	-	-	-	353.779.300
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.326.265.132.775	-	-	-	20.810.097	2.812.274.100	1.329.098.216.972
Khác	15.339.556.456	-	-	-	417.847.870	-	15.757.404.326
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.261.178.967	-	-	-	-	-	10.261.178.967
TỔNG CỘNG	1.723.085.570.244	-	-	-	438.657.967	2.812.274.100	1.726.336.502.311

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác (Tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty luôn duy trì ở trên 700%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ quy định 180%.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2018								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	466.675	65.244	24.000	106.350	54.350	-	716.619
Trái phiếu	-	-	12.000	24.000	106.350	54.350	-	196.700
Hợp đồng tiền gửi	-	-	53.244	-	-	-	-	53.244
Cổ phiếu	-	466.675	-	-	-	-	-	466.675
Tài sản tài chính khác	461	20.000	1.688.454	-	-	-	-	1.708.915
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.000	-	-	-	-	-	20.000
Phải thu cổ tức	-	-	4.557	-	-	-	-	4.557
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	196	-	1.683.729	-	-	-	-	1.683.925
Khác	265	-	168	-	-	-	-	433
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	465.849	-	-	-	-	465.849
TỔNG CỘNG	461	486.675	2.219.547	24.000	106.350	54.350	-	2.891.383
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	129.900	-	-	-	-	129.900
Trái phiếu phát hành	-	-	312.922	-	-	-	-	312.922
Chi phí phải trả	-	-	4.528	-	-	-	-	4.528
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	3.700	-	-	-	-	3.700
Khác	-	-	714.073	-	-	-	-	714.073
TỔNG CỘNG	-	-	1.165.123	-	-	-	-	1.165.123

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

B09-CTCK
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác (Tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại Ngày 31 tháng 12 năm 2017:

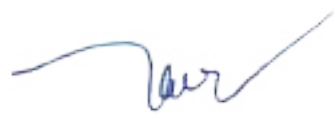
Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2017								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	427.914	223.816	24.000	106.350	58.700	-	840.780
Trái phiếu	-	-	107.123	24.000	106.350	58.700	-	296.173
Hợp đồng tiền gửi	-	-	116.693	-	-	-	-	116.693
Cổ phiếu	-	427.914	-	-	-	-	-	427.914
Tài sản tài chính khác	439	20.000	1.345.928	-	-	-	-	1.366.367
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.000	1.158	-	-	-	-	21.158
Phải thu cổ tức	-	-	354	-	-	-	-	354
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	21	-	1.329.077	-	-	-	-	1.329.098
Khác	418	-	15.339	-	-	-	-	15.757
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	10.261	-	-	-	-	10.261
TỔNG CỘNG	439	447.914	1.580.005	24.000	106.350	58.700	-	2.217.408
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	89.986	-	-	-	-	89.986
Chi phí phải trả	-	-	3.349	-	-	-	-	3.349
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	3.787	-	-	-	-	3.787
Khác	-	-	320.484	-	-	-	-	320.484
TỔNG CỘNG	-	-	417.606	-	-	-	-	417.606

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.692.152.042.464 VND.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2016
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công bố của ban tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 03 năm 2019

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60758149/20378388/ATTC

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 06 đến trang 29. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi là “các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh

trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2071-2018-004-1



Nguyễn Văn Trung
Chủ nhiệm kiểm toán
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
3847-2016-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Số Công văn: /2019/BVSC-TCKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Bà Vũ Thu Hòa
Phó phòng Pháp chế &
Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	89.796.264.997
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	37.615.237.574
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	82.291.641.927
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		209.703.144.498
5	Vốn khả dụng	7	1.547.704.511.794
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		738%

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Bà Vũ Thu Hòa
Phó phòng Pháp chế &
Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

STT	Tên Phòng giao dịch	Địa chỉ
1	Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3	Phòng giao dịch Kim Mã (Hà Nội)	Tầng 2, tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
4	Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
5	Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
6	Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
7	Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8	Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.692.152.042.464 VND, tổng tài sản là 2.927.161.189.656 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cơ sở trình bày

Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 87”). Thông tư 87 có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 và thay thế Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo. Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 87 chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu “ Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí ” (Khoản 2, Điều 8 – Giá trị rủi ro hoạt động, Thông tư 87/2017/TT-BTC)	Để xác định chính xác chỉ tiêu chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán chỉ tiêu an toàn tài chính, các chi phí phi tiền tệ phát sinh trong kỳ cần được trừ đi khỏi tổng chi phí. Theo đó, các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí bao gồm các chi phí sau: - Chi phí khấu hao; - Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, tài sản tài chính dài hạn và tài sản thế chấp; - Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu; - Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác; - Chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”).
2	Chỉ tiêu “ Rủi ro tăng thêm ” (Khoản 5, Điều 9 – Giá trị rủi ro thị trường, Thông tư 87)	Giá trị rủi ro thị trường điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thị trường của tài sản tiềm ẩn rủi ro thị trường (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.
3	Chỉ tiêu “ Rủi ro tăng thêm ” (Khoản 8, Điều 10 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 87)	Giá trị rủi ro thanh toán điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thanh toán của tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.

Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu

Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 87, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (Thuyết minh 3.2.1);
- Các khoản tăng thêm (Thuyết minh 3.2.2); và
- Vốn khác (nếu có).

Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngăn hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng giá trị thị trường của tài sản đảm bảo * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày, được tính bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

Vốn khả dụng (Tiếp theo)

Các khoản giảm trừ (Tiếp theo)

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với chỉ tiêu tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;

- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị thị trường của tài sản khi tính khoản điều chỉnh giảm phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 87.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;

- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 87;

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - » Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - » Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 87.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng, quỹ ETF là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ (“NAV”)/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định trong Thông tư 87.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0}
3	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng),0}
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của hợp đồng x (1- Hệ số rủi ro thị trường)),0}
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)-Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo),0}

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.2.1. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
		Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
2	Sau thời hạn nhận thanh toán	0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
		Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;

- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo thuyết minh 3.3.2

Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;

- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;

- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác và phần chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị rủi ro thị trường

		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
Các hạng mục đầu tư		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0	465.849.247.326	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		62.688.556.359	1.880.656.691
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	62.688.556.359	1.880.656.691
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		8	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		10	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		15	-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-

Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		25	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		30	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		35	30.000.000.000	10.500.000.000
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
IV. Cổ phiếu				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	206.415.273.980	20.641.527.398
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	15.213.361.760	2.282.004.264
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	104.246.490.800	20.849.298.160
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	57.374.689.527	28.687.344.764
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	49.550.510.000	4.955.051.000
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	781.800	312.720
16	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50	140.000	70.000

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị rủi ro thị trường

VII. Chứng khoán phái sinh				
17	Hợp đồng tương lai chỉ số	8	-	-
Cách tính:				
Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)				
Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở				
18.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
Cách tính:				
Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)				
Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở				
VIII. Chứng khoán khác				
19.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
20.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc các chỉ số đạt chuẩn	25	-	-

21.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
22.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
23.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
24.	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
Cách tính:				
Giá trị rủi ro = (P0 x Q0 x k – P1 x Q1) x R – MD				
25.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26.	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			89.796.264.997	

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro	
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	3.675.466.736
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	33.939.770.838
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN	37.615.237.574

Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Hệ số rủi ro (%)		Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro VND
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Loại hình giao dịch								
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*)	-	-	-	-	3.096.000.000	579.466.736	3.675.466.736
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN		3.675.466.736						

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,80%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,20%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,80%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

(*) Chi tiết:

	Giá trị sổ sách	Giá trị tài sản đảm bảo	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo	Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác	Giá trị rủi ro thanh toán
	VND	VND	VND	%	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	51.600.000.002	-	51.600.000.002	6	3.096.000.000
Dự thu cổ tức	4.556.619.400	-	4.556.619.400	8	364.529.552
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.198.492.806	-	2.198.492.806	8	175.879.424
Phải thu khác	488.221.994	-	488.221.994	8	39.057.760
58.843.334.202		-	58.843.334.202		3.675.466.736

Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Từ 60 ngày trở đi	100	33.939.770.838	33.939.770.838
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				33.939.770.838

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị rủi ro hoạt động

Chỉ tiêu		Giá trị VND
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2018	444.261.836.010
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	115.095.268.301
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	329.166.567.709
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	82.291.641.927
V	20% Vốn pháp định của Công ty	60.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (MAX {IV, V})		82.291.641.927

Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

		Giá trị VND
Chi phí khấu hao		4.074.692.657
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp		(2.775.201.033)
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn		(493.534.550)
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		82.500.000
Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		114.206.811.227
TỔNG CỘNG		115.095.268.301

Vốn khả dụng

		Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
STT	Nội dung	(1)	(2)	(3)
A. Vốn chủ sở hữu				
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(496.682.500)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	23.148.061.854		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	36.121.049.159		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	36.121.049.159		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	264.666.028.072		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	108.469.722.999		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		15.520.300.800	25.661.790.834
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	TỔNG			1.810.763.255.497

Thuyết minh báo cáo
tỷ lệ an toàn tài chính
(Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vốn khả dụng (Tiếp theo)

STT		Nội dung	Vốn khả dụng		
			Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
			(1)	(2)	(3)
B. Tài sản ngắn hạn					
I	Tài sản tài chính				
1	Tiền và các khoản tương đương tiền				
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)				
	-	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
2	-	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	2.670.000		
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)				
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường				
3	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-		
4	Các khoản cho vay				
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)				
	-	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
5	-	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-		
6	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp				
	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)				
	-	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
7	-	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	2.502.619.425		
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết				
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-		

	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
10	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
11	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
12	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
13	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		6.514.867.194	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác			
	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		388.072.553	
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.559.743.903	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	TỔNG			10.967.973.075

Thuyết minh báo cáo
tỷ lệ an toàn tài chính
(Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vốn khả dụng (Tiếp theo)

		Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
STT	Nội dung	(1)	(2)	(3)
C. Tài sản dài hạn				
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		90.257.267.121	
2.1				
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		87.965.520.000	
II	Tài sản cố định		16.648.055.291	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.169.613.567	
2	Chi phí trả trước dài hạn		36.050.314.649	
3	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		20.000.000.000	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 87/2017/TT-BTC		-	
1C	TỔNG			252.090.770.628

D. Các khoản ký quỹ, đảm bảo				
1	Giá trị ký quỹ			
	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.1				
	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2				
	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
1.3				
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1C	TỔNG			-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			1.547.704.511.794	

Ghi chú:

Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Bà Vũ Thu Hòa
Phó phòng Pháp chế &
Kiểm soát Nội bộ



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

